

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
(Theo tiêu chuẩn Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Nghệ An, tháng 11/2022









**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

**Theo tiêu chuẩn Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2017-2022)**

Nghệ An, tháng 11/2022

DANH SÁCH
CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

TT	Họ và tên, cơ quan công tác	Trách nhiệm được giao	Chữ kí
1	PGS. TS. Bùi Duy Cam	Trưởng đoàn	
2	TS. Phan Hùng Thư Trung tâm KĐCLGD - Trường Đại học Vinh	Thư kí	
3	TS. Trần Đình Quang Trung tâm KĐCLGD - Trường Đại học Vinh	Thành viên thường trực	
4	PGS. TS. Phạm Văn Quyết	Thành viên	
5	PGS. TS. Phan Văn Hiếu	Thành viên	
6	PGS. TS. Nguyễn Thái An	Thành viên	
7	TS. Lê Huy Tùng, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Thành viên	
8	ThS. Võ Công Dũng Trung tâm KĐCLGD - Trường Đại học Vinh	Giám sát	

© Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin trong Báo cáo được bảo vệ theo qui định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các qui định liên quan trong pháp luật hiện hành.

MỤC LỤC

Danh mục các chữ viết tắt	iv
Phần I. TỔNG QUAN	1
1. Giới thiệu chung	1
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài	1
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	3
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo	3
3.2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến của chương trình đào tạo	6
3.3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài	10
Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN	12
I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	12
<i>Tiêu chí 1.1</i>	12
<i>Tiêu chí 1.2</i>	13
<i>Tiêu chí 1.3</i>	14
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1	16
II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	16
<i>Tiêu chí 2.1</i>	16
<i>Tiêu chí 2.2</i>	18
<i>Tiêu chí 2.3</i>	19
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2	20
III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	21
<i>Tiêu chí 3.1</i>	21
<i>Tiêu chí 3.2</i>	22
<i>Tiêu chí 3.3</i>	24
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3	25
IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	27
<i>Tiêu chí 4.1</i>	27
<i>Tiêu chí 4.2</i>	28
<i>Tiêu chí 4.3</i>	30
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4	31
V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	32
<i>Tiêu chí 5.1</i>	32
<i>Tiêu chí 5.2</i>	34
<i>Tiêu chí 5.3</i>	35
<i>Tiêu chí 5.4</i>	36
<i>Tiêu chí 5.5</i>	37
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5	39
VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	40
<i>Tiêu chí 6.1</i>	40
<i>Tiêu chí 6.2</i>	42
<i>Tiêu chí 6.3</i>	44
<i>Tiêu chí 6.4</i>	45
<i>Tiêu chí 6.5</i>	46

<i>Tiêu chí 6.6</i>	47
<i>Tiêu chí 6.7</i>	48
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6	50
VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	53
<i>Tiêu chí 7.1</i>	53
<i>Tiêu chí 7.2</i>	54
<i>Tiêu chí 7.3</i>	55
<i>Tiêu chí 7.4</i>	56
<i>Tiêu chí 7.5</i>	57
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7	59
VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	60
<i>Tiêu chí 8.1</i>	60
<i>Tiêu chí 8.2</i>	61
<i>Tiêu chí 8.3</i>	63
<i>Tiêu chí 8.4</i>	65
<i>Tiêu chí 8.5</i>	67
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8	68
IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	69
<i>Tiêu chí 9.1</i>	69
<i>Tiêu chí 9.2</i>	71
<i>Tiêu chí 9.3</i>	72
<i>Tiêu chí 9.4</i>	73
<i>Tiêu chí 9.5</i>	75
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9	76
X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	77
<i>Tiêu chí 10.1</i>	77
<i>Tiêu chí 10.2</i>	78
<i>Tiêu chí 10.3</i>	79
<i>Tiêu chí 10.4</i>	80
<i>Tiêu chí 10.5</i>	81
<i>Tiêu chí 10.6</i>	82
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10	83
XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	84
<i>Tiêu chí 11.1</i>	84
<i>Tiêu chí 11.2</i>	86
<i>Tiêu chí 11.3</i>	87
<i>Tiêu chí 11.4</i>	89
<i>Tiêu chí 11.5</i>	90
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11	92
Phần III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	94
Phần IV. PHỤ LỤC	vii

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	VIẾT TẮT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ
1.	BLQ	Bên liên quan
2.	CB	Cán bộ
3.	CĐR	Chuẩn đầu ra
4.	CLB	Câu lạc bộ
5.	CLPT	Chiến lược phát triển
6.	CNTT	Công nghệ thông tin
7.	CSGD	Cơ sở giáo dục
8.	CSVC	Cơ sở vật chất
9.	CTDH	Chương trình dạy học
10.	CTĐT	Chương trình đào tạo
11.	CTCT&HTSV	Công tác chính trị và hỗ trợ sinh viên
12.	CVHT	Cố vấn học tập
13.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
14.	ĐCHP	Đề cương học phần
15.	ĐGN	Đánh giá ngoài
16.	ĐH	Đại học
17.	ĐTBD	Đào tạo bồi dưỡng
18.	GDDH	Giáo dục đại học
19.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
20.	GS	Giáo sư
21.	GV	Giảng viên
22.	HP	Học phần
23.	HVBC&TT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
24.	HVCTQGHCM	Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
25.	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
26.	KQHT	Kết quả học tập
27.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
28.	KT&ĐBCLĐT	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo
29.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
30.	NH	Người học
31.	NTD	Nhà tuyển dụng

32.	NV	Nhân viên
33.	PPDH	Phương pháp dạy học
34.	PPGD	Phương pháp giảng dạy
35.	PVCD	Phục vụ cộng đồng
36.	QLĐT	Quản lí đào tạo
37.	SV(TN)	Sinh viên (tốt nghiệp)
38.	TĐG	Tự đánh giá
39.	ThS	Thạc sĩ
40.	TS	Tiến sĩ
41.	XDD(&CQNN)	Xây dựng Đảng (và Chính quyền nhà nước)

PHẦN I. TỔNG QUAN

I. Giới thiệu chung

Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài (ĐGN) thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước (XDĐ&CQNN) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) được thành lập theo Quyết định số 513/QĐ-KĐCLV ngày 26/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (Trung tâm). Đoàn gồm có 07 chuyên gia ĐGN và 01 cán bộ (CB) giám sát, do PGS. TS. Bùi Duy Cam (số thẻ KĐV: 2017.01.244) làm Trưởng đoàn. Đoàn đã tổ chức các hoạt động ĐGN đúng theo qui định hiện hành.

Bản báo cáo này khái quát quá trình ĐGN, các kết quả đạt được, những kiến nghị đối với CTĐT ngành XDĐ&CQNN của HVBC&TT. Báo cáo có các phụ lục:

- Phụ lục 1: Giới thiệu HVBC&TT, Khoa Xây dựng Đảng (XDĐ);
- Phụ lục 2: Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành XDĐ&CQNN;
- Phụ lục 3: Quyết định thành lập đoàn ĐGN;
- Phụ lục 4: Lịch trình ĐGN;
- Phụ lục 5: Công văn của HVBC&TT phản hồi Dự thảo Báo cáo ĐGN;

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các minh chứng, dữ liệu được Học viện cung cấp tính đến thời điểm ngày 10/10/2022, từ thực trạng của Học viện cùng các thông tin phản hồi và kết quả khảo sát, phỏng vấn các bên liên quan (BLQ) trong quá trình đánh giá.

II. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ mà Đoàn ĐGN sử dụng là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT được ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mức đánh giá mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức.

Các phương pháp đánh giá đã được Đoàn ĐGN sử dụng:

+ Nghiên cứu Hồ sơ TĐG do Học viện và Trung tâm cung cấp để xác định những vấn đề cần làm rõ trong các hoạt động của Học viện, đối chiếu với các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;

+ Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin mà Học viện đã thể hiện trong Báo cáo TĐG;

+ Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (SVTN) và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Học viện từ các BLQ;

+ Phỏng vấn, thảo luận với các đối tượng liên quan; quan sát, kiểm tra cơ sở vật chất (CSV), trang thiết bị và các hoạt động của Học viện để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng của Học viện.

Đoàn đã triển khai ĐGN theo các bước cụ thể như sau:

(1) *Nghiên cứu Hồ sơ TĐG*: Từ ngày 31/8 - 08/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm trao đổi, thống nhất nguyên tắc, phương pháp, tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí cho các thành viên trong Đoàn. Các thành viên Đoàn nghiên cứu, nhận xét hồ sơ TĐG và đánh giá sơ bộ về những vấn đề đã rõ/chưa rõ; xác định các thông tin, minh chứng còn thiếu đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công.

(2) *Họp Đoàn*: ngày 09/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm đã họp online để thảo luận về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các hồ sơ, tài liệu, minh chứng yêu cầu Học viện bổ sung; các CSV cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; những công tác hậu cần mà Học viện, Trung tâm và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị. Đồng thời, thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự kiến lịch trình khảo sát chính thức.

(3) *Khảo sát sơ bộ*: ngày 13/9/2022

Trưởng đoàn ĐGN, Thành viên thường trực, một số thành viên cùng Đại diện của Trung tâm đã tiến hành khảo sát sơ bộ tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền trực tiếp (PGS. TS. Bùi Duy Cam, Trưởng đoàn; Trần Đình Quang, Giám đốc Trung tâm kiêm thành viên thường trực; TS. Phan Hùng Thư kiểm định viên của Trung tâm, thư kí). Các đại diện Đoàn ĐGN đã làm việc với Lãnh đạo Học viện, Hội đồng TĐG và các phòng, trung tâm, khoa, bộ môn của Học viện. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Học viện. Đoàn đã thảo luận với Học viện và thống nhất về các tài liệu, minh chứng yêu cầu Học viện bổ sung; các CSV cần quan sát, kiểm tra tại cơ sở của Học viện; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn, ...

Kết thúc đợt khảo sát sơ bộ, Trưởng đoàn ĐGN cùng Giám đốc Học viện và Giám đốc Trung tâm đã kí Biên bản ghi nhớ.

(4) *Khảo sát chính thức*: từ ngày 07 đến 11 tháng 10 năm 2022

Đoàn đã thực hiện các hoạt động: kiểm tra hồ sơ, minh chứng, phỏng vấn trực tiếp với nhóm CB phụ trách các mảng: Đào tạo, Khảo thí; Công tác sinh viên (SV), Đảm bảo chất lượng (ĐBCL), Thanh tra giáo dục; Nghiên cứu khoa học (NCKH), Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Hợp tác quốc tế, Quản trị, Thư viện, Công

nghệ thông tin (CNTT), ... thảo luận và phỏng vấn chính thức, đồng thời lấy ý kiến đánh giá, góp ý của 06 nhóm đối tượng gồm tất cả các BLQ (94 người); gặp gỡ và phỏng vấn không chính thức với SV tại nhà ăn SV, kí túc xá, thư viện, phòng thực hành; thực hiện quan sát hoạt động của thư viện, kiểm tra ngẫu nhiên nhiều đầu sách/giáo trình của các học phần (HP) của CTĐT ngành XDD&CQNN; kiểm tra CSVC, trang thiết bị và quan sát hoạt động lên lớp của một số lớp học; khảo sát về tình hình việc làm (qua điện thoại) đối với 15 SVTN đại học (ĐH) hệ chính qui tốt nghiệp năm 2020 và 2021; Trong đó, tỉ lệ SVTN có việc làm trong vòng 06 tháng là 93,33%; tỉ lệ SVTN làm đúng chuyên môn được đào tạo là 71,43 %.

Đoàn cũng đã thu được từ các BLQ đến tham dự phỏng vấn 94 phiếu góp ý, tổng cộng có 470 ý kiến của CB, giảng viên (GV), SV, cựu SV và nhà tuyển dụng (NTD) về các hoạt động của Học viện.

Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB, GV và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn.

(4) *Viết Dự thảo báo cáo ĐGN*: Từ 12/10/2022 đến ngày 20/10/2022, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết Dự thảo báo cáo ĐGN. Dự thảo báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và CB giám sát của Trung tâm KĐCLGD-ĐHV thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Học viện vào ngày 28/11/2022.

(5) *Hoàn thiện Báo cáo ĐGN*: sau khi nhận được văn bản phản hồi đồng ý hoàn toàn với Dự thảo Báo cáo ĐGN CTĐT ngành XDD&CQNN của HVBC&TT (ngày 29/11/2022), Đoàn chuyên gia ĐGN đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo ĐGN. Báo cáo ĐGN chính thức đã được tất cả các thành viên của Đoàn ĐGN nhất trí thông qua ngày 01/12/2022. Đoàn đã gửi lại Báo cáo ĐGN chính thức cho Học viện (qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV) theo đúng qui định.

III. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

Đoàn chuyên gia ĐGN đã triển khai khảo sát chính thức tại HVBC&TT từ ngày 07 đến ngày 11 tháng 10 năm 2022 theo đúng kế hoạch, qui trình, đảm bảo tính khách quan, trung thực, độc lập và dựa trên minh chứng. Các phát hiện chính như sau:

1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo

(1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CTĐT đã xác định rõ ràng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện, đáp ứng mục tiêu của giáo dục đại học (GDĐH) trong Luật GDĐH và Khung trình độ Quốc gia. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT được xác định rõ với các nội dung về kiến thức, kĩ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm,

thể hiện được mục tiêu của CTĐT. CĐR đã phản ánh được yêu cầu xã hội thông qua việc tham khảo ý kiến của các BLQ trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR và được công bố công khai bằng các hình thức và phương tiện khác nhau và các BLQ dễ dàng tiếp cận.

(2) Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT có khá đủ thông tin theo quy định, đã cập nhật những vấn đề mới của lĩnh vực ngành đào tạo. Khoa đã triển khai xây dựng đề cương học phần (ĐCHP) cho tất cả các HP trong CTĐT. Tất cả các ĐCHP đã ghi đủ thông tin cần thiết. Các BLQ đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách thuận tiện thông qua cổng thông tin của Học viện; trang fanpage của Khoa; bản in CTĐT được lưu tại văn phòng Khoa.

(3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Theo các CĐR của CTĐT, Khoa đã thiết kế chương trình dạy học (CTDH) với các HP tương ứng; đã xác định tổ hợp các phương pháp dạy học (PPDH) và phương pháp kiểm tra đánh giá (KTĐG) phù hợp với từng loại HP. Tất cả HP trong CTĐT đã có ĐCHP, trong đó CĐR của từng HP đã thể hiện được sự tương thích về nội dung và mức đóng góp của HP vào CĐR của CTĐT. Tất cả ĐCHP đều ghi rõ PPDH cùng phương pháp KTĐG hướng đến đạt được CĐR của người học (NH); đều ghi rõ các HP tiên quyết hoặc các điều kiện khác và được bố trí giảng dạy vào các thời điểm thích hợp của khóa học để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy HP.

(4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trên cơ sở Triết lí và Mục tiêu của Học viện, Khoa đã phát triển CTĐT theo tinh thần giáo dục NH có khả năng làm việc trong lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng văn hóa, truyền thông, có khả năng thích ứng nhanh với thời đại. Tất cả các ĐCHP yêu cầu nhiệm vụ của NH trong rèn luyện các kĩ năng mềm, kĩ năng nghề nghiệp thiết yếu, yêu cầu và dành khoảng thời gian phù hợp cho NH tự học/nghiên cứu tài liệu. Khoa, GV đã sử dụng các phương pháp giảng dạy (PPGD) phù hợp ở từng HP, kết hợp với các hoạt động ngoại khóa nhằm hỗ trợ SV rèn luyện kĩ năng và nâng cao năng lực cơ bản cho học suốt đời.

5) Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện đã có hệ thống các văn bản về KTĐG kết quả học tập (KQHT) của NH và đều được được phổ biến đầy đủ, công khai tới SV và GV. Mỗi HP đều được đánh giá bằng các phương pháp, công cụ KTĐG phù hợp, giúp đánh giá được mức độ đạt CĐR. Học viện đã quy định rõ thời gian, địa điểm công bố điểm kiểm tra/thi phù hợp với các hình thức tổ chức kiểm tra/thi, đã xác định thời gian phản hồi kết quả cho NH và quy định về khiếu nại bài thi.

(6) Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản và triển khai thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV trên cơ sở đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ trong các giai đoạn đáp ứng cơ bản nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (PVCD). Việc tuyển dụng đội ngũ GV các khoa và triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng (ĐTBD) cho GV được thực hiện hằng năm; đội ngũ GV của ngành đã gia tăng trong giai đoạn đánh giá; tỉ lệ GV/SV các năm học trong giai đoạn đánh giá đều đạt tỉ lệ theo quy định; khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm học; thực hiện tốt công tác quản trị công việc của GV theo quy trình khá chặt chẽ từ phân công nhiệm vụ đầu năm đến đánh giá kết quả cuối mỗi học kỳ, đánh giá, phân loại, Thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch, không có khiếu nại gì.

(7) Đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên (NV) của Học viện/Khoa được tuân thủ theo Chiến lược phát triển (CLPT) HVBC&TT. Học viện đã tiến hành khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ NV, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ NV hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, đồng thời có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV tuân thủ Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức và thông báo công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Học viện đã ban hành quy chế làm việc và phân công CB chuyên trách, quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV và đã triển khai thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV.

(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Học viện có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin. Có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ NH trong học tập, NCKH. Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của NH. Hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua, và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH; ngoài ra SV còn được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, an ninh, an toàn tốt, cây xanh nhiều, thiết kế đẹp, thân thiện. Có khu kí túc xá riêng (373 phòng), bố trí trong một khu vực liên hợp cả khu thể thao, căng-tin, y tế rất tiện lợi cho sinh hoạt của NH. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phong phú (6,7m²/NH), có đủ trang thiết bị phù hợp phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hệ thống CNTT, thư viện, thiết bị thực hành phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ: có đủ học liệu, không gian tự học; có 06 phòng thực hành tin học, 03 phòng lab học tiếng (và 12 phòng thực hành chuyên dụng khác); công tác tin học hoá việc quản lí trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng.

(10) Nâng cao chất lượng

Học viện đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ và đã thực hiện khảo sát, xử lí tất cả các kết quả khảo sát. Học viện đã ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT và thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình này. Học viện/Khoa đã chuyển tải 24 đề tài các cấp trong tổng số 41 đề tài NCKH thành nội dung giảng dạy của nhiều HP trong CTDH và được sử dụng làm tài liệu tham khảo. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (KT&ĐBCLĐT) chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình khảo sát, công cụ cho khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ, các đơn vị phòng ban và các khoa là đơn vị phối hợp thực hiện.

(11) Kết quả đầu ra

Tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp được giám sát và có tỉ lệ SVTN đúng hạn tương đối cao. Học viện/Khoa đã có nhiều hoạt động tư vấn hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm. Công tác NCKH của SV được quản lí, tổ chức tương đối chặt chẽ và có chính sách tạo động lực khuyến khích SV tham gia và GV hướng dẫn. Công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ được thực hiện định kỳ, đa dạng về phương thức khảo sát và kết quả khảo sát đã được sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến của chương trình đào tạo

(1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Cần rà soát từng CĐR của CTĐT và chỉnh sửa để đảm bảo các CĐR đều có thể đo lường thuận lợi, làm cơ sở cho thiết kế CTDH. Học viện/Khoa cần có hướng dẫn, tập huấn cho GV về cơ sở khoa học và cách thức xây dựng các ma trận kết nối giữa CĐR của CTĐT với mục tiêu của CTĐT, giữa các HP với CĐR của CTĐT.

(2) Bản mô tả chương trình đào tạo

Học viện, Khoa cần xây dựng, phê duyệt đề công bố chính thức Bản mô tả CTĐT ngành XDĐ&CQNN với tên chương trình phù hợp. Cần làm rõ nội hàm của Bản mô tả CTĐT và CTĐT, trong đó cần bổ sung thông tin về CTDH (cấu trúc CTĐT theo từng HP, số tín chỉ cùng thời điểm tổ chức thực hiện HP) vào bản mô tả CTĐT. Cần thường xuyên rà soát kỹ và cập nhật ĐCHP, nhất là cập nhật học liệu đối với những HP liên quan đến những vấn đề chính trị có tính thời sự cao. Cần xem xét lại cách thức xây ma trận kỹ năng để đảm bảo các ma trận cụ thể, rõ ràng, phù hợp với từng mối quan hệ.

(3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Cần tập huấn cho CB, GV về xây dựng ma trận kết nối giữa các HP (nội dung, PPGD và phương pháp KTĐG) với CĐR. Cần tăng thêm thời lượng về nghiệp vụ sư phạm cho CTĐT GV XDĐ&CQNN và nên xem xét để bố trí xen kẽ các HP kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với các HP kiến thức giáo dục đại cương trên cơ sở vừa đảm bảo tính logic trong cấu trúc của CTDH vừa đảm bảo sự hứng thú trong học tập cho SV năm đầu.

(4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Học viện cần quán triệt và phổ biến rộng rãi Triết lý giáo dục cho các BLQ; cần làm rõ hơn về nội dung Mục tiêu giáo dục. Học viện và Khoa cần có giải pháp phù hợp tạo điều kiện cho GV khắc phục những hạn chế của CSVC, kinh phí để đảm bảo thực hiện hiệu quả các hoạt động giảng dạy đặc biệt với các HP thực tập, kiến tập. Bổ sung thêm các HP thực hành, thực tế và ngoại ngữ một cách hợp lý nhất cả ở mặt thời lượng và thời điểm.

(5) Đánh giá kết quả học tập của người học

Cần rà soát và giám sát chặt chẽ hơn nữa khâu chấm thi và làm tốt công tác hậu kiểm, giám sát các khâu khác của quá trình KTĐG của các HP, để đảm bảo quy định của học viện về KTĐG KQHT của NH được thực hiện theo đúng các văn bản quy định. Hằng năm, Học viện cần dựa trên việc phân tích kết quả đánh giá HP của NH để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của phương pháp đánh giá, từ đó đề xuất cải tiến phương pháp đánh giá và công tác ra đề.

(6) Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Học viện cần xây dựng Kế hoạch phát triển đội ngũ CB, GV theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, theo nhóm ngành và chú trọng cơ cấu độ tuổi và tỉ lệ nam, nữ làm cơ sở cho các đơn vị/khoa xây dựng chiến lược/kế hoạch CLPT của đơn vị. Rà soát đề án vị trí việc làm để điều chỉnh số lượng vị trí GV của các Khoa cho phù hợp với ngành đào tạo như hiện nay. Học viện/Khoa cần có chính sách mạnh thu hút GV có chức danh, trình độ cao và trẻ hóa đội ngũ làm nòng cốt cho Khoa/ngành trong đào tạo

và NCKH; đầu tư cho GV trẻ đi đào tạo nâng cao trình độ và các lớp ĐTBD về năng lực phát triển CTDH và NCKH; cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV (KPIs), quy trình, cách thức đánh giá năng lực và thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ trong suốt mỗi năm học; cần khuyến khích và có chính sách đầu tư hơn nữa để tất cả các GV của ngành tích cực NCKH, đảm bảo số giờ và sản phẩm NCKH theo quy định TT20/2020 và đảm bảo tỉ lệ chi cho NCKH theo đúng quy định của Nghị định 99/2014 của Chính phủ.

(7) Đội ngũ nhân viên

Học viện/Khoa cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBD của đội ngũ NV một cách bài bản. Cần có kế hoạch rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng phù hợp với tình hình thực tế của Học viện và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Học viện cần nhắc việc xây dựng và tổ hợp đầy đủ các tiêu chí để xây dựng thành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ NV một cách bài bản. Cần có kế hoạch hỗ trợ, cử đội ngũ chuyên viên tham gia các khóa đào tạo về thiết kế phát triển CTĐT, ĐBCL, ... nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Học viện. Học viện nên có chế độ chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đội ngũ NV hỗ trợ các hoạt động về đào tạo, NCKH, PVCĐ của Học viện như Tuyển sinh, ĐBCL, Đào tạo, CSVC, Tài chính, Quản lý KTX, Y tế, CTCT&HTSV, ... khi số lượng NH ngày một tăng.

(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Học viện và Khoa cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành XDĐ&CQNN sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm; Cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ BLQ về phương pháp xét tuyển và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng; Học viện cần tuyển thêm GV chuyên ngành để việc tuyển sinh sẽ phù hợp chỉ tiêu đề ra; Học viện và Khoa cần có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ cố vấn học tập (CVHT); Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động câu lạc bộ (CLB), sinh hoạt đội nhóm cho SV; Học viện cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV.

(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại. Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường ĐH khác; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho phần mềm Kipos; bổ sung, cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn; tăng số máy khử từ. Trang bị phòng thực hành PPGD riêng với thiết bị phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ giảng dạy, phòng thực hành dạy học

trực tuyến. Đầu tư phần mềm quản lý dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

(10) Nâng cao chất lượng

Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc lấy ý kiến các BLQ trong quá trình rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT. Cần quan tâm hơn việc đánh giá quá trình dạy-học và quá trình KTĐG. Cần ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá KQHT để thuận tiện trong quá trình triển khai và thực hiện. Định kỳ tổng kết, đánh giá cơ chế phản hồi của các BLQ để cải tiến, nâng cao hiệu quả khảo sát.

(11) Kết quả đầu ra

Học viện cần ban hành quy định về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo. Khoa cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp để giảm số SV thôi học và tăng tỉ lệ SV có việc làm đúng và gắn với ngành đào tạo. Tăng cường hoạt động NCKH của SV. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực SVTN để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của NTD, GV, cựu NH về chất lượng SV sau tốt nghiệp làm cơ sở triển khai đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

3. Bảng tổng hợp kết quả Tự đánh giá và Đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1								
Tiêu chí 1.1	5	4	4,67	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	5	4						
Tiêu chí 1.3	4	4						
Tiêu chuẩn 2								
Tiêu chí 2.1	4	3	4,67	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	5	4						
Tiêu chí 2.3	5	4						
Tiêu chuẩn 3								
Tiêu chí 3.1	5	4	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	5	3						
Tiêu chí 3.3	5	4						
Tiêu chuẩn 4								
Tiêu chí 4.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	5	4						
Tiêu chuẩn 5								
Tiêu chí 5.1	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
Tiêu chuẩn 6								
Tiêu chí 6.1	5	5	5,00	7	100	4,14	6	85,71
Tiêu chí 6.2	5	4						
Tiêu chí 6.3	5	4						
Tiêu chí 6.4	5	3						
Tiêu chí 6.5	5	4						

Tiêu chí 6.6	5	4						
Tiêu chí 6.7	5	5						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								
Tiêu chí 7.1	5	4	5,00	5	100	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	5	4						
Tiêu chí 7.3	5	4						
Tiêu chí 7.4	5	4						
Tiêu chí 7.5	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								
Tiêu chí 8.1	5	4	5,00	5	100	4,20	5	100
Tiêu chí 8.2	5	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	5	4						
Tiêu chí 8.5	5	5						
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								
Tiêu chí 9.1	5	5	5,00	5	100	4,40	5	100
Tiêu chí 9.2	5	4						
Tiêu chí 9.3	5	4						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	5						
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								
Tiêu chí 10.1	5	4	5,00	6	100	3,83	4	66,67
Tiêu chí 10.2	5	4						
Tiêu chí 10.3	5	3						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	5	3						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								
Tiêu chí 11.1	5	4	4,80	5	100	4,00	5	100
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	5	4						
Tiêu chí 11.4	5	4						
Tiêu chí 11.5	4	4						
Đánh giá chung CTĐT								

Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

1. Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học qui định tại Luật giáo dục đại học

1. Điểm mạnh

CTĐT trình độ ĐH ngành XDĐ&CQNN được ban hành năm 2016, 2018 và năm 2020 trong chu kỳ KĐCLGD đã xác định rõ ràng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. CTĐT ban hành năm 2020 (Số 3913/QĐ-HVBCCTT-ĐT, ngày 20/9/2020) có mục tiêu chung là: “... đào tạo CB, GV năng động, tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị và yêu cầu của xã hội. CTĐT cung cấp cho SV những kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức lí luận chính trị, những kiến thức nền tảng về khoa học XDĐ&CQNN, kiến thức kinh điển về XDĐ, xây dựng Chính quyền nhà nước. Đồng thời rèn luyện kĩ năng tư duy, phương pháp luận NCKH, phát triển kĩ năng nghiệp vụ sư phạm; bồi dưỡng lòng yêu nghề, trách nhiệm nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân, ...”. Từ mục tiêu chung này, Học viện đã phát triển thành 12 mục tiêu cụ thể bao trùm lên các nội dung về kiến thức chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ và về phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ phục vụ.

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với Sứ mạng của Học viện là “NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác” và Sứ mạng của Khoa XDĐ là “đơn vị trọng điểm, uy tín, thương hiệu hàng đầu về giảng dạy, NCKH, đào tạo XDĐ&CQNN cả ba bậc ĐH, thạc sĩ (ThS), tiến sĩ (TS); bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực XDĐ&CQNN”.

Mục tiêu CTĐT ngành XDĐ&CQNN đã đáp ứng các yêu cầu trong mục tiêu của GDĐH được quy định tại điểm b, khoản 2 và khoản 1, điều 5 trong Luật GDĐH năm 2012, Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 là “đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kĩ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân” và phù hợp với Khung trình độ quốc gia (Số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016), trình độ tin học (Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông) và ngoại ngữ (Số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

2. Điểm tồn tại

Một số mục tiêu cụ thể thiếu động từ cần thiết như “cung cấp cho”, hoặc “NH có/nắm/lĩnh hội được” ... CTĐT còn xác định nhiều mục tiêu cụ thể (12 mục tiêu), trong đó có một số mục tiêu quá cụ thể dễ lẫn với CĐR. Điều đó cũng có nghĩa Khoa chưa làm rõ đầy đủ nội hàm của mục tiêu cụ thể và CĐR của CTĐT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần rà soát, hoàn thiện các động từ cần thiết đối với một số mục tiêu cụ thể cho CTĐT; nên phổ biến và tập huấn rộng rãi để CB, GV hiểu rõ và đầy đủ về nội dung, bản chất mục tiêu CTĐT/HP, CĐR của CTĐT/HP, bản mô tả CTĐT, CTDH, từ đó điều chỉnh nội dung mục tiêu cụ thể của CTĐT phù hợp hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành XĐĐ&CQNN được ban hành cùng với CTĐT vào năm 2018 (Số 4954/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 26/10/2018), được rà soát, bổ sung và ban hành cùng với CTĐT vào năm 2020 (Số 3913/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 20/9/2020). CĐR ngành XĐĐ&CQNN được xác định rõ ràng với các nội dung về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, trách nhiệm và khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp, thể hiện được mục tiêu của CTĐT. Khoa XĐĐ đã xây dựng ma trận kết nối 18 CĐR với 12 mục tiêu cụ thể của CTĐT.

CĐR của CTĐT ngành XĐĐ&CQNN được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung năm 2020 đã xác định rõ ràng các chuẩn theo 3 nội dung: kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Từ 3 nội dung này, CĐR được chi tiết hóa thành 18 CĐR, trong đó có 8 chuẩn về kiến thức, 7 chuẩn về kỹ năng và 3 chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Khi đạt được 18 CĐR này, NH có thể đảm nhận ở nhiều vị trí công việc: làm công tác tổ chức trong các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; làm công tác tham mưu, nghiên cứu, tổng hợp ở các ban đảng, các cơ quan chuyên môn từ Trung ương đến cơ sở; làm công tác tổ chức - CB, công tác văn phòng trong các cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị; làm công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang, công tác đảng trong doanh nghiệp; làm công tác quản trị nhân sự trong doanh nghiệp; hoặc có thể tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về XĐĐ, có thể tiếp tục học tập nghiên cứu ở bậc cao hơn, ...

CĐR về ngoại ngữ và CĐR về tin học của CTĐT ngành XDD&CQNN đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 và Thông tư số 03/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 phù hợp với yêu cầu ở trình độ ĐH. CĐR của CTĐT được xây dựng phù hợp với Sứ mạng và định hướng phát triển của Học viện và đáp ứng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành (Số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016) đối với bậc GDĐH.

CĐR và hệ thống các HP trong CTĐT có liên hệ với nhau. Học viện xây dựng ma trận kết nối giữa CĐR với các HP của CTĐT: mỗi HP trong CTĐT đều có sự đóng góp nhất định vào hoàn thành các CĐR về kiến thức, kỹ năng cụ thể, và hình thành năng lực cho NH. Mỗi bài/chương của các HP đều chỉ ra được sự đóng góp vào CĐR của HP.

2. Điểm tồn tại

Vẫn còn có CĐR chưa thật cụ thể, khó lượng hóa để đánh giá mức độ đạt được của NH.

Từ ý kiến phỏng vấn các GV cho thấy, việc xác định sự đóng góp của các HP vào việc đạt được CĐR của CTĐT trong ma trận kết nối giữa các học phần với CĐR của CTĐT ở một số trường hợp còn do cảm tính.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần rà soát từng CĐR của CTĐT và chỉnh sửa, đảm bảo các CĐR đều có thể đo lường thuận lợi, làm cơ sở cho thiết kế CTDH. Học viện/Khoa cần có hướng dẫn, tập huấn cho GV về cơ sở khoa học và cách thức xây dựng các ma trận kết nối giữa các HP với CĐR của CTĐT, giữa CĐR của CTĐT với mục tiêu của CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kì rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Điểm mạnh

Thực hiện quyết định về việc ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT tại Học viện (Số 2244/QĐ-HVBCCTT ngày 22/05/2018; số 2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020); hướng dẫn rà soát, cập nhật hoàn thiện CTĐT ĐH (Số 3094/HD-HVBCCTT-ĐT ngày 18/6/2018; số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT ngày 29/4/2020) và kế hoạch của Học viện về việc xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, đổi mới CTĐT, trong đó bao gồm CĐR (Số 3056/KH-HVBCCTT ngày 15/5/2020) và những yêu cầu về khảo sát ý kiến các BLQ. Năm 2018 và 2020, Khoa XDD đã tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ

dưới một số hình thức như: tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, phát phiếu hỏi, ... phục vụ cải tiến chất lượng đào tạo, trong đó có cải tiến CĐR và CTĐT. Các khảo sát đã đề cập đến việc đánh giá CĐR hiện có và đề xuất yêu cầu điều chỉnh CĐR, yêu cầu đối với năng lực nghề nghiệp phẩm chất đạo đức của SVTN, ... Các ý kiến, các đề xuất, các yêu cầu thu được từ khảo sát đã được phân tích và được chuyển tải vào nội dung CĐR của CTĐT.

Nghiên cứu hồ sơ, minh chứng và phỏng vấn các đối tượng trong thời gian khảo sát phục vụ ĐGN, Đoàn Chuyên gia nhận thấy, quá trình xây dựng và rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT, Khoa và Học viện đã thực hiện theo sát yêu cầu tại Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ GD&ĐT, đã sử dụng kết quả khảo sát các BLQ cho điều chỉnh nội dung, hình thức và các yêu cầu của CĐR.

Phù hợp với quy định của Học viện, trong giai đoạn KĐCLGD, CĐR của CTĐT ngành XDD&CQNN được xem xét, điều chỉnh vào năm 2018 và năm 2020 để đảm bảo sự thích ứng của CTĐT với nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT được phê duyệt năm 2018 có 42 chuẩn, phân bổ theo 3 phần: 27 CĐR về kiến thức, 10 CĐR về kỹ năng, 5 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm; chuẩn ngoại ngữ phải đạt bậc 3/6 (B1). CĐR của CTĐT được phê duyệt năm 2020 có điều chỉnh một số nội dung: số lượng CĐR được khái quát thành 16 chuẩn, trong đó có 6 CĐR về kiến thức, 7 CĐR về kỹ năng và 3 CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm; chuẩn ngoại ngữ yêu cầu đạt bậc 3/6 (B1), vị trí việc làm trong tương lai mà NH tốt nghiệp có thể đảm nhận cũng được xác định rõ ràng và đầy đủ hơn, phù hợp với yêu cầu và đề xuất của các BLQ, nhất là yêu cầu của NH và NH tốt nghiệp.

CĐR của CTĐT ngành XDD&CQNN được công bố công khai, được phổ biến rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các BLQ như NH, GV, chuyên gia, NTD, ... có thể dễ dàng tiếp cận được. CĐR được công bố trên cổng thông tin điện tử của Học viện (<https://ajc.hcma.vn>); được thông báo trong các cuộc họp khoa; hồ sơ về CTĐT ngành XDD&CQNN và CĐR được lưu tại Khoa XDD. Đối với NH, CĐR được công bố ở buổi sinh hoạt định hướng đầu khóa, buổi họp lớp cùng CVHT và GVCN.

2. Điểm tồn tại

Học viện/Khoa chưa tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ, nhất là ý kiến của NTD cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ, nhất là ý kiến của NTD cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

CTĐT cử nhân ngành XDD&CQNN được ban hành trong chu kỳ KĐCLGD đã xác định rõ ràng mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với Sứ mệnh và Tầm nhìn của Học viện đến năm 2050 là “trở thành trường ĐH có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới”, đồng thời cũng đã đáp ứng các yêu cầu trong mục tiêu của GDDH được quy định trong Luật GDDH và Khung trình độ Quốc gia.

CĐR ngành XDD&CQNN được xác định rõ với các nội dung về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm, đã thể hiện được mục tiêu của CTĐT. Ma trận kết nối giữa các HP với CĐR cho biết sự đóng góp của các HP hình thành các kiến thức, kỹ năng cụ thể, và hình thành năng lực cho NH. CĐR đã phản ánh được yêu cầu của xã hội thông qua việc tham khảo ý kiến của các BLQ của Khoa trong quá trình xây dựng, đổi mới CĐR.

CĐR của CTĐT ngành XDD&CQNN đã được rà soát, được điều chỉnh và được công bố công khai bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các BLQ như NH, GV, chuyên gia, người sử dụng lao động, ... dễ dàng tiếp cận.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Một số mục tiêu cụ thể còn thiếu các động từ cần thiết, phù hợp.

Một số CĐR được xác định chưa thật cụ thể, khó lượng hóa để đánh giá mức độ đạt được CĐR của NH.

Học viện/Khoa chưa tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ, nhất là ý kiến của người sử dụng lao động cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện/Khoa cần rà soát, bổ sung các động từ phù hợp cho một số mục tiêu cụ thể của CTĐT; nên phổ biến và tập huấn rộng rãi để CBGV thấu hiểu nội dung, bản chất mục tiêu CTĐT/ HP, CĐR của CTĐT/HP, bản mô tả CTĐT, CTDH.

Cần rà soát từng CĐR của CTĐT và chỉnh sửa để sao cho các CĐR đều có thể đo lường thuận lợi, làm cơ sở cho thiết kế CTDH.

Học viện/Khoa cần tận dụng triệt để ý kiến đóng góp của các BLQ, nhất là ý kiến của người sử dụng lao động cho việc cải tiến, đổi mới CĐR của CTĐT.

II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

1. Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh

Trước năm 2018, Học viện đã công bố CTĐT ngành XDĐ&CQNN, trong đó có nội dung của Bản mô tả CTĐT. Năm 2018, Học viện đã ban hành 2 CTĐT ngành XDĐ&CQNN theo 2 chuyên ngành: đào tạo GV (Số 4954/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 25/10/2018) và Công tác tổ chức (Số 4955/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 25/10/2018). Bản mô tả CTĐT ngành XDĐ&CQNN được ban hành năm 2020 (Số 3913/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 20/9/2020) có các thông tin theo quy định: tên CTĐT; tên văn bằng; thời gian đào tạo; mục tiêu, CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng; phương pháp đánh giá; mô tả học phần; ...

Thực hiện Quyết định, Hướng dẫn và Kế hoạch của Học viện về xây dựng, cập nhật CTĐT (Số 2244/QĐ-HVBCCTT ngày 22/5/2018; số 2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020; số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT ngày 31/5/2020; số 3056/KH-HVBCCTT ngày 15/5/2020), định kỳ Khoa XDĐ đã tiến hành rà soát và cải tiến CTĐT, bao gồm nội dung Bản mô tả CTĐT. Do vậy, Bản mô tả CTĐT đã thường xuyên được cập nhật với những vấn đề mới của lĩnh vực chuyên ngành. Cơ sở cho việc cải tiến Bản mô tả CTĐT là việc tiếp thu ý kiến của các BLQ qua các khảo sát thường xuyên hằng năm và khảo sát phục vụ trực tiếp việc rà soát CTĐT của Học viện/Khoa cùng việc tham khảo, đối sánh với CTĐT ngành XDĐ&CQNN của các trường ĐH khác, như CTĐT ngành XDĐ của Trường ĐH Nội vụ. Bên cạnh đó việc cải tiến CTDH ngành XDĐ&CQNN còn cần đáp ứng yêu cầu của HVCTQGHCM cho phù hợp với khung CTĐT cao cấp lý luận chính trị.

So với năm 2016, Bản mô tả CTĐT năm 2018 có đổi mới về mục tiêu, CDR, kết cấu và nội dung CTDH: bản mô tả CTĐT phiên bản 2016 chưa xác định CDR, thì tại phiên bản năm 2018 đã xác định 42 CDR, đã cắt giảm số HP và thời lượng của ngoại ngữ từ 4 HP với 15 tín chỉ xuống còn 3 HP với 12 tín chỉ; HP Tin học ứng dụng được điều chỉnh từ 2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành thành 1 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ thực hành; bổ sung thêm HP XDĐ. Bản mô tả CTĐT năm 2020 so với năm 2018 không thay đổi nhiều về kết cấu, sự điều chỉnh chủ yếu theo hướng tích hợp - SV sẽ lựa chọn khối kiến thức chuyên ngành sau khi đã hoàn thành các HP ở khối kiến thức ngành chứ không tách thành 2 chuyên ngành riêng như CTĐT năm 2018. Đồng thời, CTĐT năm 2020 có bổ sung HP Công tác vận động thanh niên của Đảng vào khối kiến thức ngành tự chọn. Việc điều chỉnh còn thực hiện theo hướng bổ sung và hoàn thiện các ma trận kết nối giữa các HP với CDR, ma trận giữa PPDH với CDR, ma trận

kết nối KTĐG với CĐR; đã điều chỉnh mục tiêu cụ thể và CĐR; đã cập nhật trong mô tả các HP.

2. Điểm tồn tại

Khoa có Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành XĐĐ&CQNN năm 2020 ghi kèm theo số quyết định của CTĐT ngành XĐĐ&CQNN (số 3913/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 20/9/2020). Điều này cho thấy, Bản mô tả CTĐT chưa được phê duyệt chính thức và Khoa chưa phân biệt rõ nội hàm của Bản mô tả CTĐT và CTĐT. Tại “Bản mô tả CTĐT” này ở mục Tên chương trình ghi: GV XĐĐ&CQNN (a) và Công tác tổ chức (b) là không phù hợp, vì đây chỉ là tên các chuyên ngành trong CTĐT ngành XĐĐ&CQNN không phù hợp với mã ngành và quyết định cho phép đào tạo của Bộ GD&ĐT và tên văn bằng.

Bản mô tả CTĐT chưa có thông tin về CTDH (cấu trúc CTĐT theo từng HP, số tín chỉ cùng thời điểm tổ chức thực hiện HP, ...).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện, Khoa cần xây dựng, phê duyệt để công bố chính thức Bản mô tả CTĐT ngành XĐĐ&CQNN với tên chương trình phù hợp; cần làm rõ nội hàm của Bản mô tả CTĐT và CTĐT; cần bổ sung thông tin về CTDH (cấu trúc CTĐT theo từng HP, số tín chỉ cùng thời điểm tổ chức thực hiện HP).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

2. Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Điểm mạnh

Dựa trên Bản mô tả CTĐT, Khoa XĐĐ đã triển khai xây dựng và điều chỉnh ĐCHP cho tất cả các HP trong CTĐT theo hướng dẫn và quy định của Học viện và của Bộ GD&ĐT. Tất cả các ĐCHP có đầy đủ thông tin: Tên HP, tên đơn vị phụ trách, tên GV đảm nhận giảng dạy, số tín chỉ của HP, mục tiêu và CĐR, ma trận kết nối CĐR và nội dung HP; lịch trình, nội dung giảng dạy, tài liệu đọc bắt buộc, tài liệu đọc tham khảo trong từng buổi học; PPDH, phương pháp KTĐG.

Thực hiện Quyết định, Hướng dẫn và Kế hoạch của Học viện (Số 2244/QĐ-HVBCCTT ngày 22/5/2018; số 6521/KH-HVBCCTT ngày 28/12/2018; số 3900/KH-HVBCCTT ngày 30/6/2020; số 2646/HD-HVBCCTT ngày 09/7/2020, ...), định kỳ Khoa XĐĐ đã tiến hành rà soát và cải tiến CTĐT, cùng với đó là tất cả các ĐCHP của CTĐT. Trong giai đoạn đánh giá, Khoa đã 3 lần rà soát, cập nhật các ĐCHP vào các năm 2016, 2018 và năm 2020. Trong phiên bản năm 2018, Khoa đã bổ sung CĐR của HP, ma trận kết nối giữa nội dung các HP với CĐR của HP. Đợt rà soát, cập nhật năm

2020, các HP đều được tham chiếu, đối sánh và cập nhật theo CDR mới của CTĐT; đã bổ sung, hoàn thiện hơn ma trận liên kết nội dung HP với CDR của HP, ma trận phương thức KTĐG với CDR của HP và được trình bày theo đúng mẫu hướng dẫn của Học viện.

2. Điểm tồn tại

Kiểm tra ngẫu nhiên một số ĐCHP các năm 2018, 2020 cho thấy, vẫn còn có ĐCHP đề cập đến những vấn đề chính trị của thời đại song hầu hết tài liệu bắt buộc và tham khảo đều xuất bản trước năm 2015, chưa được cập nhật; ma trận liên kết CDR của HP với CDR của CTĐT ghi chung chung, thiếu cụ thể.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần thường xuyên rà soát kỹ và cập nhật CTĐT và ĐCHP, nhất là cập nhật học liệu đối với những HP liên quan đến những vấn đề chính trị có tính thời sự cao; cần xem xét lại cách thức xây ma trận kỹ năng để đảm bảo các ma trận cụ thể, rõ ràng, phù hợp với từng môi quan hệ.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

3. Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn 2016-2021, Bản mô tả CTĐT, CDR của CTĐT ngành XĐĐ&CQNN sau khi được điều chỉnh, cập nhật đã được Học viện phê duyệt và ban hành (Số 3913/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020; số 4954/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 28/10/2018). Bản mô tả CTĐT năm 2020 được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Học viện (<https://ajc.hcma.vn>), trên hệ thống Thư viện của Học viện, trên trang Fanpage của Khoa XĐĐ và được phổ biến cho học sinh THPT tại cơ sở và tại Học viện trong ngày hội Open day, thông tin cho NH vào các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa học; bản in của CTĐT được lưu tại Khoa và Ban Quản lý đào tạo (QLĐT). Ngoài ra Bản mô tả CTĐT ngành XĐĐ&CQNN còn được phổ biến đến các BLQ thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh hằng năm.

Tất cả ĐCHP trong CTĐT đang được giảng dạy các khóa đều được công bố công khai trên cổng thông tin của Học viện; bản in được lưu tại văn phòng Khoa và được GV phụ trách từng HP phổ biến, cung cấp cho SV ngay buổi đầu tiên giới thiệu HP.

Các BLQ như cơ quan quản lý, NTD, GV, NH, cựu NH đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT dễ dàng và thuận tiện.

2. Điểm tồn tại

Qua trao đổi và quan sát thực tế, vẫn còn một số CB, GV và NH chưa nắm được cấu trúc, nội dung của Bản mô tả CTĐT, chưa phân biệt được những khác biệt cơ bản giữa Bản mô tả chương trình và CTĐT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần phổ biến rộng rãi trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Học viện/ Khoa những kiến thức cơ bản, cần thiết liên quan đến CTĐT, CDR và Bản mô tả CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Bản mô tả CTĐT ngành XDD&CQNN được phê duyệt năm 2020 có khá đủ thông tin theo quy định; đã cập nhật những vấn đề mới của lĩnh vực ngành đào tạo thông qua việc tham khảo ý kiến của các BLQ, cũng như tham khảo CTĐT cùng ngành của các trường ĐH trong và ngoài nước.

Khoa XDD đã triển khai xây dựng đề cương cho tất cả các HP trong CTĐT theo quy định của Học viện, phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT. Tất cả các ĐCHP đã ghi đủ thông tin cần thiết.

Trong giai đoạn 2017-2021, Khoa đã 2 lần rà soát các ĐCHP. Sau lần rà soát năm 2020, Khoa đã điều chỉnh, cập nhật, cải tiến CTDH theo hướng phù hợp hơn với quy định của Bộ GD&ĐT, sau đó được Học viện phê duyệt và ban hành CTĐT, kèm theo là các ĐCHP.

Các BLQ như CB, GV, NH, cựu NH, ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách thuận tiện thông qua cổng thông tin của Học viện, trang fanpage của Khoa; bản in CTĐT được lưu tại văn phòng Khoa.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Khoa có Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành XDD&CQNN năm 2020 ghi kèm theo số quyết định của CTĐT ngành XDD&CQNN (số 3913/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 20/9/2020). Điều này cho thấy, Bản mô tả CTĐT chưa được phê duyệt chính thức và Khoa chưa phân biệt rõ nội hàm của Bản mô tả CTĐT và CTĐT. Tại “Bản mô tả CTĐT” này ở mục Tên chương trình ghi: GV XDD&CQNN (a) và Công tác tổ chức (b) là không phù hợp, vì đây chỉ là tên các chuyên ngành trong CTĐT ngành XDD&CQNN không phù hợp với mã ngành và quyết định cho phép đào tạo của Bộ GD&ĐT và tên văn bằng.

Bản mô tả CTĐT chưa có thông tin về CTDH (cấu trúc CTĐT theo từng HP, số

tín chỉ cùng thời điểm tổ chức thực hiện HP, ...).

Kiểm tra ngẫu nhiên một số ĐCHP năm 2018, 2020 cho thấy, vẫn còn có ĐCHP đề cập đến những vấn đề chính trị của thời đại song hầu hết tài liệu bắt buộc và tham khảo đều xuất bản trước năm 2015, chưa được cập nhật; ma trận liên kết CDR của HP với CDR của CTĐT ghi chung chung, thiếu cụ thể.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện, Khoa cần xây dựng, phê duyệt đề công bố chính thức Bản mô tả CTĐT ngành XDD&CQNN với tên chương trình phù hợp.

Cần làm rõ nội hàm của Bản mô tả CTĐT và CTĐT; cần bổ sung thông tin về CTDH (cấu trúc CTĐT theo từng HP, số tín chỉ cùng thời điểm tổ chức thực hiện HP).

Học viện/Khoa cần thường xuyên rà soát kỹ và cập nhật CTĐT và ĐCHP, nhất là cập nhật học liệu đối với những HP liên quan đến những vấn đề chính trị có tính thời sự cao; cần xem xét lại cách thức xây ma trận kỹ năng để đảm bảo các ma trận cụ thể, rõ ràng, phù hợp với từng mối quan hệ.

III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

1. Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh

CDR của CTĐT ngành XDD&CQNN được thiết kế và hoàn thiện theo yêu cầu từ các văn bản quản lý của Bộ GD&ĐT và Học viện, gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với GDDH (Số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016). CDR của CTĐT ngành XDD&CQNN phê duyệt năm 2020 bao gồm 18 CDR thành phần, trong đó có 8 CDR về kiến thức, 7 CDR về kỹ năng, 3 CDR về mức tự chủ và năng lực trách nhiệm. Bảng Ma trận kết nối giữa các HP thuộc các khối kiến thức với CDR của CTĐT thể hiện mức độ đáp ứng các CDR của các khối kiến thức (khối kiến thức chung, khối kiến thức chuyên ngành), kỹ năng (kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp), năng lực tự chủ và trách nhiệm (phẩm chất, ý thức).

Về cơ bản, CTDH phiên bản năm 2020 được xây dựng, điều chỉnh với 130 tín chỉ dựa trên yêu cầu của CDR, phù hợp với mục tiêu đào tạo. Ma trận kỹ năng kết nối các học phần của CTDH với 18 CDR được Khoa xây dựng đã cho thấy mối liên kết giữa CDR với các HP. Khi rà soát, cải tiến CTDH vào năm 2020, Khoa đã dựa vào CDR của CTDH để thiết kế nội dung và cấu trúc của CTDH với các HP tương ứng trên cơ sở phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và của Học viện. Ví dụ, để đáp ứng yêu cầu của CDR (PLO3) về vận dụng kiến thức cơ bản khoa học lãnh đạo, nhà

nước và pháp luật, quan hệ quốc tế, truyền thông và vận động nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lí luận và thực tiễn XDD&CQNN, Khoa đã thiết kế HP: Khoa học lãnh đạo; Nhà nước và Pháp luật; Truyền thông và vận động; Các đảng chính trị trên thế giới; Khoa học tổ chức; Địa chính trị thế giới; ... hoặc để đáp ứng yêu cầu CDR (PLO6b) vận dụng kiến thức chuyên sâu liên quan đến các quy định (nguyên tắc, nội dung, quy trình) trong công tác tổ chức, CB và bảo vệ chính trị nội bộ vào tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả trong thực tiễn, Khoa đã thiết kế các HP: Xử lí tình huống trong XDD&CQNN; Nghiệp vụ công tác tổ chức, CB và bảo vệ chính trị nội bộ; Nghiệp vụ công tác tổ chức, CB; ...

Kết quả nghiên cứu minh chứng cho thấy, Khoa/GV đã xác định tổ hợp các PPGD và học tập của NH phù hợp: đối với các HP lí thuyết, GV sẽ thuyết trình, nêu vấn đề, tổ chức thảo luận nhóm, giảng lý thuyết dựa theo phân tích tình huống/vấn đề, cho SV thuyết trình kết quả thảo luận, ... Đối với các HP thực hành, thực tập, SV cần tiếp xúc với thực tế, trải nghiệm tại các tổ chức cơ sở Đảng, cơ quan, doanh nghiệp theo các yêu cầu của nhiệm vụ về các vấn đề về XDD và xây dựng chính quyền cần giải quyết đối với một cử nhân XDD&CQNN.

Phương thức KTĐG KQHT cũng được cụ thể hóa trong ĐCHP, phù hợp với đặc thù của từng HP: có đánh giá quá trình và đánh giá cuối HP với các hình thức phù hợp như làm bài tập tình huống, vấn đáp, hoặc thi tự luận, hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận, hoặc báo cáo chuyên đề. Các hình thức KTĐG KQHT của NH với các thang điểm cụ thể cũng được xác định phù hợp để đánh giá mức độ đạt CDR. Cơ cấu điểm HP/phương thức đánh giá, và trọng số do Học viện/Khoa quy định tùy thuộc vào loại HP hướng đến CDR của HP và của CTĐT.

Khoa đã xây dựng ma trận kết nối giữa phương pháp KTĐG và CDR của HP, qua đó cho biết việc kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc HP có đóng góp cho việc đạt được CDR nào của CTĐT. GV có sổ đầu bài để thực hiện và theo dõi tiến trình của các hoạt động dạy học theo ĐCHP và theo dõi được thái độ học tập và tính chuyên cần của SV.

2. Điểm tồn tại

Trong CTDH chuyên ngành đào tạo GV XDD&CQNN phiên bản năm 2018 có số HP cùng thời lượng dành cho nghiệp vụ sư phạm còn khiêm tốn chưa tương xứng với kiến thức và nghiệp vụ về XDD&CQNN và các CTĐT giáo viên.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khi có riêng một CTĐT GV trong CTDH ngành XDD&CQNN – chuyên ngành đào tạo GV XDD&CQNN, Học viện cần tăng cường hơn nữa thời lượng HP về nghiệp vụ sư phạm để đảm bảo NH tốt nghiệp có đầy đủ kiến thức, kĩ năng như đối với các

CTĐT giáo viên.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Điểm mạnh

Tất cả các HP trong CTĐT ngành XDĐ&CQNN đã có đề cương. CĐR của từng HP thể hiện sự tương thích về nội dung và sự đóng góp của HP vào CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm. Ma trận tích hợp các HP với CĐR đã thể hiện sự kết nối giữa nội dung của HP với các CĐR của CTĐT. Mỗi HP trong CTDH đều có đóng góp nhất định về nội dung vào việc đạt CĐR.

CTDH ban hành năm 2020 có thời lượng 130 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được chia ra: khối kiến thức giáo dục đại cương có 45 tín chỉ (chiếm 34,6%) chủ yếu đáp ứng yêu cầu kiến thức cơ bản về lí luận Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh và Khoa học xã hội, ... của CĐR: PLO1, PLO2 và CĐR về kỹ năng: PLO7, PLO8 cùng CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm: PLO14, PLO15, PLO16; khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành có 54 tín chỉ (chiếm 41,5%) chủ yếu đáp ứng yêu cầu kiến thức nền tảng khoa học lãnh đạo, nhà nước và pháp luật, quan hệ quốc tế, truyền thông và vận động nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lí luận và thực tiễn XDĐ&CQNN, ... của CĐR: PLO2, PLO3, PLO4 và CĐR về kỹ năng: PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13 cùng CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm: PLO14, PLO15, PLO16; khối kiến thức chuyên ngành gồm 31 tín chỉ (bao gồm khóa luận tốt nghiệp và các HP thay thế khóa luận tốt nghiệp) chiếm 23,8%. Hầu hết các HP đều được thiết kế nhằm đáp ứng yêu cầu CĐR kiến thức chuyên ngành PLO5a, PLO5b, PLO6a, PLO6b, kỹ năng nghề nghiệp và CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm.

Trong các ĐCHP, Khoa cũng đã xây dựng ma trận kỹ năng kết nối nội dung của HP với CĐR của HP, theo đó sự đóng góp của từng HP vào việc đạt CĐR của CTĐT được xác định.

Tất cả ĐCHP đều ghi rõ tổ hợp PPDH phù hợp. Trên cơ sở tổ hợp các PPDH được ghi nhận đó, Khoa đã xây dựng ma trận tích hợp PPDH với CĐR. Theo đó, các PPDH đều có đóng góp cho việc đạt được CĐR phù hợp của CTĐT.

Để đánh giá mức độ đạt được CĐR của NH, trong mỗi ĐCHP đều ghi nhận phương thức KTĐG KQHT của NH phù hợp với từng loại: kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ, bài tập và thi kết thúc HP. Ma trận kết nối giữa phương thức KTĐG với CĐR

cũng được thiết lập. Cách thức kiểm tra/thi được lựa chọn phù hợp với từng HP để đánh giá được năng lực của SV nhằm đạt CĐR của HP.

Thực hiện thông báo của Học viện, Khoa đã định kỳ tổ chức rà soát, điều chỉnh CTĐT; đã tiến hành họp Bộ môn, họp Hội đồng Khoa, tổ chức hội nghị, hội thảo với các chuyên gia, NTD, SV để xem xét và điều chỉnh CTĐT. Trong đợt rà soát và điều chỉnh CTĐT năm 2020, ngoài tham khảo ý kiến của SV, SVTN và GV, Khoa đã mời các chuyên gia, NTD, cựu SV đóng góp ý kiến phục vụ điều chỉnh CTĐT. Ví dụ: năm 2020, Khoa đã khảo sát NTD về sự hài lòng với mức đạt được CĐR của SVTN từ CTĐT, kết quả: có 92,86% hài lòng và rất hài lòng với kiến thức ngành/chuyên ngành được đào tạo; có 85,72% hài lòng và rất hài lòng với kỹ năng nghiệp vụ; có 78,58% hài lòng và rất hài lòng với năng lực sử dụng ngoại ngữ; có 92,86% hài lòng và rất hài lòng với kỹ năng xử lý và giải quyết vấn đề; ...

2. Điểm tồn tại

Ma trận kết nối giữa các HP (nội dung, PPGD, phương pháp KTĐG của các HP) với CĐR của CTĐT còn sơ lược, mang cảm tính, chưa thể hiện được ma trận liên kết giữa CĐR của các HP với CĐR của CTĐT trong ĐCHP.

Khoa chưa thật quan tâm đến việc thu thập ý kiến của NTD đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung, PPGD và phương pháp KTĐG các HP.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần tập huấn cho GV trong xây dựng ma trận kết nối giữa các HP (nội dung, PPGD và phương pháp KTĐG) với CĐR để thể hiện được mức độ đóng góp của các hình thức dạy học, KTĐG với CĐR, gắn kết được với ma trận liên kết giữa CĐR của các HP với CĐR của CTĐT trong ĐCHP.

Cần quan tâm hơn nữa đến thu thập ý kiến của NTD đóng góp cho việc cải tiến, cập nhật nội dung các HP.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

3. Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Điểm mạnh

CTDH của ngành XĐĐ&CQNN có cấu trúc, trình tự tương đối logic gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CĐR của CTĐT, ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT, PPDH, phương pháp KTĐG, nội dung chương trình, kế hoạch tổ chức đào tạo.

CTDH ngành XĐĐ&CQNN được chia ra: khối kiến thức giáo dục đại cương có

45 tín chỉ (chiếm 34,6%); khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành có 54 tín chỉ (chiếm 41,5%); khối kiến thức chuyên ngành gồm 31 tín chỉ (bao gồm khóa luận tốt nghiệp và các HP thay thế khóa luận tốt nghiệp) chiếm 23,8%. Kết cấu các khối kiến thức của CTDH đã hình thành khối thống nhất, đảm bảo tính logic từ các kiến thức chung đến kiến thức cụ thể, chuyên sâu, phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

100% ĐCHP các HP đều ghi rõ thời lượng, thời lượng lí thuyết/thực hành, các HP tiên quyết, hoặc các yêu cầu khác để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy HP. Trong CTDH ngành XDD&CQNN, Khoa đã lập bảng Kế hoạch dạy học toàn khóa, trong đó kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành được bố trí giảng dạy trong hai năm đầu. Các kiến thức ngành, chuyên ngành được giảng dạy vào các năm sau; việc bố trí các HP ở các học kỳ cũng đều phải tuân thủ mối quan hệ giữa các HP. Nhìn chung, việc thiết kế và kế hoạch đào tạo được xây dựng đảm bảo tính hợp lí và logic, từ lí thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu.

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa đã thực hiện 2 lần rà soát, đổi mới CTDH vào năm 2018 và năm 2020. Trong lần rà soát năm 2018, Khoa đã cắt giảm thời lượng của khối kiến thức giáo dục đại cương từ 59 tín chỉ của CTDH năm 2016 xuống còn 45 tín chỉ, đồng thời tăng thời lượng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp từ 76 tín chỉ lên 85 tín chỉ; bổ sung nhiều HP thuộc lĩnh vực chuyên môn của XDD&CQNN. Năm 2020, Khoa đã rà soát điều chỉnh CTDH theo hướng giữ nguyên thời lượng 130 tín chỉ của 2 CTDH năm 2018, sự thay đổi chủ yếu ở việc tích hợp 2 CTDH thành 1 CTDH với 2 nhánh chuyên ngành và bổ sung thêm HP: Thực tế kinh tế - chính trị xã hội (2 tín chỉ); một số HP tự chọn ở 2 chuyên ngành trong CTĐT năm 2018 cũng được tích hợp lại trong CTĐT năm 2020 nhằm tăng thêm sự lựa chọn cho NH.

Khi đổi mới CTĐT, Khoa đã tham khảo, đối sánh CTĐT ngành XDD&CQNN của Học viện với một số cơ sở giáo dục (CSGD) ĐH khác để đảm bảo tính tích hợp và linh hoạt. Đợt chỉnh sửa CTDH năm 2020, Khoa đã tham khảo và đối sánh với CTĐT cùng ngành của Trường ĐH Nội vụ Hà Nội và Học viện Thanh thiếu niên.

2. Điểm tồn tại

Tuy CTDH (phiên bản năm 2020) đã sáp nhập 2 CTDH thuộc 2 CTĐT chuyên ngành GV XDD&CQNN và chuyên ngành Công tác tổ chức (phiên bản năm 2018), song cấu trúc và nội dung CTDH phiên bản năm 2020 được cải tiến không nhiều.

Trong trao đổi với CBGV của Học viện về việc bố trí các HP trong CTDH, có ý kiến cho rằng việc tập trung sắp xếp các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành (chủ yếu là các HP mang nặng lí thuyết) trong các học kỳ đầu đã làm giảm sự hứng thú của NH, gây ra tình trạng chán học, bỏ học ở SV.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và Khoa nên xem xét các trường hợp cụ thể trong CTDH, để bố trí xen kẽ các HP thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp mang tính tham quan, quan sát với các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trên cơ sở vừa đảm bảo tính logic trong cấu trúc của CTDH vừa đảm bảo sự hứng thú trong học tập cho SV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Dựa vào các CDR của CTĐT, Khoa đã thiết kế nội dung và cấu trúc của CTDH với các HP tương ứng trên cơ sở phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và của Học viện. Khoa/GV đã xác định tổ hợp các PPDH và phương pháp KT&DG NH phù hợp với các HP lí thuyết, HP thực hành, kiến tập, thực tập.

Tất cả các HP trong CTĐT ngành XDĐ&CQNN đã có ĐCHP, trong đó CDR của từng HP đã thể hiện được sự tương thích về nội dung và mức đóng góp của HP vào CDR của CTĐT về kiến thức, kĩ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm. Ma trận kĩ năng được Khoa xây dựng đã thể hiện sự kết nối giữa nội dung của HP với các CDR của CTDH.

Tất cả ĐCHP đều ghi rõ PPDH hướng đến đạt được CDR của NH; trong đề cương của mỗi HP đều có các thang đánh giá KQHT phù hợp bao gồm kiểm tra thường xuyên, thi giữa kỳ và thi kết thúc HP.

CTDH ngành XDĐ&CQNN được thiết kế theo quy định của Bộ GD&ĐT, bao gồm: kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành và cuối cùng là thi tốt nghiệp hoặc thực hiện khóa luận tốt nghiệp; 100% ĐCHP đều ghi rõ các HP tiên quyết hoặc các điều kiện khác và được bố trí giảng dạy vào các thời điểm thích hợp của khóa học để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy HP.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Trong CTDH chuyên ngành đào tạo GV XDĐ&CQNN phiên bản năm 2018 có số HP cùng thời lượng dành cho nghiệp vụ sư phạm còn khiêm tốn chưa tương xứng với kiến thức và nghiệp vụ về XDĐ&CQNN và các CTĐT giáo viên.

Ma trận kết nối giữa các HP (nội dung, PPGD, phương pháp KT&DG của các HP) với CDR của CTĐT còn sơ lược, mang cảm tính, chưa thể hiện được ma trận liên kết giữa CDR của các HP với CDR của CTĐT trong ĐCHP.

Trong trao đổi với CBGV của Học viện về việc bố trí các HP trong CTDH, có ý kiến cho rằng việc tập trung sắp xếp các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương,

cơ sở ngành (chủ yếu là các HP mang nặng lí thuyết) trong các học kỳ đầu đã làm giảm sự hứng thú của NH, gây ra tình trạng chán học, bỏ học ở SV.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện cần tăng thêm thời lượng về nghiệp vụ sư phạm cho CTĐT GV XDD&CQNN.

Cần tập huấn cho GV trong xây dựng ma trận kết nối giữa các HP (nội dung, PPGD và phương pháp KTĐG) với CDR để thể hiện được mức độ đóng góp của các hình thức dạy học, KTĐG với CDR, gắn kết với ma trận giữa CDR của HP với CDR của CTĐT trong ĐCHP.

Học viện và Khoa nên xem xét các trường hợp cụ thể trong CTDH, để bố trí xen kẽ các HP thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp mang tính tham quan, quan sát với các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trên cơ sở vừa đảm bảo tính logic trong cấu trúc của CTDH vừa đảm bảo sự hứng thú trong học tập cho SV.

IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

1. Tiêu chí 4.1. Triết lí giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Điểm mạnh

Học viện đã công bố Triết lí giáo dục theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Học để làm việc, làm người, làm CB; học để phụng sự đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại” (Số 6900-QĐ/HVBCTT ngày 31/12/2021). Trong CLPT Học viện (Số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2017) và quyết định về bổ sung, điều chỉnh CLPT Học viện đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (Số 6528/QĐ-HVBCTT ngày 31/12/2018) đã ghi nhận mục tiêu đào tạo: “NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng văn hóa, báo chí truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác”.

CLPT của Học viện trong đó có mục tiêu giáo dục khi xây dựng đã được thảo luận trong các hội nghị giao ban và các hội nghị khác của Học viện, tại các cuộc họp của Khoa và được phổ biến rộng rãi cho các CB, GV, NV, NH và tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở Mục tiêu chiến lược của Học viện, Khoa đã phát triển CTĐT ngành XDD&CQNN theo tinh thần trách nhiệm, giáo dục NH có chất lượng cao, có khả năng làm việc trong lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng văn hóa, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác, có khả năng phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong công tác giảng dạy, NCKH và công tác tổ chức, CB; có kĩ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường thay đổi của thị trường lao động.

Mục tiêu này trong CLPT của Học viện, được công bố bằng văn bản; được công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và trang trang fanpage của Khoa; được gửi đến CBGV, NV qua đường công văn. Mục tiêu chiến lược đã được phổ biến đến NH thông qua sinh hoạt công dân đầu khóa, được phổ biến ở các buổi đối thoại giữa NH và lãnh đạo Khoa/lãnh đạo Học viện; thông qua Sổ tay SV; thông qua các bài phát biểu trong các sự kiện đã truyền tải tới NH, cựu NH và các doanh nghiệp.

2. Điểm tồn tại

Mục tiêu giáo dục của Học viện được phát biểu song chưa thật rõ ràng, tường minh, còn lẫn vào mục tiêu CLPT của Học viện.

Học viện có văn bản phê duyệt việc sử dụng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Triết lí giáo dục của Học viện. Song do mới công bố, nên các BLQ còn ít biết tới Triết lí giáo dục của Học viện.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần làm rõ hơn về nội dung Mục tiêu giáo dục của Học viện.

Học viện cần quán triệt và phổ biến rộng rãi Triết lí giáo dục cho các BLQ.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh

Tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học được Khoa/Bộ môn thảo luận và lựa chọn, phù hợp với từng HP để đạt được CĐR và được thể hiện trong các ĐCHP. Sự đóng góp của các hoạt động dạy, học để đạt CĐR được thể hiện trong ma trận kết nối PPGD với CĐR của CTDH. Theo đó, các hoạt động giảng dạy phân biệt rõ ràng đối với các HP mang tính lí thuyết và thực hành, thực tập. Đối với các HP lí thuyết hoạt động giảng dạy chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích tình huống/vấn đề, mô phỏng, ... Trong CTDH phê duyệt năm 2020 các hoạt động/tổ hợp PPGD thông qua thuyết giảng tương tác và thảo luận nhóm giúp SV đạt được các CĐR: PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5a, PLO5b, PLO6a, PLO6b, PLO7, PLO8, PLO10, PLO12; phương pháp nghiên cứu trường hợp giúp cho SV đạt được các CĐR: PLO3, PLO4, PLO5a, PLO5b, PLO6a, PLO6b, PLO7, PLO8, PLO10, PLO12, PLO14, PLO15, PLO16. Ở các HP thực hành, thực tập, SV học qua trải nghiệm thực tế tại các trường Chính trị, các tổ chức cơ sở Đảng ở Hà Nội và các địa phương, các cơ quan đoàn thể, ... để thực hành việc nắm bắt, phân tích và giải quyết các vấn đề của tổ chức Đảng, xử lí tình huống phát sinh trên thực tế, đảm bảo sự tương tác giữa SV với GV trong suốt

quá trình học thực tập.

Hoạt động NCKH của SV ngành XDD&CQNN (với 2 đề tài NCKH của SV được Học viện cử đi tham gia giải thưởng Eureka) cũng giúp SV trải nghiệm thực tế, thực hành kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề của thực tế công tác CDD và xây dựng chính quyền.

Ngoài ra, NH còn được hoạt động theo nhóm để thực hành các kỹ năng giao tiếp, phối hợp trong nhóm đáp ứng yêu cầu của các CDR về kỹ năng nghề nghiệp, về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy và cách thức quyết vấn đề, về đạo đức nghề nghiệp, ... Trong đại dịch Covid vừa qua, Học viện đã ban hành Quy định tạm thời về áp dụng hình thức đào tạo từ xa tại Học viện (Số 1165-QĐ/HVBCCTT-ĐT ngày 31/3/2020); hầu hết các HP trong CTDH được triển khai giảng dạy trực tuyến. Điều đó giúp Khoa đảm bảo tiến độ kế hoạch đào tạo, giúp SV vừa tránh dịch, vừa tiếp cận các nguồn học liệu đa dạng, theo đó phương pháp KTĐG cũng đã được cải tiến phù hợp.

Trong các ĐCHP còn có hướng dẫn rõ ràng về các hoạt động học tập của SV: SV nghe bài giảng, thảo luận, giải quyết các vấn đề do GV giao; tự đọc tài liệu, làm bài tập, chuẩn bị nội dung thảo luận; nhóm SV tìm hiểu đề tài, phân công từng thành viên thực hiện; tự thực hiện khảo sát thực tế, tìm kiếm thông tin tài liệu trên internet và viết báo cáo theo hướng dẫn của giảng viên. Nhiệm vụ của SV ở từng HP cũng được quy định và hướng dẫn thực hiện.

Khoa thường xuyên tổ chức việc dự giờ để đánh giá, góp ý cho các hoạt động giảng dạy của GV (Biên bản dự giờ giảng ngày 16/10/2021 ngày 26/6/2020, ...). Học viện đã khảo sát sự hài lòng của NH về hoạt động/PPGD và KTĐG của GV. Kết quả khảo sát SV cuối khóa ngành XDD&CQNN năm 2019 cho thấy, tỷ lệ NH hài lòng với PPGD ở các HP thuộc CTĐT đều ở mức khá cao. Cụ thể, có 83,7% số SV cuối khóa hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “Tổ hợp PPDH phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời”; có 81,6% số SV cuối khóa hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “Các hình thức và nội dung KTĐG đa dạng, đánh giá được kiến thức, kỹ năng CDR”, 80,6% số SV cuối khóa hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “Các bài thi, KTĐG được các kỹ năng thực hành nghề nghiệp của NH”. Kết quả việc dự giờ, khảo sát sự hài lòng của NH giúp cho Khoa, GV liên tục cải tiến hoạt động giảng dạy để ngày càng thích ứng hơn với CDR.

2. Điểm tồn tại

Theo ý kiến của Khoa, một số lớp HP tổ chức học tập còn khá đông NH, không gian lớp học còn chật chội, việc sắp xếp bàn ghế trong lớp học chưa thật phù hợp, một số HP thực tập, kiến tập còn bị hạn chế về kinh phí đã làm giảm khả năng áp dụng các PPGD của GV và phương pháp học tập của NH.

Ý kiến của một số NTD và cựu SV tại các buổi phỏng vấn do Đoàn chuyên gia thực hiện trong thời gian khảo sát phục vụ ĐGN đề nghị: Khoa tăng cường hơn nữa thời lượng cho các NH thực hành, thực tập; tăng thời lượng ngoại ngữ để SV có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh khi ra trường.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và Khoa cần có giải pháp phù hợp hỗ trợ và tạo điều kiện cho GV khắc phục những hạn chế của CSVC, kinh phí để đảm bảo thực hiện hiệu quả các hoạt động giảng dạy, nhất là áp dụng hoạt động giảng dạy tích cực.

Học viện/Khoa nên quan tâm đến ý kiến của NTD và cựu SV trong tổ chức triển khai giảng dạy các HP thực hành, thực tế và ngoại ngữ một cách hợp lí nhất cả ở mặt thời lượng và thời điểm.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Điểm mạnh

Năm 2020, Học viện đã ban hành Hướng dẫn thiết kế PPDH đạt CĐR (Số 2663/HD/HVBCCTT ngày 09/7/2020), theo đó, các hoạt động dạy và học trong các ĐCHP của CTĐT ngành XĐĐ&CQNN đều được thiết kế hướng đến các kỹ năng trong CĐR. Tất cả các ĐCHP ban hành kèm theo CTĐT ngành XĐĐ&CQNN trong giai đoạn KĐCLGD đều mô tả rõ PPDH và phương pháp học tập được sử dụng cho từng nội dung, từng chương mục cùng với các chỉ báo thực hiện để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện. Để đạt được những kỹ năng này, các PPGD thường được sử dụng gồm phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp thuyết giảng tương tác, phương pháp phân tích tình huống, nêu vấn đề, phương pháp mô phỏng, ... Các ĐCHP của ngành XĐĐ&CQNN đều được thiết kế với kiến thức lí thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, tiểu luận để NH tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình, thể hiện khả năng tự học cho SV thông qua giờ tự học bắt buộc ở nhà, sự tương tác giữa GV và SV trên lớp, các buổi thảo luận nhóm.

100% ĐCHP dành thời gian và hướng dẫn cho NH tự đọc/nghiên cứu tài liệu với thời lượng 1 giờ học lí thuyết trên lớp bằng 2 giờ tự học và 1 giờ học thực hành bằng 0,5 giờ tự học. Các bài tập tại lớp và bài tập về nhà được thiết kế để NH thảo luận, tự học theo nhóm hoặc cá nhân. ĐCHP nêu cụ thể các nội dung NH cần tự học/nghiên cứu tại nhà. Các hoạt động phân tích tình huống, nêu vấn đề, ... yêu cầu SV phải vận

dụng năng lực tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo để xây dựng kế hoạch nghiên cứu và giải quyết vấn đề, ... Những điều đó thúc đẩy NH quan tâm đến các vấn đề của nghề nghiệp, tạo ra động lực cho học tập. Đặc biệt các HP thực tập hoặc tốt nghiệp ngành XDD&CQNN, Khoa đều thiết kế các nội dung mở, hướng NH áp dụng các kiến thức đã được trang bị để tự lựa chọn các vấn đề của chuyên ngành cho thực tập hoặc viết khóa luận tốt nghiệp.

GV ngành XDD&CQNN đã sử dụng các PPGD phù hợp ở từng HP nhằm hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học suốt đời. GV đã được hướng dẫn sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến và tổ chức học trực tuyến cho nhiều HP nhằm phát huy khả năng tự học của NH. Trong các giờ học, GV yêu cầu SV tham gia thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm nhằm giúp họ rèn luyện các kỹ năng giải quyết các vấn đề, tự học, tự nghiên cứu, phát triển khả năng tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, trình bày, làm việc nhóm, ...

Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa khác nhau để hướng đến rèn luyện, phát triển các năng lực cơ bản cho học tập suốt đời: năng lực sử dụng kỹ thuật số, năng lực nghiên cứu, năng lực ngoại ngữ, năng lực xã hội và cá nhân, năng lực hiểu biết về khoa học tự nhiên, ... thông qua giảng dạy trực tiếp, dạy tích hợp và các hoạt động ngoại khóa khác.

Trong phỏng vấn GV, CB quản lý chuyên môn, NTD do Đoàn chuyên gia thực hiện tại thời điểm khảo sát chính thức phục vụ ĐGN, ý kiến chung cho rằng, SVTN ngành XDD&CQNN của Học viện có kiến thức chuyên môn tốt, có các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, ứng xử nhanh, linh hoạt, chủ động trong các hoạt động nghề nghiệp.

2. Điểm tồn tại

Theo phản ánh của CB, GV, vẫn còn một bộ phận nhỏ SV chưa tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần có cơ chế, giải pháp thúc đẩy và khuyến khích tất cả SV tham gia tích cực vào các hoạt động dạy và học.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Trên cơ sở Mục tiêu chiến lược của Học viện, Khoa đã phát triển CTĐT ngành XDD&CQNN theo tinh thần khoa học và trách nhiệm, giáo dục NH có khả năng làm

việc trong lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng văn hóa, truyền thông, có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của thời đại, ...

Tổ hợp các hoạt động dạy học được thể hiện đầy đủ trong các đề cương chi tiết HP và được phân biệt rõ ràng trong các HP mang tính lí thuyết và thực hành thuộc kiến thức đại cương, cơ sở ngành, kiến thức ngành và thực hành, thực tập.

Tất cả các ĐCHP của CTDH đều nêu rõ được việc sử dụng tổ hợp các PPGD và học tập phù hợp cũng như nhiệm vụ của NH để rèn luyện các kĩ năng mềm và kĩ năng nghề nghiệp thiết yếu của ngành. 100% các HP đều yêu cầu và dành thời gian cho NH tự đọc/nghiên cứu tài liệu với khoảng thời gian phù hợp theo số tín chỉ của HP.

GV đã sử dụng các PPGD phù hợp ở từng HP nhằm hỗ trợ SV rèn luyện kĩ năng và nâng cao khả năng học suốt đời. Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động NCKH để hướng đến rèn luyện, phát triển các năng lực cơ bản cho học tập suốt đời.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Do mới được công bố, nên một số đối tượng còn ít biết tới nội dung của Triết lí giáo dục của Học viện, trong khi Mục tiêu giáo dục của Học viện được phát biểu song chưa thật rõ ràng, tường minh, còn lẫn vào mục tiêu CLPT của Học viện.

Một số lớp HP tổ chức học tập còn khá đông NH, không gian lớp học còn chật chội, việc sắp xếp bàn ghế trong lớp học chưa thật phù hợp, ... một số HP thực tập, kiến tập còn bị hạn chế về kinh phí đã làm giảm khả năng áp dụng các PPGD của GV và phương pháp học tập của NH.

Ý kiến của một số NTD và cựu SV đề nghị Khoa tăng cường hơn nữa thời lượng cho các HP thực hành, thực tập; tăng thời lượng ngoại ngữ để SV có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh khi ra trường.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện cần quán triệt và phổ biến rộng rãi Triết lí giáo dục cho các BLQ, cần làm rõ hơn về nội dung Mục tiêu giáo dục của Học viện.

Học viện và Khoa cần có giải pháp phù hợp hỗ trợ và tạo điều kiện cho GV khắc phục những hạn chế của CSVC, kinh phí để đảm bảo thực hiện hiệu quả các hoạt động giảng dạy, nhất là áp dụng hoạt động giảng dạy tích cực.

Học viện/Khoa nên quan tâm đến ý kiến của NTD và cựu SV trong tăng cường các HP thực hành, thực tế và ngoại ngữ một cách hợp lí nhất cả ở mặt thời lượng và thời điểm.

V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

1. Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống các văn bản về đánh giá KQHT của NH từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp: Quy định đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện (Số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT (Số 2989/QĐ-HVBCCTT-KT ngày 01/9/2017); Hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG HP (Số 2647/HD-HVBCCTT ngày 09/7/2020); Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (Số 2648/QĐ-HVBCCTT ngày 09/7/2020); Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các HP thay thế tốt nghiệp (Số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định phúc khảo bài thi HP (Số 1117/QĐ-HVBCCTT ngày 09/3/2018); Quy định về công tác tổ chức thi HP hệ ĐH chính quy tập trung (Số 1909/QĐ-HVBCCTT ngày 19/4/2021); ... Ngoài ra, các yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được quy định trong các ĐCHP. Các văn bản đã cho biết rõ quy trình, phương thức, kế hoạch tổ chức KTĐG KQHT của NH và được phổ biến, công khai cho NH trên trang web của Học viện và được thể hiện trong Sổ tay SV.

Công tác đánh giá KQHT của NH đã được Khoa XDD thiết kế nhằm đánh giá năng lực của NH hướng tới đạt được CĐR của từng HP và theo sự tích lũy các HP, NH sẽ đạt CĐR của CTĐT. Trong các ĐCHP, đã quy định cụ thể các phương thức KTĐG NH với tiêu chí đánh giá với rubric đánh giá phù hợp; tổ hợp các phương thức KTĐG đều liên kết với CĐR của HP. Khoa đã xây dựng các tiêu chí cụ thể để đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp và tiêu chí để chấm điểm báo cáo thực tập tốt nghiệp cho SV; Khoa đã có hướng dẫn, tiêu chí và cách thức đánh giá khóa luận tốt nghiệp; ...

CĐR của mỗi HP trong CTĐT đều đóng góp vào việc đạt CĐR của CTĐT. Mỗi HP đều được đánh giá bằng các phương pháp KTĐG khác nhau phù hợp với CĐR của HP và tương ứng với CĐR của CTĐT cần đạt được. Tài liệu hướng dẫn rà soát/xây dựng CTĐT cũng như xây dựng ĐCHP của Học viện đã quy định những nội dung trên để đảm bảo các phương pháp, công cụ sử dụng trong KTĐG HP giúp đánh giá được mức độ đạt CĐR của HP cũng như CĐR của CTĐT (Số 2645/HD-HVBCCTT-ĐT ngày 29/4/2020).

Học viện/Khoa đã sử dụng tổ hợp các phương pháp KTĐG, tùy theo đặc điểm của từng HP (lí thuyết, thực hành, thực tập tốt nghiệp, khóa luận), xây dựng thang điểm đánh giá kết quả thi các HP lí thuyết, thực hành, thực tập, tiểu luận, ... Đề cương từng HP ghi rõ điểm chuyên cần, điểm bài tập/kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ để đo

lượng được mức độ đạt CĐR, được xác định trong CĐR HP và CĐR của CTĐT. Hằng năm, Khoa XĐĐ rà soát đánh giá các hình thức KTĐG: trên cơ sở ý kiến của GV giảng dạy HP và ý kiến phản hồi của SV đã đề xuất các cải tiến điều chỉnh phù hợp.

2. Điểm tồn tại

Nghiên cứu ma trận về sự đáp ứng của KTĐG HP với CĐR cần đạt được của CTĐT, Đoàn ĐGN nhận thấy một số hình thức KTĐG như kiểm tra chuyên cần, bài tập về nhà, làm việc nhóm, trắc nghiệm khách quan, ... do Khoa xây dựng không đóng góp gì cho đạt các CĐR, làm hạn chế khả năng lựa chọn phương pháp KTĐG ở các HP.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Từ thực tế công tác KTĐG các HP, Học viện/Khoa cần rà soát ma trận về sự đáp ứng của KTĐG HP với CĐR cần đạt được của CTĐT nhằm đảm bảo mỗi hình thức KTĐG đáp ứng đúng với từng CĐR của CTĐT, tạo cơ sở cho Bộ môn/GV lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp nhất với HP.

4. Những điểm chưa rõ (Nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Điểm mạnh

Hệ thống các văn bản quy định về KTĐG của Học viện như: Đề án tuyển sinh hằng năm; Quy định đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện (Số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT (Số 2989/QĐ-HVBCCTT-KT ngày 01/9/2017); Hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG HP (Số 2647/HD-HVBCCTT ngày 09/7/2020); Quy định về công tác tổ chức thi HP hệ ĐH chính quy tập trung (Số 1909/QĐ-HVBCCTT ngày 19/4/2021); ... và được cụ thể và chi tiết hóa trong các ĐCHP. Quy định phúc khảo bài thi HP; Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các HP thay thế tốt nghiệp; ... đã xác định rõ về thời gian thi, với hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số; ... và các nội dung liên quan liên quan đến đánh giá KQHT của NH từ khâu tuyển sinh, đánh giá quá trình học tập các HP đến khâu tốt nghiệp.

Quy định trong các văn bản đã chỉ rõ, với hình thức thi tự luận kết thúc các HP có thời lượng 2 tín chỉ là 90 phút, có thời lượng 3 tín chỉ 120 phút, từ 4 tín chỉ trở lên là 180 phút; hình thức đánh giá kết thúc HP có thể là trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, thuyết trình, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

KQHT của SV được tính dựa trên các điểm đánh giá thành phần, bao gồm: điểm chuyên cần (trọng số 10%), đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập (trọng số 30%), điểm thi kết thúc HP (trọng số 60%), ... GV có trách nhiệm công bố điểm chuyên cần và điểm thường xuyên ngay khi kết thúc HP; Học viện/Khoa có trách nhiệm công bố điểm kết thúc HP và điểm HP trên phần mềm QLĐT.

Học viện/Khoa công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện: các quy định cụ thể về thời gian, hình thức thi, phương thức thi, tiêu chí đánh giá, trọng số, cơ chế phản hồi, các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của NH. ĐCHP được đưa lên trên cổng thông tin của Học viện, SV, GV có thể tải về để nghiên cứu. SV được Học viện/Khoa phổ biến, quán triệt các nội dung trên thông qua hệ thống cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm. Trong ĐCHP có nội dung đánh giá được GV phổ biến ở giờ đầu tiên của HP và trong buổi sinh hoạt đầu khóa của Khoa.

Kết quả khảo sát SV ngành XDD&CQNN trước khi tốt nghiệp năm 2019 có 76,5%, năm 2020 có 88,1% và năm 2022 có 97,5% SV hài lòng với kết quả KTĐG của Khoa và của Học viện. Kết quả phỏng vấn trực tiếp nhóm SV đang học ngành XDD&CQNN cho thấy SV đã được GV phổ biến về các ĐCHP và phương thức KTĐG KQHT.

2. Điểm tồn tại

Trong Quy định đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện đã quy định điểm HP được tính bằng điểm đánh giá các bộ phận, gồm: điểm đánh giá ý thức học tập (10%), điểm kiểm tra giữa HP (30%), điểm thi cuối HP (60%), song theo thống kê về thực tế công tác KTĐG của Khoa vẫn còn một số HP chỉ thực hiện tính điểm HP với 1 đầu điểm: điểm bài tập lớn (100%) như các HP: XD02338, XD03321, XD03320, XD02307, TG03004, XD03344, XD03345, ...

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần rà soát và giám sát chặt chẽ công tác về KTĐG của các HP, để đảm bảo quy định của học viện về KTĐG KQHT của NH được thực hiện theo đúng các văn bản quy định.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Điểm mạnh

Kết quả nghiên cứu các ĐCHP của CTĐT ngành XDD&CQNN phê duyệt năm 2020 cho thấy, i) Việc đánh giá KQHT các HP của NH được thực hiện trong suốt quá

trình học tập (kiểm tra thường xuyên, chuyên cần, đánh giá giữa HP và đánh giá cuối HP); ii) Hình thức KTĐG đa dạng, từ điểm danh, kiểm tra việc chuẩn bị bài tập và khả năng tham gia tiết học, báo cáo bài luận, bài tập ứng dụng, trắc nghiệm, tiểu luận, báo cáo, thuyết trình, thi vấn đáp, tự luận, thi tự luận kết hợp với trắc nghiệm, ... (Theo thống kê của Khoa về các hình thức KTĐG cuối học kỳ trong CTĐT năm 2020: có 34,2% số HP thi tự luận; có 2,5% thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan, 22,8% số HP thi theo hình thức làm bài tập lớn; có 10,1% số HP thi theo hình thức viết tiểu luận, số còn lại thi theo cách thức kết hợp giữa các hình thức như thuyết trình và bài tập lớn, Tiểu luận và trắc nghiệm khách quan, ...); iii) Đã tổ chức được ngân hàng câu hỏi thi và ngân hàng đề thi cho hầu hết các HP; iv) Quy trình thi từ khâu ra đề, chọn, nhân đề, coi thi, chấm thi, quản lí bài thi, điểm thi, chế độ bảo mật được thực hiện theo quy định, đảm bảo sự công bằng trong đánh giá NH.

Các phương thức KTĐG được sử dụng về cơ bản đảm bảo đánh giá được các yêu cầu của CĐR. Ma trận kết nối giữa phương thức KTĐG với CĐR cho thấy mỗi một phương thức đánh giá đều tham chiếu/liên kết đến CĐR HP, đo lường được các yêu cầu của CĐR. Hằng năm, sau mỗi học kỳ, Học viện có báo cáo phân tích KQHT của SV theo từng ngành học, HP; Khoa/Bộ môn đã tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để đánh giá hiệu quả tổ hợp các phương pháp KTĐG được áp dụng trong các HP, từ đó đề xuất việc cải tiến nhằm đảm bảo đánh giá được các yêu cầu của CĐR.

Đoàn Chuyên gia ĐGN đã kiểm tra ngẫu nhiên các túi bài thi của 7 HP, trong đó 4 HP thi theo hình thức tiểu luận và bài tập lớn, 2 HP thi tự luận và khóa luận tốt nghiệp. Nhìn chung việc tổ chức thi, chấm thi, lưu giữ bài thi được thực hiện phù hợp với quy định của Học viện như bài thi tự luận đều có cất phách, có 2 CB chấm thi, bài thi được chấm điểm theo từng ý ở từng điểm theo câu hỏi, việc ghép phách, nhập điểm không nhầm lẫn, hồ sơ về đánh giá khóa luận được thực hiện theo quy định, ...

2. Điểm tồn tại

Học viện/Khoa chưa tổ chức đánh giá định lượng độ tin cậy và độ giá trị của các đề thi kết thúc HP. Báo cáo phân tích KQHT của SV theo từng HP còn sơ lược, chưa thể hiện rõ việc đáp ứng yêu cầu đo lường mức độ đạt được CĐR của HP.

Trong các túi bài thi của 7 HP được rút ngẫu nhiên cho thấy việc chấm thi theo hình thức tiểu luận và bài tập lớn không có thang điểm và điểm thi theo hình thức này đều có kết quả rất cao (điểm thấp nhất là 7, chủ yếu là giỏi và xuất sắc), trong khi điểm thi các HP thi tự luận không cao (chủ yếu là điểm trung bình 5, 6 và 7, điểm thấp nhất là 1 điểm, ...)

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Hằng năm, từng học kỳ, Học viện/Khoa cần dựa trên việc phân tích kết quả đánh

giá HP của NH để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của phương pháp đánh giá, từ đó đưa ra đề xuất cải tiến phương pháp đánh giá và công tác ra đề.

Bên cạnh đó, cần thường xuyên tổng kết, đối sánh kết quả giữa các hình thức thi hết HP để là cơ sở cho lựa chọn các phương pháp KTĐG phù hợp nhất với CTĐT, đảm bảo đánh giá đúng KQHT của NH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

4. Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Điểm mạnh

Việc phản hồi kết quả đánh giá của NH được thực hiện theo quyết định số 2989/QĐ-HVBCTT-KT ngày 01/9/2017 về quy định công tác khảo thí, quyết định số 1909/QĐ-HVBCTT ngày 19/4/2021 về quy định công tác tổ chức thi HP hệ chính quy tập trung và quyết định số 1117/QĐ-HVBCTT ngày 09/3/2018 về quy định phúc khảo bài thi HP. Theo đó, Học viện đã xác định rõ thời gian, nơi công bố điểm thi phù hợp với các hình thức tổ chức thi kết thúc HP, xác định thời gian phải nhập điểm của HP vào phần mềm cho NH sau khi chấm thi và thời gian lưu trữ bài thi.

Cụ thể, văn bản trên quy định: đối với các HP thi tự luận trong thời gian 14 ngày sau khi nhận bài thi (và 3 ngày làm phách kể từ ngày thi) kết quả thi sẽ được các đơn vị phụ trách cập nhật trên phần mềm QLĐT. SV đăng nhập vào phần mềm theo tài khoản cá nhân để biết kết quả đánh giá HP của mình. Việc công bố điểm đánh giá quá trình (điểm chuyên cần, điểm bài tập, ...) được GV phụ trách HP công bố ở buổi học cuối cùng của HP. Các học phần thi vấn đáp, trắc nghiệm, chấm khóa luận tốt nghiệp SV biết kết quả ngay sau buổi thi.

Các văn bản, các thông tin về phản hồi kết quả đánh giá của NH được công khai hóa cùng các văn bản quản lý tương ứng, được phổ biến qua nhiều kênh thông tin khác nhau: phổ biến cho SV mới nhập học trong tuần sinh hoạt công dân, trong Sổ tay SV hằng năm, ...; đối với GV, việc phổ biến các quy định này còn được thực hiện trong các cuộc họp bộ môn. Trước mỗi kỳ thi, phụ trách Khoa/ Bộ môn nhắc GV thực hiện các quy định liên quan nội quy, quy định thi, công bố điểm thành phần, ...

Kết thúc từng kỳ thi, Học viện/Khoa đã tổng kết rút kinh nghiệm công tác thi HP từ khâu: làm lịch thi, đề thi, coi thi, chấm thi, công bố điểm thi, tiếp nhận phản hồi thắc mắc của NH. Các ưu điểm và nhược điểm từng khâu đã được tổng kết. Trong khảo sát SV ngành XDD&CQNN trước khi tốt nghiệp về cho thấy, số SV đồng ý và rất đồng ý với nhận định “KQHT được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình

học tập” năm 2020 là có 95,2% và năm 2022 là 97,5% trên số SV được khảo sát.

2. Điểm tồn tại

Quy định về việc phản hồi kết quả KTĐG của NH đối với các HP thi tự luận trong thời gian 17 ngày sau khi thi là quá dài so với quy định chung của nhiều CSGD ĐH, hạn chế khả năng cải thiện việc học tập của NH.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên nghiên cứu để điều chỉnh quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, rút ngắn thời gian phản hồi kết quả đánh giá của NH tạo điều kiện cho họ kịp thời cải thiện việc học tập.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

5. Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Điểm mạnh

Cách thức, quy trình khiếu nại về KQHT của NH được quy định cụ thể trong: Quy định về công tác khảo thí của HVBC&TT (Số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/9/2017); Quy định phúc khảo bài thi HP (Số 1117/QĐ-HVBC&TT ngày 09/3/2018); Quy định công tác tổ chức thi HP hệ chính quy tập trung (Số 1909/QĐ-HVBC&TT ngày 19/4/2021). Theo đó, Học viện quy định SV muốn xem lại bài thi thi nộp đơn cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT trong thời gian 7 ngày làm việc từ khi công bố điểm thi (đối với các HP thi tự luận, tiểu luận, bài tập). Thời gian xử lý đơn phúc khảo bài thi của SV và thông báo cho SV biết kết quả chậm nhất là 15 ngày từ khi hết hạn nhận đơn phúc khảo bài thi. Đối với điểm chuyên cần và điểm quá trình SV khiếu nại trực tiếp đến GV giảng dạy HP và được GV giải quyết ngay trong buổi học đó. Học viện không tổ chức phúc khảo với HP thi bằng hình thức vấn đáp, thực hành. Quy trình phúc khảo rõ ràng và thuận tiện cho NH.

SV của Khoa XDD đã được phổ biến về các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong các buổi gặp đối thoại giữa SV và Ban giám đốc Học viện, trong các buổi sinh hoạt lớp, ... Bên cạnh các quy định, quy chế thi, các biểu mẫu đơn đề nghị phúc khảo kết quả bài thi đều có trong Sổ tay SV và được cung cấp đầy đủ cho SV trên website của Học viện.

Theo Báo cáo thống kê của Trung tâm KT&ĐBCLĐT trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022, Khoa có 04 trường hợp NH làm đơn xin phúc khảo bài thi; sau khi chấm phúc khảo bài thi, kết quả có 1 bài thi có sự thay đổi về điểm số (từ 1,5 điểm lên 3 điểm, nguyên nhân do lần 1 chấm thiếu 1 câu). Nhìn chung, NH đã hài lòng về

kết quả phản hồi và không có thắc mắc khiếu nại thêm.

Kết quả khảo sát NH cuối khóa ngành XDD&CQNN năm 2020 về sự hài lòng với chất lượng đào tạo của Học viện cho thấy, có 85,7% ý kiến đồng ý và rất đồng ý với tiêu chí “Quá trình KTĐG KQHT của SV khách quan, công bằng”; có 90,5% ý kiến đồng ý và rất đồng ý với tiêu chí “Các hình thức KTĐG đa dạng, đánh giá được kiến thức, kỹ năng CĐR”.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp SV và cựu SV của Đoàn chuyên gia trong thời gian khảo sát chính thức phục vụ ĐGN cho thấy, Học viện/Khoa/GV đã giải đáp các khiếu nại của NH về KQHT và rèn luyện; những thắc mắc của SV về các bài kiểm tra trên lớp, bài tập nhóm, bài làm cá nhân, thuyết trình, bài thi, ... đều được GV, Khoa và Phòng/Ban chức năng xem xét và phản hồi cụ thể.

2. Điểm tồn tại

Tuy tỷ lệ SV xin chấm phúc khảo bài thi nhỏ, việc chấm phúc khảo nghiêm túc, song việc chấm phúc khảo cho thấy, vẫn còn hiện tượng chấm sai, chấm sót bài thi.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần giám sát chặt chẽ hơn nữa khâu chấm thi và làm tốt công tác hậu kiểm.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện và Khoa đã có hệ thống các văn bản KTĐG KQHT của NH, bao gồm từ quy định chung như: Quy chế đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức thi kết thúc HP, đến những quy định có tính riêng biệt như Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các HP thay thế tốt nghiệp, ĐCHP, ... Các văn bản này đều được công khai tới SV và GV.

Mỗi HP đều được đánh giá bằng các phương pháp KTĐG khác nhau tương thích với CĐR của HP và CĐR của CTĐT cần đạt được. Các phương pháp, công cụ sử dụng trong KTĐG HP giúp đánh giá được mức độ đạt CĐR.

Học viện đã quy định rõ thời gian, địa điểm công bố điểm kiểm tra/thi phù hợp với các hình thức tổ chức kiểm tra/thi, xác định thời gian phải gửi kết quả đánh giá của HP về Phòng KT&ĐBCLĐT sau khi chấm thi và phản hồi kết quả cho NH và thời gian lưu trữ bài thi, ...

SV được phổ biến đầy đủ về các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu khóa học, trong Sổ tay SV, được tiếp cận với Quy chế

đào tạo của NH từ ngày nhập học.

NH đã hài lòng về kết quả phản hồi và không có khiếu nại nào. Trong thời gian 5 năm qua, NH thuộc CTĐT ngành XDD&CQNN chỉ có 4 đơn xin phúc khảo, kết quả chấm phúc khảo được phản hồi ngay cho NH.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Trong Quy định đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện đã quy định điểm HP được tính bằng điểm đánh giá các bộ phận, gồm: điểm đánh giá ý thức học tập (10%), điểm kiểm tra giữa HP (30%), điểm thi cuối HP (60%), song theo thống kê về thực tế công tác KTĐG của Khoa vẫn còn một số HP chỉ thực hiện tính điểm HP với 1 đầu điểm: điểm bài tập lớn (100%) như các HP: XD03321, XD03320, XD02307, TG03004, XD03344, XD03345, ...

Học viện/Khoa chưa tổ chức đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của các đề thi kết thúc HP. Báo cáo phân tích KQHT của SV theo từng HP còn sơ lược, chưa thể hiện rõ việc đáp ứng yêu cầu đo lường mức độ đạt được CĐR của HP.

Trong các túi bài thi của 7 HP thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp được rút ngẫu nhiên cho thấy việc chấm thi theo hình thức tiểu luận và bài tập lớn không có thang điểm và điểm thi theo hình thức này đều có kết quả rất cao (điểm thấp nhất là 7, chủ yếu là giỏi và xuất sắc), trong khi điểm thi các HP thi tự luận không cao (chủ yếu là điểm trung bình 5, 6 và 7, điểm thấp nhất là 1 điểm, ...).

Tuy tỷ lệ SV xin chấm phúc khảo bài thi nhỏ, việc chấm phúc khảo nghiêm túc, các bài thi đều có 2 GV chấm, song vẫn còn hiện tượng chấm sai, chấm sót bài thi.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện/Khoa cần rà soát và điều chỉnh, giám sát các nội dung về KTĐG của các HP, để đảm bảo quy định của học viện về KTĐG KQHT của NH được thực hiện theo đúng các văn bản quy định.

Hàng năm, từng học kỳ, Học viện/Khoa cần dựa trên việc phân tích kết quả đánh giá HP của NH để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của phương pháp đánh giá, từ đó đưa ra đề xuất cải tiến phương pháp đánh giá và công tác ra đề.

Bên cạnh đó, cần thường xuyên tổng kết, đối sánh kết quả giữa các hình thức thi hết HP để là cơ sở cho lựa chọn các phương pháp KTĐG phù hợp nhất với CTĐT, đảm bảo đánh giá đúng KQHT của NH.

Học viện/Khoa cần giám sát chặt chẽ hơn nữa khâu chấm thi và làm tốt công tác hậu kiểm.

VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

1. Tiêu chí 6.1. Việc qui hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Điểm mạnh

Học viện đã có CLPT HVBC&TT đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 (Số 2418/QĐ-HVBC&TT ngày 08/7/2014); CLPT HVBC&TT đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050 (Số 770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/02/2017, về việc chỉnh sửa và ban hành; số 6528/QĐ-HVBC&TT ngày 31/12/2018, về việc bổ sung, điều chỉnh và ban hành); Trong đó, đánh giá thực trạng đội ngũ GV trong từng giai đoạn; xác định mục tiêu, giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, tiếp nhận nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc tại Học viện với các chỉ tiêu: có 240/386 GV/tổng số CBGVNV, đạt 62,18%; GV có trình độ ThS là 113 đạt 47,08%; GV có trình độ TS là 97 đạt 40,48%; GV có trình độ PGS.TS là 28 đạt 11,67%; 18,83 SV/GV, đạt 50% GV có trình độ TS vào năm 2025; Đề án vị trí việc làm kèm theo Bảng mô tả vị trí công việc của GV (Số 6079-ĐA/HVBC&TT ngày 31/12/2020) đã xác định rõ ràng việc quy hoạch các vị trí việc làm của CB, GV, NV toàn Học viện (xác định 13 vị trí GV cho Khoa XĐĐ tham gia giảng dạy cho ngành XĐĐ&CQNN và 02 vị trí quản lý Khoa kiêm nhiệm (Trưởng khoa; Phó trưởng khoa vẫn tham gia giảng dạy, NCKH, đồng thời tham gia các sinh hoạt khác tại Khoa như Đảng, Công đoàn)). Khoa XĐĐ có CLPT Khoa giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn 2050, trong đó có các mục tiêu và giải pháp phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH. Kế hoạch ĐTBĐ CB, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2023 (Số 6530/KH-HVBC&TT ngày 31/12/2018) đã nêu rõ mục đích, yêu cầu; nội dung ĐTBĐ, biện pháp; tổ chức thực hiện. Hàng năm, Học viện ban hành kế hoạch ĐTBĐ dưỡng ngắn hạn: số 695/KH-HVBC&TT ngày 09/02/2018; số 902/KH-HVBC&TT ngày 26/02/2019; số 893/KH-HVBC&TT ngày 06/3/2020; số 977/KH-HVBC&TT ngày 08/02/2021. Học viện đã sử dụng quy định về ĐTBĐ của Quy chế ĐTBĐ CB, công chức, viên chức (Số 367/QĐ-HVCTQG ngày 17/01/2018) chung trong hệ thống Học viện và Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng CB, công chức, viên chức.

Học viện đã ban hành Kế hoạch phát triển đội ngũ công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2023, định hướng đến năm 2030. Học viện đã xây dựng Kế hoạch số 2150-KH/HVBC&TT ngày 17/5/2022 về quy hoạch CB, lãnh đạo quản lý giai đoạn 2021 -2026 và giai đoạn 2026 - 2031. Trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ lãnh đạo, quản lý để có kế hoạch tuyển dụng, ĐTBĐ đội ngũ GV hằng năm, đáp ứng nhu

cầu của các CTĐT. Triển khai CLPT, Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NV của Học viện/Khoa đã xác định nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ GV, NV để xây dựng Kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ cho đội ngũ GV, NV hàng năm trình Hiệu trưởng phê duyệt (Kế hoạch và Thông báo tuyển dụng các năm trong giai đoạn đánh giá; Kế hoạch ĐTBĐ hằng năm).

Việc tuyển dụng được Học viện thực hiện theo quy định cập nhật của Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Việc điều động và bổ nhiệm CB được Học viện thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm CB lãnh đạo, quản lý (Số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc HVCTQGHCM) và Quy định số 201-QĐ/HVCTQG ngày 22/6/2020 của Giám đốc HVCTQGHCM về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm CB; Đề án vị trí việc làm kèm theo Bảng mô tả vị trí công việc của GV. Trong đó, quy định rõ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng cho từng vị trí chức danh; chính sách thu hút, đãi ngộ, ĐTBĐ nhân sự. Hằng năm, Học viện và Khoa có triển khai thực hiện theo kế hoạch phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH theo các chỉ tiêu xác định hàng năm và theo giai đoạn; tuyển mới GV trẻ. Tại thời điểm ĐGN ngành XDD&CQNN có 13 GV, trong đó có 01 PGS.TS (chiếm 7,7%), 07 TS (chiếm 53.8%), 5 ThS (chiếm 38,5%). Độ tuổi bình quân của đội ngũ GV của ngành là 43 tuổi.

Học viện có kế hoạch xây dựng quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (Số 404/KH-HVBCTT ngày 17/02/2016) và kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh CB lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (Số 5949/KH-HVBCTT, ngày 21/12/2018). Trong đó, có mục đích, yêu cầu; các chức danh quy hoạch; điều kiện, tiêu chuẩn CB bổ sung vào quy hoạch; đối tượng đưa ra khỏi quy hoạch; thẩm quyền quyết định quy hoạch; quy trình xây dựng, quyết định quy hoạch; thời gian tiến hành.

2. Điểm tồn tại

Học viện có kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, nghiên cứu viên đã có định tính và định lượng nhưng chưa chi tiết.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát và chi tiết hóa kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, nghiên cứu viên trên cơ sở nhu cầu đội ngũ CB, GV, nghiên cứu viên thực tế.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

2. Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Điểm mạnh

Khoa XDD hiện đang đào tạo 01 CTĐT trình độ ĐH. Quy đổi theo quy định tại các Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018; số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT về thi tỷ lệ GV/SV quy đổi của CTĐT ngành XDD&CQNN là đủ, đáp ứng yêu cầu qui định của Bộ GD&ĐT.

Trong giai đoạn đánh giá, khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV được Học viện thực hiện Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT (Số 928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/3/2018); Bảng mô tả vị trí công việc của GV, trong đó có quy định rõ về quy đổi theo giờ chuẩn, NCKH, tiết chuẩn nghĩa vụ, khối lượng và thời gian làm việc đối với từng đối tượng; hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc, tiết chuẩn, tiết miễn giảm của đội ngũ GV, nghiên cứu viên theo chuẩn và đo lường được để giám sát, đánh giá và cải tiến. Ví dụ: thời gian làm việc GV là 40 giờ/tuần, được xác định theo năm học; tổng quỹ thời gian làm việc của GV bình quân trong 01 năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong Học viện là 1760 giờ (44 tuần x40 giờ/tuần). Định mức giờ chuẩn theo các chức danh và được xác định trên 3 loại nhiệm vụ: giảng dạy, NCKH và học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác. Cụ thể: Với GV (hạng III) trình độ TS và chưa TS (800 giờ hành chính (270 giờ chuẩn) và 600 giờ NCKH, 360 giờ chuẩn công việc khác); Với GV (hạng II) trình độ TS và chưa TS (800 giờ hành chính (280 giờ chuẩn) và 700 giờ NCKH, 260 giờ chuẩn công việc khác); Với GV (hạng I): trình độ TS (700 giờ hành chính (290 giờ chuẩn) và 850 giờ NCKH, 210 giờ chuẩn công việc khác); trình độ Phó GS (750 giờ hành chính (270 giờ chuẩn) và 900 giờ NCKH, 110 giờ chuẩn công việc khác) và trình độ GS (720 giờ hành chính (270 giờ chuẩn) và 950 giờ NCKH, 90 giờ chuẩn công việc khác). Ngoài ra, còn quy định số giờ giảng chuẩn cho GV giữ chức vụ quản lí.

Đầu mỗi năm học, Khoa căn cứ kế hoạch công tác của từng GV và phối hợp với Ban QLĐT để phân công khối lượng giảng dạy theo kế hoạch đào tạo; phối hợp với Ban quản lí khoa học để giao khối lượng giờ NCKH cho GV. Cuối mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với Ban QLĐT thống kê khối lượng giảng dạy và Ban QLĐT thống kê khối lượng NCKH của từng GV làm căn cứ đánh giá việc thực hiện công việc của GV.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát chặt chẽ: Khoa theo dõi tiến độ, khối lượng giảng dạy, NCKH của GV, giám sát chất lượng, kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV theo Quy trình đánh giá, phân loại CB-GV-NV và Quy trình xét thi đua khen thưởng. Ở cấp Học viện, Ban QLĐT là đơn vị giám sát, kiểm tra khối lượng giảng dạy của GV, Ban quản lí khoa học kiểm tra rà soát hoạt động NCKH của GV; còn có sự phối hợp của Trung tâm KĐ&KĐCLĐT, Ban Tổ chức - CB.

2. Điểm tồn tại

Giai đoạn 2017-2021, việc thực hiện số giờ NCKH của ngành chưa đồng đều, tập trung vào một số GV, mức chi cho các sản phẩm NCKH xuất sắc cho GV còn thấp. Ví dụ: công bố khoa học quốc tế (danh mục ISI/Scopus, chỉ số ISSN) còn thấp (trước năm 2021 là 3 triệu đồng/1 bài), năm 2021 Học viện đã điều chỉnh bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus lên tối đa 10 triệu đồng/bài nhưng vẫn thấp so với nhiều CSGD ĐH khác.

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được thể hiện rõ và chưa đề cập trong các quy định của Học viện/Khoa.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tăng cường hơn nữa những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và có biện pháp để giúp GV tăng số lượng công bố quốc tế.

Học viện/Khoa cần bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV trong Quy định chế độ làm việc của GV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Điểm mạnh

Việc tuyển dụng được Học viện thực hiện theo quy định cập nhật của Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lí viên chức.

Việc điều động và bổ nhiệm CB được Học viện thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm CB lãnh đạo, quản lí (Số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc HVCTQGHCM), Quy định

số 201/QĐ-HVCTQG ngày 22/6/2020 của Giám đốc HVCTQGHCM về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm CB. Đề án vị trí việc làm kèm theo Bảng mô tả vị trí công việc của GV. Trong đó, đã nêu rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng (bao gồm tiêu chí tuyển dụng về đạo đức, năng lực và trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định).

Trong giai đoạn 2017-2021, trên cơ sở nhu cầu thực tế đội ngũ GV và của CTĐT, NCKH của các CB, GV, NV (Khoa tổng hợp), Học viện ban hành kế hoạch, thông báo tuyển dụng và kế hoạch ĐTBĐ hằng năm. Các thông báo tuyển dụng và kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển GV trong giai đoạn 2017-2021 của Học viện đều được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, qua hệ thống Email của các Phòng, Ban, Khoa, Viện và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Giai đoạn 2017-2021, ngành XDD&CQNN không thay đổi về tổng số GV (13 GV), có 02 GV kí hợp đồng chuyên môn giảng dạy, 01 GV được điều động, 01 GV thuyên chuyển công tác, 01 GV nghỉ hưu.

2. Điểm tồn tại

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CB quản lí, các đơn vị thuộc thẩm quyền của HVCTQGHCM (Số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019) đang dùng chung cho các cơ sở trực thuộc HVCTQGHCM, còn hạn chế về mặt thời gian triển khai thực hiện so với thực tế yêu cầu.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát lại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CB quản lí, các đơn vị thuộc thẩm quyền của HVCTQGHCM (Số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các quy định hiện hành và phù hợp với thực tế của HVBC&TT giai đoạn hiện nay.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

4. Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Học viện được thể hiện ở nhiều văn bản: Quy định tiêu chí về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và tin học, kinh nghiệm công tác, kĩ năng giảng dạy, NCKH, đóng góp cho cộng đồng của CB – GV - NV Học viện; Bản mô tả vị trí công việc của GV; Quy định về chế độ làm việc đối với

GV của HVBC&TT (Số 928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018); Quy chế quản lý hoạt động khoa học của HVBC&TT (Số 6531/QĐ-HVBCTT ngày 26/12/2018). Trong đó, năng lực của GV được xác định qua năng lực sư phạm: năng lực giảng dạy, ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; năng lực nghiên cứu NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Hàng năm, Học viện/Khoa thực hiện đánh giá năng lực của GV, qua các hình thức: (i) Đánh giá chất lượng giảng dạy của GV qua quá trình dạy học của GV (lấy ý kiến từ NH); (ii) Đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH cuối năm. Cuối năm, tất cả GV đều thực hiện đánh giá, xếp loại GV trong công tác giảng dạy và NCKH hàng năm trên cơ sở quy định cụ thể theo Quy trình đánh giá, phân loại CB-GV-NV và Quy chế thi đua - Khen thưởng của HVCTQG HCM (Số 3370/QĐ-HVCTQG ngày 04/7/2019). Giai đoạn 2017-2021, 16 lượt GV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 36 lượt GV được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 02 lượt GV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, CCVC hàng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong tiêu chí để đánh giá, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV (KPIs) bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCD; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực (không chỉ để xét thi đua, khen thưởng và lương bổ sung mà còn để lập kế hoạch ĐTBĐ, luân chuyển, bổ nhiệm).

Hàng năm, Học viện/Khoa cần lập kế hoạch và thực hiện đánh giá năng lực GV, trong đó cần nêu rõ cách thức đánh giá năng lực về giảng dạy, phát triển CTĐT, về NCKH, về PVCD và các hoạt động khác; phân công rõ đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

5. Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Điểm mạnh

Công tác ĐTBĐ dài hạn nâng cao trình độ GV của Học viện được thực hiện dựa trên cơ sở các chỉ tiêu phát triển ngũ GV đã được xác định trong CLPT của Học viện các giai đoạn và Bản mô tả vị trí công việc của đội CB, GV, NV. Hằng năm, trên cơ sở các văn bản này và kết quả phân tích thực trạng đội ngũ, nhu cầu CTĐT, nhu cầu ĐTBĐ của các GV/Khoa, Học viện ban hành Kế hoạch ĐTBĐ và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB-GV-NV giai đoạn 2019-2023 và kế hoạch ĐTBĐ hàng năm. Các hình thức ĐTBĐ được Học viện triển khai đa dạng: Đào tạo nâng cao trình độ ThS, TS; ĐTBĐ thường xuyên theo nhu cầu phát triển của từng khoa/trung tâm, của GV; GV tự học tập và bồi dưỡng nâng cao năng lực của bản thân. Kế hoạch ĐTBĐ được thông báo tới các đơn vị toàn Học viện để triển khai thực hiện và được giám sát bởi Ban Tổ chức - CB và Khoa và qua kết quả TĐG, tổng hợp, xếp loại báo cáo kết quả của việc triển khai thực hiện các kế hoạch ĐTBĐ của đội ngũ CB, GV. Giai đoạn 2017-2021, Ngành XĐĐ&CQNN có 76% số GV được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch hằng năm của Học viện.

Kết thúc mỗi khóa ĐTBĐ, Ban Tổ chức - CB đã lấy ý kiến phản hồi của các CB, GV được cử đi ĐTBĐ về khóa học thông qua phiếu lấy ý kiến phản hồi của NH. Kết quả phản hồi cho thấy hầu hết CB, GV ngành cho rằng kết quả ĐTBĐ đã đáp ứng được nhu cầu phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CB, GV.

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có nhiều khóa ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG; kỹ năng thiết kế câu hỏi, đề thi, rà soát đánh giá KQHT; tiếp cận và định hướng NCKH hướng tới đạt CĐR của HP hướng đến đạt CĐR của CTĐT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần tổ chức thêm các khóa ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CĐR của HP/CTĐT và phát triển năng lực NCKH giáo dục.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

6. Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Điểm mạnh

Việc đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy và NCKH được Học viện thực hiện trên cơ sở các văn bản: Quy định về chế độ làm việc của GV; Quy định quản lý hoạt động khoa học trong HVBC&TT; Quy chế chi tiêu nội bộ của HVBC&TT; Bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV. Các văn bản này đã xác định rõ khối lượng các công việc và tiêu chí đánh giá năng lực cho từng CB, GV, NV và là cơ sở để Học viện quản trị mức độ hoàn thành công việc hằng năm của CB, GV, NV. Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CB, GV, NV, Học viện đã thực hiện theo Quy trình đánh giá, phân loại CB-GV-NV và Quy trình xét thi đua khen thưởng. Hệ thống các Quy định, Quy chế này được công bố rộng rãi, đầy đủ đến CB, GV, NV trong toàn Học viện.

Hàng năm các CB, GV của Khoa đều lập kế hoạch công tác cá nhân; đăng kí danh hiệu thi đua năm học và được Lãnh đạo Khoa phê duyệt. Kế hoạch công tác được xây dựng dựa trên Bảng mô tả vị trí việc làm, định mức khối lượng giờ giảng và NCKH cũng như các hoạt động khác theo quy định của từng năm học và nhiệm vụ giảng dạy, NCKH đã được giao và trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của từng GV (Bảng phân công giờ giảng và Bảng phân công khối lượng NCKH của Khoa; Kế hoạch công việc của các đơn vị thuộc Học viện hằng năm). Vào cuối năm tất cả CB, GV, NV thực hiện TĐG, xếp loại theo Hướng dẫn đánh giá, xếp loại đối với CB, GV, NV. Quy trình đánh giá của Học viện được thực hiện trên cơ sở cá nhân TĐG, cấp ủy và đồng nghiệp góp ý, nhận xét trên cơ sở tham khảo ý kiến góp ý, Trưởng đơn vị đánh giá, xếp loại cá nhân. Kết quả đánh giá là cơ sở để bình xét thi đua, khen thưởng, bổ nhiệm, điều chuyển và là căn cứ xây dựng kế hoạch ĐTBĐ hằng năm. Việc đánh giá kết quả công việc của GV được công khai, minh bạch. Giai đoạn 2017-2021, 16 lượt GV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 36 lượt GV được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 02 lượt GV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ. Giai đoạn 2017-2021, 45 lượt GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến; 10 lượt GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở và 2 lượt GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp Bộ.

Hàng năm, Học viện/Khoa đều lấy ý kiến đánh giá hiệu quả công việc bằng phiếu khảo sát đến tất cả GV và sự hài lòng về kết quả đánh giá và thi đua khen thưởng của Học viện/Khoa (trên 80% GV hài lòng trở lên). Các kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV, NV được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại và được công khai trên trang văn thư điện tử để toàn thể CB, GV biết. Vì vậy, trong giai đoạn đánh

giá, Học viện chưa nhận được đơn khiếu nại kết quả đánh giá, phân loại, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV.

2. Điểm tồn tại

Quy trình đánh giá, phân loại CB, GV, NV của Học viện chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCĐ của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định. Việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ còn chưa rõ nét như hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần quy định về đánh giá, phân loại CB, GV, NV, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCĐ của GV cũng như quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

7. Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Điểm mạnh

Giai đoạn 2017-2021, hoạt động NCKH của đội ngũ GV Học viện được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học ở HVBC&TT (Số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/9/2011; số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018) và Quy định chế độ làm việc đối với GV (Số 2901/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 08/10/2013; số 928/QĐ-HVBC&TT ngày 01/3/2018). Theo đó, hoạt động NCKH gồm các loại hình: Tham gia đề tài/dự án/nhiệm vụ khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong/ngoài nước hoặc trong các hội nghị/hội thảo khoa học, biên soạn giáo trình/sách chuyên khảo, tham gia hội nghị/hội thảo khoa học, tư vấn chuyên gia công nghệ, tham gia các cuộc thi sáng tạo, hướng dẫn NH tham gia NCKH, ... Học viện đã quy định giờ chuẩn NCKH mỗi năm đối với GVCC hạng I gồm các GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, GV có trình độ TS là 850 giờ, đối với GVC (hạng II) là 700 giờ, đối với GV (hạng III) là 600 giờ. Hoạt động KHCN được quy đổi ra giờ giảng lý thuyết, được quy định tương đối rõ ràng như: bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus được quy đổi tối đa 900 giờ/bài, bài báo trên tạp chí quốc tế ngoài hệ thống ISI/Scopus tối đa 600 giờ/bài, chủ trì đề tài cấp Nhà nước 500 giờ/đề tài, hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH 50 giờ/đề tài, ... Để khuyến khích các GV có kết quả hoạt động NCKH xuất sắc, Học viện đã có quy định thưởng cho các cá nhân có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus tối đa 10 triệu đồng/bài, đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN tối đa 03 triệu đồng/bài (Quy chế chi tiêu nội bộ

năm 2021). Hằng năm, Học viện đều tổ chức hội nghị NCKH của GV và tổ chức nhiều hội thảo khoa học các cấp. Yêu cầu về NCKH được thể hiện rõ trong năng lực vị trí GV.

Học viện/Khoa thực hiện tổng kết đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, từ đó đề ra phương hướng hoạt động NCKH hàng năm. Số lượng và loại hình NCKH của Khoa XDD/ngành XDD&CQNN được thực hiện giám sát, đối sánh với các khoa khác trong Học viện. Trong chu kỳ đánh giá, số liệu thống kê cho thấy, đội ngũ GV Khoa XDD tham gia thực hiện CTĐT XDD&CQNN đã triển khai hoạt động NCKH với nhiều loại hình như triển khai và nghiệm thu 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Nhà nước; 40 đề tài cấp Học viện; đã đăng 127 bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước; đã đăng 18 bài trên tạp chí khoa học quốc tế; đã viết 04 sách giáo trình và 18 sách chuyên khảo; tham gia các hội thảo trong nước (42 tham luận), hội thảo quốc tế (05 tham luận). Trong chu kỳ đánh giá, kinh phí chi cho NCKH của GV Khoa XDD là gần 4 tỷ VNĐ.

2. Điểm tồn tại

Việc định hướng nội dung nghiên cứu trong đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT XDD&CQNN chưa được thực sự chú trọng.

Các văn bản liên quan đến NCKH chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của Bộ GD&ĐT (Số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường khoa học công nghệ trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV thuộc CSGD ĐH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV, trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đáp

ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD. Việc tuyển dụng đội ngũ GV được thực hiện khá tốt.

Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ CB, GV, NV giai đoạn 2016-2021 được xây dựng và thực hiện trên nhu cầu đào tạo, NCKH; nhu cầu của GV của Khoa; được thực hiện và giám sát đánh giá bởi Ban Tổ chức - CB và các Khoa.

Khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm học.

Học viện có các văn bản qui định về hoạt động NCKH. Giờ NCKH được định mức theo học hàm học vị của GV, đồng thời quy định rõ định mức tối thiểu phải hoàn thành so với định mức giờ NCKH. Học viện đã chú trọng đầu tư kinh phí cho NCKH. Đội ngũ GV của Khoa đã đạt được những kết quả tích cực trong NCKH.

Công tác ĐTBĐ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ được triển khai theo kế hoạch.

Thực hiện tốt việc quản trị công việc của CB, GV, NV: ban hành các văn bản, phân công công việc rõ ràng đầu mỗi năm học, giám sát quá trình thực hiện và đánh giá hằng năm học. Thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch, không có khiếu nại gì.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Học viện có kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, nghiên cứu viên đã có định tính và định lượng nhưng chưa chi tiết.

Giai đoạn 2017-2021, việc thực hiện số giờ NCKH của ngành chưa đồng đều, tập trung vào một số GV. Mức chi cho các sản phẩm NCKH xuất sắc cho GV còn thấp. Ví dụ công bố khoa học quốc tế (danh mục ISI/Scopus, chỉ số ISSN) còn thấp (trước năm 2021 là 3 triệu đồng/1 bài), năm 2021 Học viện đã điều chỉnh bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus lên tối đa 10 triệu đồng/bài nhưng vẫn thấp so với nhiều CSGD ĐH.

Hoạt động PVCD của GV chưa được thể hiện rõ và chưa đề cập trong các quy định của Học viện/Khoa.

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CB quản lý, các đơn vị thuộc thẩm quyền của HVCTQG HCM (Số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019) đang dùng chung cho các cơ sở trực thuộc HVCTQG HCM, còn hạn chế về mặt thời gian triển khai thực hiện so với thực tế yêu cầu.

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo

từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, công chức, viên chức hằng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong tiêu chí để đánh giá, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

Học viện chưa có nhiều khóa ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG; kỹ năng thiết kế câu hỏi, đề thi, rà soát đánh giá KQHT; tiếp cận và định hướng NCKH hướng tới đạt CDR của HP hướng đến đạt CDR của CTĐT.

Học viện có Quy trình đánh giá, phân loại CB, GV, NV nhưng chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCĐ của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ còn chưa rõ nét như hoạt động đào tạo và NCKH.

Việc định hướng nội dung nghiên cứu trong đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT XDD&CQNN chưa được thực sự chú trọng.

Các văn bản liên quan đến NCKH chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của Bộ GD&ĐT (Số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV).

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện cần rà soát và chi tiết hóa kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, nghiên cứu viên trên cơ sở nhu cầu thực tế về đội ngũ CB, GV, nghiên cứu viên.

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn để khuyến khích GV NCKH và có biện pháp để các GV có chức danh GS, PGS có kinh nghiệm dẫn dắt các GV khác cùng thực hiện các hoạt động NCKH. Cần tăng cường hơn nữa những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và có biện pháp để giúp GV tăng số lượng công bố quốc tế.

Học viện/Khoa cần bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV trong Quy định chế độ làm việc của GV.

Học viện cần rà soát lại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CB quản lý, các đơn vị thuộc thẩm quyền của HVCTQG HCM (Số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các quy định hiện hành và phù hợp với thực tế của HVBC&TT giai đoạn hiện nay.

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá

năng lực GV (KPIs) bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực (không chỉ để xét thi đua, khen thưởng và lương bổ sung mà còn để lập kế hoạch ĐTBĐ, luân chuyển, bổ nhiệm).

Hàng năm, Học viện/Khoa cần lập kế hoạch và thực hiện đánh giá năng lực GV, trong đó cần nêu rõ cách thức đánh giá năng lực về giảng dạy, phát triển CTĐT, về NCKH, về PVCĐ và các hoạt động khác; phân công rõ đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp.

Học viện/Khoa cần tổ chức thêm các khóa ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CĐR của HP/CTĐT, phát triển năng lực NCKH giáo dục.

Học viện cần quy định về đánh giá, phân loại CB, GV, NV, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCĐ của GV cũng như quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; đưa kết quả đánh giá năng lực thành 1 tiêu chí đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học.

Khoa XĐĐ nên tăng cường đối sánh kết quả NCKH của GV với GV các ngành khác trong Học viện và với ngành XĐĐ&CQNN của các CSGD ĐH khác trong nước và quốc tế.

Học viện/Khoa cần xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

Học viện cần có kế hoạch và triển khai cập nhật các văn bản liên quan đến hoạt động NCKH của GV.

VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

1. Tiêu chí 7.1. Việc qui hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ NV của Học viện/Khoa được tuân thủ theo CLPT HVBC&TT đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Số 2418/QĐ-HVBCTT ngày 08/7/2014), chỉnh sửa và ban hành CLPT HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (Số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2017); bổ sung điều chỉnh CLPT HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (số 6528/QĐ-HVBCTT ngày 31/12/2018); Đề án vị trí

việc làm (Số 6079-ĐA/HVBCTT ngày 31/12/2020; Tờ trình số 632-TTr/HVBCTT ngày 25/01/2022) của Học viện, trong đó đã đề cập đến phát triển nguồn nhân lực như đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, có chế độ khuyến khích và tạo điều kiện cho CB nâng cao trình độ chuyên môn, đảm bảo cơ cấu về giới, độ tuổi và chuyên môn theo quy định.

Hàng năm, Học viện/Khoa đã thực hiện khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ NV, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ NV hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD gồm các CB thư viện, phòng thí nghiệm, phòng CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác, đồng thời xác định, mô tả công việc cho từng vị trí của đội ngũ NV hỗ trợ, trên cơ sở đó lập kế hoạch tuyển dụng, lựa chọn đội ngũ NV hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Học viện đã có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV tuân thủ Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (Số 2440/QĐ-HVBCTT ngày 10/7/2014), với các chính sách ưu đãi như: chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học; quy định về phụ cấp cho các NV phòng/ban; quy định về thu nhập tăng thêm.

Tại thời điểm đánh giá, Khoa XDĐ và ngành XDĐ&CQNN sử dụng chung đội ngũ NV của 13 đơn vị chức năng thuộc Học viện (Ban Tổ chức - CB, Ban QLĐT, Ban Quản lý khoa học, Ban Kế hoạch tài chính, Ban Hợp tác quốc tế, Ban Thanh tra, Văn phòng, Trung tâm KT&ĐBCLĐT, Phòng Quản trị và Quản lý kí túc xá, Phòng Công tác chính trị và hỗ trợ sinh viên (CTCT & HTSV), Trung tâm Thông tin khoa học) với tổng số 115 người. Trong đó đội ngũ chuyên viên là 105 người, đội ngũ GV kiêm nhiệm là 10 người. Khoa XDĐ có 01 chuyên viên đảm trách nhiệm vụ giáo vụ kiêm thư kí khoa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, giúp Khoa giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy, về học tập của SV, quản lý bài thi, cảnh báo học vụ, xét tốt nghiệp, giải đáp thắc mắc của SV; ngoài ra còn có 06 GV của Khoa đồng thời đảm trách công tác CVHT, chịu trách nhiệm tư vấn hỗ trợ NH ngành XDĐ&CQNN; 01 GV là thư kí khoa học, 01 GV phụ trách công tác phát triển Đảng, 01 GV phụ trách truyền thông và hoạt động QLSV; 14 chuyên viên của các đơn vị chức năng chịu trách nhiệm chính trong hỗ trợ các hoạt động của ngành/Khoa XDĐ theo sự phân công của các đơn vị.

Qua khảo sát thực tế và kết quả nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy đội ngũ NV của Học viện và Khoa đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy gần 90% NH tham gia khảo sát hài lòng về chất lượng phục vụ của các NV phòng chức năng. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn NH,

GV cho thấy, hầu hết ý kiến hài lòng với tinh thần thái độ phục vụ, giải quyết công việc của NV hỗ trợ.

2. Điểm tồn tại

Hoạt động phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBĐ đối với đội ngũ NV chưa thật sự bài bản.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ NV một cách bài bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Điểm mạnh

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được quy định trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (số 2440/QĐ-HVBCCTT ngày 10/7/2014), Quy định về tuyển dụng và quản lý viên chức (Số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020), và sử dụng Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm CB lãnh đạo, quản lý ban hành theo Quyết định số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc HVCTQGHCM.

Học viện đã xác định các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể của từng vị trí công việc về hiểu biết, kiến thức và trình độ, kỹ năng và mô tả công việc trong Đề án vị trí việc làm năm 2020, Danh mục vị trí việc làm năm 2022. Học viện cũng đồng thời tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ (NH, GV), tiến hành tổng hợp và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực. Dựa trên phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực, Đề án vị trí việc làm, Học viện/Khoa xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được phổ biến/ thông báo tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức như trên website của Trường, qua hệ thống Email và trên các phương tiện truyền thông khác như báo giấy, báo điện tử. Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm NV được lưu trữ đầy đủ.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn đội ngũ CB hỗ trợ cho thấy công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển của Học viện/Khoa được công khai minh bạch và có tiêu chí rõ ràng.

2. Điểm tồn tại

Giai đoạn đánh giá, hoạt động tuyển dụng tuân thủ Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức ban hành năm 2014 và chưa được rà soát một cách bài bản.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có kế hoạch rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng phù hợp với tình hình thực tế của Học viện và Nghị định 115/2020 của Chính phủ.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Điểm mạnh

Học viện đã triển khai thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV với quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí tuân theo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQG HCM (Số 3370/QĐ-HVCTQG ngày 04/7/2019); Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của HVCTQG HCM và HVBC&TT (Số 468/HD-HVCTQG ngày 30/10/2017; số 3998/HD-HVBCTT ngày 07/11/2017; số 348/HD-HVCTQG ngày 08/10/2018; số 5460/HD-HVBCTT ngày 26/11/2018; số 910/HD-HVCTQG ngày 09/10/2019; số 4752/HD-HVBCTT ngày 22/10/2019; số 4341/HD-HVBCTT ngày 19/10/2020; số 4818/HD-HVBCTT ngày 14/10/2021) và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với CB, công chức, viên chức và người lao động (Số 4780/QĐ-HVBCTT ngày 16/12/2014).

Năng lực của đội ngũ NV được xác định trong Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, trong Đề án vị trí việc làm và Hướng dẫn đánh giá xếp loại hàng năm. Theo đó, các tiêu chí đánh giá bao gồm về Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ, ...

Học viện đã xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn phân loại theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chức danh, vị trí công tác. Đối với đội ngũ NV hỗ trợ được phân rõ với từng ngạch bậc, có chức vụ quản lý hoặc không có chức vụ quản lý như: chuyên viên tập sự, chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp có điểm đánh giá mức độ hoàn thành với mỗi tiêu chí có chỉ số đo lường cụ thể, chi tiết, tính trên tổng điểm 100.

Hoạt động đánh giá được thực hiện theo trình tự: NV TĐG theo mẫu phiếu đánh giá thống nhất của Học viện, đồng nghiệp đánh giá tại cuộc họp của các đơn vị, NH đánh giá qua các lần khảo sát ý kiến, cấp trên đánh giá thông qua hội đồng thi đua

khen thưởng các cấp. Các quy định này được phổ biến công khai để mọi CB, NV biết và cùng triển khai thực hiện.

Kết quả thống kê cho thấy, giai đoạn 2017-2021, ngành XDD&CQNN có 13 lượt NV hỗ trợ ngành xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 82 lượt xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, 02 lượt hoàn thành nhiệm vụ; 05 lượt NV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 02 lượt NV hỗ trợ ngành đạt khen cao.

2. Điểm tồn tại

Các tiêu chí liên quan đến đánh giá năng lực đội ngũ NV triển khai theo mẫu hàng năm, chưa được tổ hợp thành Bộ tiêu chuẩn.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần nhắc việc xây dựng và tổ hợp đầy đủ các tiêu chí để xây dựng thành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ NV một cách bài bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

4. Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Điểm mạnh

Hàng năm, Học viện/Khoa XDD, ngành XDD&CQNN đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV phục vụ. Căn cứ vào đề xuất của đơn vị và yêu cầu công việc, Trưởng các Khoa/đơn vị báo cáo Ban Tổ chức - CB để lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

Kết quả phê duyệt của Ban Giám đốc về công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức được gửi tới các đơn vị trong Học viện để triển khai thực hiện (“Kế hoạch bồi dưỡng cho CB, công chức, viên chức”) tuân thủ quy định của HVCTQGHCM và HVBC&TT. Kết quả khảo sát cho thấy các văn bản cử người đi học, bản sao văn bằng chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng được lưu trữ đầy đủ.

Trong giai đoạn 2017-2021, đội ngũ NV của Học viện và Khoa XDD được tham gia các khóa ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm do Học viện tổ chức hoặc cử đi như Lớp cao cấp lí luận chính trị; Lớp Trung cấp lí luận chính trị; Lớp Bồi dưỡng quản lí nhà nước chương trình chuyên viên/chuyên viên chính/chuyên viên cao cấp; Ngoài ra, đội ngũ NV tại các đơn vị chức năng còn được Học viện cử đi đào tạo dài hạn trình độ TS, ThS, ĐH văn bằng 2. Đội ngũ NV tham gia các khóa ĐTBĐ ngắn hạn, dài hạn được HVCTQGHCM hoặc HVBC&TT chi trả, hỗ trợ kinh phí học tập, hoặc/và tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ (Số 4280/QĐ-HVBC&TT ngày 15/9/2021)

Kết quả thống kê cho thấy, giai đoạn 2017-2021 đã có 111 lượt NV được tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn, các lớp tập huấn (12 người được cử đi đào tạo TS, 8 người được cử đi đào tạo ThS), tổng kinh phí chi cho ĐTBĐ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV từ nguồn thu của Học viện là gần 100 triệu đồng. Ngoài ra, kinh phí chi cho ĐTBĐ hàng năm còn được hỗ trợ từ HVCTQG HCM, trung bình 200 triệu VND/năm.

2. Điểm tồn tại

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, các khóa tập huấn về phát triển CTĐT cho Ban QLĐT, về ĐBCL cho đội ngũ trung tâm KT&ĐBCLĐT còn hạn chế.

Hoạt động tổng kết, đánh giá về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV chưa triển khai một cách bài bản.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có kế hoạch hỗ trợ, cử đội ngũ chuyên viên tham gia các khóa đào tạo về thiết kế phát triển CTĐT, ĐBCL, ... nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Học viện.

Học viện cần triển khai hoạt động tổng kết, đánh giá về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV một cách bài bản để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

5. Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa XDĐ xây dựng Quy chế làm việc và phân công CB chuyên trách (văn bản ban hành ngày 06/02/2017; ngày 02/02/2018; ngày 11/12/2019; ngày 06/01/2021) quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận được thể hiện ở Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQG HCM; Hướng dẫn Đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm của HVBC&TT.

Vào đầu mỗi năm học, Khoa giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi NV trong Bảng phân công nhiệm vụ chi tiết của Khoa và thực hiện theo dõi, giám sát kết quả, đồng thời hỗ trợ giải quyết các tình huống phát sinh. Mỗi NV trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch của cá nhân, triển khai thực hiện đồng thời có trách nhiệm báo cáo tình hình công việc và

kết quả thu được.

Hàng năm, Học viện/Khoa triển khai đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động. Việc đánh giá dựa trên kết quả TĐG của viên chức, người lao động, nhận xét của đơn vị công tác, mức độ hoàn thành các tiêu chí về định mức lao động đã được quy định tại các văn bản của Học viện, tham gia các hoạt động NCKH và ý kiến của NH, GV về công tác phục vụ giảng dạy (thư viện, máy móc, phòng thực hành).

Kết quả khảo sát và qua phỏng vấn cho thấy, giai đoạn 2017-2021, trên 85% NH hài lòng với sự hỗ trợ của đội ngũ NV. Kết quả đánh giá, phân loại viên chức, người lao động là cơ sở quan trọng để xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho cá nhân. Hồ sơ bình xét được Học viện/Khoa lưu trữ đầy đủ. Trong chu kỳ KĐCL 5 năm gần đây, NV của Khoa/Học viện đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và được công nhận đạt từ lao động tiên tiến trở lên. Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn cho thấy, trên 90% đội ngũ NV hỗ trợ hài lòng với phương pháp quản trị theo kết quả công việc và các tiêu chí bình xét thi đua khen thưởng, không có trường hợp khiếu nại, tố cáo.

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã chi trên 330 triệu VND cho công tác thi đua khen thưởng đội ngũ NV toàn Học viện, trên 2,5 triệu VND cho đội ngũ NV hỗ trợ của Khoa XDD.

2. Điểm tồn tại

Số liệu thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, tỷ lệ NV đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đạt thành tích được khen thưởng còn hạn chế.

Với sự tăng trưởng ngày một lớn mạnh của Học viện về mọi mặt trong đó có số lượng NH, dẫn đến hoạt động hỗ trợ NH đòi hỏi đội ngũ hỗ trợ chuyên nghiệp và nỗ lực. Qua khảo sát thực tế cho thấy, chế độ chính sách hỗ trợ đội ngũ NV chưa thực sự phù hợp khi số lượng SV/chỉ tiêu tuyển sinh ngày một tăng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có cơ chế chính sách phù hợp tạo điều kiện cho đội ngũ NV đạt được các mức khen thưởng theo quy định, đồng thời cần có chế độ chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đội ngũ NV (tuyển sinh, ĐBCL, đào tạo, CSVC, Tài chính, Quản lý kí túc xá, Y tế, CTSV, ...).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Công tác quy hoạch đội ngũ NV của Học viện/Khoa được tuân thủ theo CLPT

HVBC&TT. Học viện đã tiến hành khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ NV, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ NV hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, đồng thời có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV tuân thủ Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức và thông báo công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Học viện đã triển khai thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV với quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí cụ thể; đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ.

Học viện đã ban hành Quy chế làm việc và phân công CB chuyên trách, Quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Hoạt động phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBĐ đối với đội ngũ NV chưa thật sự bài bản.

Hoạt động rà soát các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng chưa được tiến hành bài bản.

Các tiêu chí liên quan đến đánh giá năng lực đội ngũ NV triển khai theo mẫu hàng năm, chưa được tổ hợp thành Bộ tiêu chuẩn.

Các khóa tập huấn về phát triển CTĐT cho Ban QLĐT, về ĐBCL cho đội ngũ Trung tâm KT&ĐBCLĐT còn hạn chế.

Chế độ chính sách hỗ trợ đội ngũ NV chưa thực sự phù hợp khi số lượng SV/chỉ tiêu tuyển sinh ngày một tăng.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện/Khoa cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ NV một cách bài bản.

Học viện cần có kế hoạch rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng phù hợp với tình hình thực tế của Học viện và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Học viện cần nhắc việc xây dựng và tổ hợp đầy đủ các tiêu chí để xây dựng thành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ NV một cách bài bản.

Học viện cần có kế hoạch hỗ trợ, cử đội ngũ chuyên viên tham gia các khóa đào tạo về thiết kế phát triển CTĐT, ĐBCL, ... nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Học viện

Học viện nên có chế độ chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đội ngũ NV hỗ trợ các hoạt động về đào tạo, NCKH, PVCĐ của Học viện như Tuyển sinh, ĐBCL, Đào tạo,

CSVC, Tài chính, Quản lí kí túc xá, Y tế, CTCT&HTSV, ... khi số lượng NH ngày một tăng.

VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

1. Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn đánh giá 2017-2021, HVBC&TT đã thực hiện chính sách tuyển sinh theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (Từ Số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/02/2015 đến số 09/2020 TT-BGDĐT ngày 07/5/2020), và theo Đề án tuyển sinh của Học viện (Số 589/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 10/02/2017; số 1269/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 19/3/2018; số 1326/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 18/3/2019; số 1650/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 11/5/2020; số 1339-TB/HVBCTT-ĐT ngày 11/3/2021). Theo đó, từ năm 2017, 2018, 2019, Học viện áp dụng 02 phương thức tuyển sinh sau: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia và xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT; từ năm 2020 và 2021, Học viện áp dụng 03 phương thức tuyển sinh: căn cứ kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, xét học bạ THPT và diện xét tuyển thẳng quy định của Bộ GD&ĐT. Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện được cập nhật.

Chính sách và quy định về tuyển sinh được công bố công khai tại cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin tuyển sinh của Học viện (Website tuyển sinh: <http://tuyensinhajc.edu.vn>, Website của HVBC&TT <http://ajc.hcma.vn>), Fanpage Khoa XĐĐ, tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện (Số 2610/TB-HVBCTT-ĐT ngày 09/8/2017; số 3419/TB-HVBCTT-ĐT ngày 12/8/2018; số 3408/TB-HVBCTT-ĐT ngày 15/8/2019), trong cuốn “Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH” do Bộ GD&ĐT phát hành; Các hoạt động quảng bá tuyển sinh khác của Học viện diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như: tư vấn trực tiếp tại các ngày hội tư vấn tuyển sinh (AJC open day), tư vấn trực tuyến trên mạng xã hội bằng Livestream; tư vấn tuyển sinh cho học sinh THPT và phụ huynh (tại chỗ, đi đến các tỉnh/thành phố);

Hội đồng tuyển sinh của Học viện được thành lập hàng năm (số 321/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 27/01/2016; số 508/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 07/02/2017; số 418/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 23/01/2018; số 905/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 15/02/2019; số 1346/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2020; số 1336/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2021; số 650/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 24/01/2022) đã thực hiện đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức chọn SV theo ngành đào tạo (Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh ĐH chính quy các năm ngày 14/02/2017, 06/02/2018, 15/02/2019, 24/4/2020,

2021).

Việc cập nhật chính sách tuyển sinh hàng năm Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT khảo sát ý kiến đóng góp của BLQ, các khoa và các phòng ban liên quan phân tích kết quả tuyển sinh, trình Hội đồng tuyển sinh của Học viện xem xét quyết định cải tiến, điều chỉnh bổ sung chính sách tuyển sinh năm sau cho phù hợp.

Cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Học viện các năm 2017-2021 được lưu trữ đầy đủ tại các Quyết định trúng tuyển hằng năm (Số 3459/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 21/8/2017; số 3336/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 06/8/2018; số 3299/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08/08/2019; số 3342/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 28/8/2020; số 3981/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 05/10/2020).

2. Điểm tồn tại

Chính sách tuyển sinh chưa có sự góp ý đầy đủ của các bên liên quan;

Việc phân tích /dự báo báo nhu cầu nhân lực chưa thực sự rõ ràng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có sự góp ý đầy đủ ý kiến của các BLQ trong việc tham mưu và xây dựng chính sách tuyển sinh hằng năm;

Học viện và Khoa XDD cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực rõ ràng hơn. Bên cạnh đó, Học viện cũng nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành XDD&CQNN nói riêng.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá 2017-2021, Học viện đã xây dựng Đề án và Thông báo tuyển sinh hằng năm có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng (Số 589/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 10/02/2017; số 1269/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 19/3/2018; số 1326/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 18/3/2019; số 1650/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 11/5/2020; số 1339-TB/HVBCTT-ĐT ngày 11/3/2021).

Học viện có quy trình xây dựng phương án xét tuyển và các tiêu chí tuyển sinh gồm 3 bước: (b1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu SV để tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp; đề xuất Hội đồng tuyển sinh Học viện tiêu chí và phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo

(b2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo; (b3) Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT thực hiện trong công tác tuyển sinh. Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH vào hệ đào tạo chính quy của ngành đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được xác định, ghi rõ trong Đề án tuyển sinh - công bố công khai hàng năm trên trang website tuyển sinh của Học viện.

Hàng năm, sau mỗi kỳ tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh (bao gồm: số thí sinh đăng kí vào CTĐT, số trúng tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, số nhập học thực tế, điểm tuyển đầu vào/thang điểm, điểm trung bình của SV được tuyển) nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện họp tiến hành rà soát, đánh giá, cải tiến, điều chỉnh tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh cho kỳ tuyển sinh tiếp theo (Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh các năm từ 2017-2021 các ngày: 14/02/2017, 06/02/2018, 15/02/2019, 24/4/2020, 2021). Nhờ vậy mà trong chu kỳ đánh giá, số lượng SV nhập học thực tế của ngành XDD&CQNN là (2017: 28/50, 2018: 39/50, 2019: 42/50, 2020:36/50 và 2021: 61/45).

Cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Học viện các năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021 được lưu trữ đầy đủ (Kết quả tuyển sinh hằng năm của Học viện tại các quyết định về việc công nhận trúng tuyển ĐH chính quy tập trung: Quyết định số 3460/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 02/8/2017, số 3336/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 06/8/2018, số 3299/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08/8/2019, số 3981/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 05/10/2020, số 3342/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 28/8/2020).

Kết quả tuyển sinh (số thí sinh nhập học chính thức hằng năm):

2017 – 2018: 28 SV (chỉ tiêu 50);

2018 – 2019: 39 SV (chỉ tiêu 50), tăng 39% so với cùng kỳ năm trước;

2019 – 2020: 42 SV (chỉ tiêu 50), tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước;

2020 – 2021: 36 SV (chỉ tiêu 50), giảm 14% so với cùng kỳ năm trước;

2021 – 2022: 61 SV (chỉ tiêu 50), tăng 69% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn vào số liệu cho thấy số SV thực tế nhập học tăng dần trong chu kỳ đánh giá, trong đó số tăng cuối chu kỳ so với đầu chu kỳ là: 146,4%. Tuy nhiên, so với chỉ tiêu đề ra thì cho thấy:

2017 – 2018 đạt 56% so với chỉ tiêu đề ra;

2018 – 2019 đạt 78% so với chỉ tiêu đề ra;

2019 – 2020 đạt 84% so với chỉ tiêu đề ra;

2020 – 2021 đạt 72% so với chỉ tiêu đề ra;

2021 – 2022 đạt 122% so với chỉ tiêu đề ra.

2. Điểm tồn tại

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng, cho thấy việc triển khai lấy ý kiến đóng góp của BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành XDD&CQNN nói riêng chưa thực hiện đầy đủ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ các BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành XDD&CQNN nói riêng đầy đủ.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành CTĐT ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ của các ngành (trong đó có ngành XDD&CQNN) từ năm 2014 (Số 3310/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 15/9/2014), quy chế/quy định đào tạo tín chỉ (Số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017). Năm 2018 và 2020 có điều chỉnh (Số 4950/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 26/10/2018 và số 3911/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 20/9/2020). Các văn bản trên đều quy định rõ khối lượng học tập của SV. Học viện có phân công bộ phận chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV và cảnh báo học vụ; các văn bản trên đều được tập hợp trong Sổ tay SV. Tham gia vào hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV là đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV (Trong đó CVHT có vai trò quan trọng: là những CB giảng dạy nắm chắc quy chế và CTĐT, có thể tư vấn một cách hiệu quả về kế hoạch, tiến độ, phương pháp học tập, phương thức KTĐG theo học chế tín chỉ, đội ngũ CVHT thường xuyên cung cấp thông tin, thông báo những nội dung liên quan đến chương trình học tập, quyền lợi và trách nhiệm cho NH bám sát tiến trình đào tạo, việc tư vấn học tập được tiến hành đều đặn, thường kỳ trong các buổi sinh hoạt lớp (định kỳ 3 tháng/1 lần hay họp phản ánh SV định kỳ 1 tháng 1 lần (vào ngày 20 hàng tháng); Học viện ban hành Quy định công tác CVHT và bổ nhiệm CVHT hàng năm: Quyết định số 3935/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 25/11/2015, số 2875/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/5/2017, số 3930/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 07/9/2018, số 3594-QĐ/HVBCCTT-ĐT ngày 28/8/2019). Tại HVBC&TT, Ban QLĐT được giao nhiệm vụ là đơn vị quản lí, hỗ trợ các hoạt động dạy, học và KQHT

của SV. Phòng CTCT&HTSV là đơn vị quản lý các hoạt động rèn luyện và kết quả rèn luyện của SV.

Học viện có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH, đó là sự kết hợp giữa Hệ thống các văn bản, các công cụ phương tiện hỗ trợ (phần mềm đào tạo Maxman) và các chủ thể hoạt động giám sát (đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV). Theo đó, cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của NH được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần ((i) họp khoa, trong đó có nội dung về công tác đào tạo, công tác SV, công tác NCKH, (ii) họp phản ánh SV (thành phần: đại diện lãnh đạo khoa, CVHT, chuyên viên văn phòng khoa và đại diện ban cán sự các lớp, đại diện Liên chi đoàn Khoa XDD). Ngoài ra, CVHT của ngành đào tạo còn theo dõi tiến độ của NH thông qua hệ thống phần mềm QLĐT của Học viện. Sau mỗi học kỳ, Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV, Khoa XDD đánh giá và đưa ra các quyết định về KQHT, rèn luyện của SV căn cứ trên KQHT và quá trình rèn luyện. Trên cơ sở đó, Học viện sẽ xét học bổng/khen thưởng hoặc đưa ra các quyết định kỉ luật SV ở các mức độ khác nhau (khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ học 1 năm, buộc thôi học); Cuối học kỳ, Ban QLĐT phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Khoa XDD xem xét tình trạng học tập (nghỉ học quá thời gian cho phép, không đăng kí đủ số lượng tín chỉ cho học kỳ, điểm tích lũy thấp dưới mức quy định, ...) của SV, sau đó sẽ gửi danh sách chính thức những SV thuộc diện kỉ luật ở các mức độ khác nhau kèm Quyết định tới Khoa, SV.

Học viện đã có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện đầy đủ, hiệu quả qua hệ thống giám sát, KTĐG KQHT, rèn luyện của NH được thực hiện bởi nhiều bộ phận khác nhau, qua công cụ là phần mềm Maxman. Trong chu kỳ đánh giá, qua hệ thống giám sát phù hợp và áp dụng liên tục đã giúp NH có kết quả trong học tập và rèn luyện tiến bộ dần qua các năm học. Tỷ lệ yếu kém và trung bình của SV năm cuối giảm hơn nhiều so với năm thứ nhất, tỷ lệ đạt loại giỏi, xuất sắc cũng tăng dần theo các năm. Tỷ lệ SV ngành XDD&CQNN hoàn thành chương trình học đúng tiến độ (4 năm) trong chu kỳ đánh giá: số lượng SV toàn khóa ở học kì II năm thứ tư so với số lượng SV hoàn thành CTĐT đúng 4 năm là: năm 2017 đạt 58/58 (100%), năm 2018 đạt 58/74 (78,37%), năm 2019 đạt 67/78 (85,89%), năm 2020 đạt 35/39 (89,74%), năm 2021 đạt 32/42 (76,19%). Học viện có hệ thống phần mềm đào tạo Maxman phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của NH đầy đủ, chính xác, kịp thời và hiệu quả.

2. Điểm tồn tại

Giai đoạn 2017-2021, Học viện và Khoa XDD chưa xây dựng quy trình giám sát KQHT, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của NH.

Số liệu thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, vẫn còn tình trạng SV bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và Khoa XDD cần xây dựng quy trình giám sát KQHT, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của NH.

Học viện cần tăng cường giám sát, KTĐG KQHT, rèn luyện của NH để giảm thiểu tình trạng SV bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

4. Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành các văn bản liên quan đến quy chế, quy định các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH: Quy định đào tạo ĐH hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ (Số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017); Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của phòng CTCT&HTSV (Số 4239-QĐ/HVBCTT ngày 30/9/2019). Học viện đã phân công bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH là đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV. Học viện ban hành Quy định công tác CVHT bậc ĐH hệ chính quy và bổ nhiệm CVHT hằng năm (Số 3935/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 25/11/2015; số 2875/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/5/2017; số 3930/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 07/9/2018; số 3594/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 28/8/2019).

Ngoài ra, Học viện phân công Khoa đào tạo và phòng CTCT&HTSV chịu trách nhiệm tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ nghề nghiệp cho SV để tăng cường kiến thức thực tiễn và kỹ năng, nghiệp vụ nhằm nâng cao cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

Học viện và Khoa đào tạo có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập, và tăng cường kỹ năng mềm cho SV ngành XDD&CQNN và các ngành khác trong Khoa và Học viện. Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức theo kế hoạch và có báo cáo kết quả thực hiện như: Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyển chọn “MC Speak up” 2017 (Số 37-KH/ĐTN tháng 3/2017); Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho SV năm học 2017-2018 (Số 03-KH/ĐTN-HVBCTT ngày 13/9/2017); Kế

hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2019 (Số 19-KH/ĐTN-HVBCCTT ngày 20/02/2019); Kế hoạch tổ chức hoạt động “Tuổi trẻ học viện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2020” (Số 09-KH/ĐTN-HVBCCTT ngày 14/9/2020); Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm năm học 2020-2021 (Số 07-KH/ĐTN-HVBCCTT ngày 05/9/2020). Học viện tổ chức các CLB với đa dạng các lĩnh vực hoạt động, đáp ứng nhu cầu của SV các chuyên ngành thuộc các khoa chuyên môn: đội Văn nghệ Xung kích; CLB Thanh niên vận động hiến máu AJC; CLB Võ thuật; CLB Guitar; CLB Bóng rổ; CLB Phục hồi mất gốc tiếng Anh; ... Các hoạt động thi đua, tình nguyện, ngoại khóa như: mùa hè xanh, phục vụ tuyển sinh ĐH, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ SV, cắm trại, văn nghệ, Phút cuối, Nhật kí 20, các kỳ thi (Olympic tiếng Anh). Các hoạt động thực hành nghề nghiệp tại các CLB đội nhóm thì có: CLB Nhà kinh tế trẻ; Chương trình thực hành kinh doanh và khởi nghiệp; ...

Khoa XDD và phòng CTCT&HTSV có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH như: thực tế môn học, thực tế chính trị - xã hội, kiến tập trong nước/nước ngoài, thực tập, định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV (Curriculum Vitae), phỏng vấn xin việc, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh, các buổi hội thảo, tọa đàm khoa học về triển vọng nghề nghiệp cho SV ngành XDD&CQNN hoặc lồng ghép nội dung này trong các hội nghị SV NCKH. Mặt khác, Khoa còn chú trọng đến việc liên hệ với các cơ sở kiến tập, thực tập là các cơ quan, doanh nghiệp để giúp SV có cơ hội đến học tập thực tế, học hỏi kinh nghiệm làm việc, tiếp xúc trực tiếp với các NTD trong tương lai, rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết.

Trong chu kỳ đánh giá, Hàng năm, Học viện/Khoa XDD đều có báo cáo, phân tích, đánh giá về các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác; trên cơ sở đó tiếp tục phát huy những điểm mạnh và có giải pháp hạn chế tồn tại nhằm hỗ trợ tốt nhất cho SV. Trong 3 năm 2018, 2019 và 2020 qua khảo sát về tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp cho thấy tỷ lệ SV ngành XDD&CQNN tốt nghiệp có việc làm khá cao, trung bình sau một năm tốt nghiệp SV có việc làm đạt 100%, trong đó đúng chuyên ngành là 40% (Báo cáo Tổng kết năm học của HVBC&TT). Qua phỏng vấn trực tiếp cho thấy, đối tượng là NH và NH tốt nghiệp đều hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Học viện và Khoa XDD.

2. Điểm tồn tại

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện và Khoa XDD chưa có kế hoạch kiểm tra giám sát và đánh giá kết quả hoạt động của đội ngũ CVHT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và khoa cần có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ CVHT (hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ NH).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

5. Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Điểm mạnh

Học viện có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái cho NH và GV thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu (diện tích phòng học là 11,957,9m² trên tổng SV chính quy là 7557 nên diện tích phòng học bình quân là 1,58m²/sv: đáp ứng đủ số lượng phòng học và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của Học viện; Hệ thống phòng làm việc gồm 86 phòng và tòa nhà 11 tầng đầy đủ phương tiện làm việc hành chính); Thư viện sử dụng tòa nhà 3 tầng có diện tích hơn 3.000 m² bao gồm 10 phòng học, 05 phòng phục vụ với 300 chỗ ngồi. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm: bàn, ghế, tủ, giá sách, máy số hóa, máy tính, máy photocopy, máy in, ti vi, điều hòa, ... đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV và SV. Cảnh quan trong Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn, tạo sự thuận lợi cho NH, công chức, viên chức và người lao động trong cơ sở đào tạo. Học viện ban hành Quy định về Văn hóa học đường và quy tắc ứng xử văn hóa của SV HVBC&TT (Số 4674/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2022). Các nội quy/quy tắc ứng xử trong khuôn viên Học viện và được công bố công khai, quy định về môi trường, giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017, nội quy Phòng cháy, chữa cháy, kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ và diễn tập PCCC (số 5029/QĐ-HVCTQG ngày 26/10/2017; số 4924/KH-HVBCTT-VP năm 2018).

Qua khảo sát cho thấy, mạng lưới y tế của Học viện, công tác bảo hiểm, công tác khám sức khỏe và truyền thông sức khỏe được thực hiện đảm bảo đúng quy định (Báo cáo Tổng kết năm học của văn phòng học viện, phần của y tế). Công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy được thực hiện hằng năm. Các Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy các năm 2020, 2019, 2018, 2017 đều có kết luận: Phương tiện đảm bảo cho công tác PCCC, các phòng học thông thoáng, hệ thống điện được lắp đặt đúng kỹ thuật.

Hàng năm SV Học viện trong đó có SV ngành XDD&CQNN được lấy ý kiến đánh giá về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm của Học viện và Khoa theo phiếu khảo sát chung của học viện. Kết quả thống kê cho thấy hầu hết SV hài

lòng về cảnh quan môi trường của Học viện, khoa (Báo cáo Tổng kết năm học từ 2017-2018 đến 2020-2021).

2. Điểm tồn tại

Qua khảo sát thực địa tại học viện cho thấy, không gian tổ chức các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV còn chật hẹp; không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện chưa được đầu tư đúng mức.

Qua phỏng vấn SV ngành XDD&CQNN cho thấy, Học viện chưa bố trí được không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành XDD&CQNN và các ngành khác trong Học viện.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; đầu tư thêm cho không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện;

Học viện cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành XDD&CQNN và các ngành khác.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng được xây dựng căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin.

Có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ NH trong học tập, NCKH. Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của NH.

Hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH.

SV còn được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Học viện và Khoa XDD chưa phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành XDD&CQNN sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm.

Bên cạnh đó, Học viện chưa mở rộng các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành XDD&CQNN nói riêng.

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện chưa triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ GV, NV của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng.

Học viện tuyển sinh hằng năm vượt chỉ tiêu đề ra.

Học viện chỉ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện, chưa mở rộng phạm vi và đối tượng khảo sát để có kết quả khách quan hơn.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện và Khoa cần tiếp tục phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành XDD&CQNN sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm. Bên cạnh đó, Học viện cũng nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành XDD&CQNN nói riêng.

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ GV, NV của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng.

Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; đầu tư thêm cho không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện.

Học viện cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành XDD&CQNN và các ngành khác.

IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

1. Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Điểm mạnh

Học viện/Khoa XDD có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng) tại tòa nhà 11 tầng, phòng học (90 phòng học lí thuyết gồm 24 phòng học đến 50 chỗ ngồi, 53 phòng

đến 100 chỗ, 07 phòng đến 200 chỗ và 01 hội trường trên 200 chỗ ngồi) và 01 phòng học trực tuyến, 60 phòng làm việc cho GS, phó GS, GV cơ hữu; 02 phòng họp trực tuyến; phòng học rộng rãi (trung bình 6,7m²/SV), thoáng mát, có trang thiết bị phù hợp cho hoạt động đào tạo của Học viện nói chung và cho ngành XDD&CQNN nói riêng.

Văn phòng Khoa XDD gồm 01 phòng làm việc cho Trưởng khoa (có diện tích là 19,8 m²), 01 phòng cho Phó Trưởng khoa (có diện tích là 22,7 m²), 02 làm việc chung (dùng cả cho đón tiếp NH) có diện tích là 21,2 và 77,4 m² tại Tầng 7 Nhà A1 được trang bị đầy đủ các trang thiết bị văn phòng, có kết nối mạng Internet bằng dây và wifi.

Học viện có nội qui sử dụng tài sản, trang thiết bị trong các phòng học và phòng thực hành do Văn phòng theo dõi hiệu quả sử dụng phục vụ cho đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc bố trí phòng học hợp lí đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như học nhóm, tự học, ... Học viện thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi từ GV và NH. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ GV hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 40,0% năm 2020 lên 71,4% năm 2021; tỉ lệ NH hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 71,1 năm 2020 lên 92,3% năm 2021. Học viện đã tổng hợp và đề xuất kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị cần thiết cho phòng học, phòng thực hành và các phòng chức năng của Khoa phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc (điện, quạt, điều hòa không khí, bảng chống lóa, bàn, ghế, tủ làm việc, máy tính nối mạng, hệ thống chiếu sáng, thông gió, thiết bị an toàn...). Trong phòng học, hội trường có trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh, camera, bàn ghế phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ cho CTĐT ngành XDD&CQNN. Văn phòng Khoa XDD được trang bị 14 bàn làm việc, 03 máy in, 05 máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay, 03 bộ giá sắt để tài liệu, ...

2. Điểm tồn tại

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) còn ít.

Hầu hết phòng học đang sử dụng bàn đôi (khó di chuyển khi bố trí lại phòng học để tổ chức các hoạt động dạy học tích cực).

Phòng tự học chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu của SV vào mùa thi.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Tăng cường số lượng phòng học dạng smart class hướng đến mục tiêu chuyển đổi số trong giáo dục và “Giáo dục 4.0”.

Cần trang bị bàn đơn cho các phòng học và bố trí phòng học hợp lí hơn cho việc tự học vào mùa thi.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

2. Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Điểm mạnh

Học viện/Khoa có thư viện (thư viện điện tử Kipos phiên bản 6.X với 04 module cơ bản: biên mục tài liệu, lưu thông tài liệu, quản lý ấn phẩm và công thông tin điện tử để quản lý toàn bộ các tài liệu in có trong thư viện qua mã vạch và thư viện số Dspace tại địa chỉ truy cập thuvienajc.hema.vn), phòng đọc tại Trung tâm Thông tin khoa học (Tòa nhà 3 tầng) với diện tích là 3.000m², gồm 10 phòng đọc, 5 phòng phục vụ và 300 chỗ ngồi, có bàn ghế, 48 máy tính tra cứu tiện lợi phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT ngành XDD&CQNN.

Thư viện, phòng đọc của Học viện/Khoa có nội qui và hướng dẫn rõ ràng như các qui định về mượn, trả tài liệu, qui định về xử phạt, qui định về việc sử dụng và thời gian mở cửa (từ thứ Hai đến thứ Bảy (phòng mượn chỉ làm việc đến thứ Sáu) Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc từ 7h30 đến 11h30 và 13h00 đến 17h00), được trang bị các trang thiết bị để hoạt động như máy tính để tra cứu thuận tiện, bàn đọc, khu tự học rộng rãi.

Ngoài ra, Khoa XDD có Tủ sách riêng với những nguồn học liệu chuyên biệt của ngành XDD&CQNN như tài liệu về các tổ chức quốc tế, thông tin đối ngoại, chính trị quốc tế, báo chí quốc tế với hàng trăm đầu luận văn để dành cho GV và SV ngành XDD&CQNN tham khảo trong học tập và NCKH.

Học viện/Khoa có 129 đầu sách/2501 bản học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo; 900 tài liệu số; 916 đề tài NCKH và luận văn, cơ bản bảo đảm qui định về sở hữu trí tuệ và phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo (53 HP) và NCKH của GV, NH ngành XDD&CQNN. Vào đầu năm học, Học viện/Khoa hướng dẫn sử dụng Thư viện và cung cấp tài khoản truy cập thư viện cho NH.

Các tài liệu, học liệu (bản điện tử) của Học viện/Khoa tương đối được cập nhật, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH. Hàng năm, Học viện đầu tư mua mới học liệu phục vụ đào tạo ngành XDD&CQNN hàng chục triệu đồng (tính theo 5 năm 2017-2021 của giai đoạn đánh giá là 66,5; 44,8; 93,3; 48,8; 128,5 triệu đồng).

Học viện/Khoa có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện gồm Sổ theo dõi bạn đọc truyền thống để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Học viện có khảo sát sự hài lòng của độc giả về mức độ phù hợp của Thư viện, kết quả khảo sát có 87,0% NH năm 2018 và 86,5% năm 2021 hài lòng về thư viện và học liệu.

2. Điểm tồn tại

Một số tài liệu, giáo trình đang là “tài liệu lưu hành nội bộ”; việc hướng dẫn NH khai thác thư viện số hiệu quả chưa cao (một số SV khai thác thư viện số chưa hiệu quả).

Công tác mở rộng hợp tác, liên kết với các thư viện trên cả nước và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng.

Phần mềm quản lí thư viện Kipos của Học viện mới chỉ có 04 module cơ bản, chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; chỉ có 01 máy khử từ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường ĐH, tổ chức khác trên cả nước và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu.

ĐBCL học liệu thông qua thúc đẩy việc xuất bản tài liệu lưu hành nội bộ và cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn.

Tăng số máy khử từ đủ cho phòng mượn tại mỗi tầng của tòa nhà Thư viện.

Cần đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm cho Phần mềm quản lí thư viện Kipos để phục vụ quản lí, báo cáo và KĐCLGD được tiện lợi.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Điểm mạnh

Học viện có 06 phòng thực hành tin học, 03 phòng Lab có trang thiết bị học ngoại ngữ và 10 phòng thực hành kĩ năng nghề nghiệp dùng chung cho các ngành đào tạo của Học viện. Khoa XDĐ sử dụng phòng học và phòng các phòng thực hành nghiệp vụ để tổ chức thực hành nghiệp vụ công tác dân vận, thực hành giảng dạy XDĐ cho NH. Do tính chất của ngành học XDĐ, một số tiết học thực hành có thể thực hiện tại lớp học. Học viện có các phòng chức năng được trang bị đầy đủ âm thanh, ánh sáng, màn hình LED để phục vụ cho NH tổ chức sự kiện, tranh biện, ... kĩ năng mềm.

Học viện có Quy định về quản lí, sử dụng các phòng thực hành (ví dụ Quyết định số 368/QĐ-HVBC TT ngày 11/02/2020), trong đó nêu rõ mục đích, nguyên tắc, nội dung, qui trình sử dụng phòng thực hành cũng như công tác kiểm tra, khen thưởng và xử lí vi phạm. Trang thiết bị trong phòng thực hành của Khoa XDĐ được Văn phòng (Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo) chủ trì việc định kì duy tu, bảo dưỡng và cập

nhật/nâng cấp (từ 600 triệu năm 2020 đến hơn 2 tỉ đồng năm 2017) để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của ngành XDĐ&CQNN.

Học viện có NV (thuộc Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo của Văn phòng Học viện) phụ trách phòng thực hành; có hồ sơ theo dõi, quản lí và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị của phòng thực hành.

Định kì, Học viện và Khoa XDĐ thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV và NH về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết GV và NH hài lòng về trang thiết bị và các dịch vụ của Học viện. Chẳng hạn, năm 2021, 74.7% GV và 89,5 SV hài lòng về CSVC cho thực hành.

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có phòng thực hành PPGD riêng biệt nên thiết bị dùng cho việc rèn luyện nghiệp vụ giảng dạy chưa hoàn toàn phù hợp (màn hình ti-vi bé, bàn học đôi...) và chưa có phòng thực hành dạy học trực tuyến riêng.

Qui định về quản lí, sử dụng các phòng thực hành (Số 368/QĐ-HVBCTT) chưa có qui trình đăng kí sử dụng các phòng thực hành.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần trang bị phòng thực hành PPGD riêng với thiết bị phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ PPGD; phòng thực hành dạy học trực tuyến.

Cần bổ sung qui trình đăng kí sử dụng các phòng thực hành vào Qui định về quản lí, sử dụng các phòng thực hành.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

4. Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống CNTT bao gồm hệ thống 03 máy chủ IBMX3500 M4 có bộ vi xử lí IntelXeonE5-2609 (2.4 GHz, 10M Cache, 4C/4T, Dual LGA 2011) để quản lí cơ sở dữ liệu, quản lí các phần mềm quản lí và quản lí công nghệ thông tin SV; 610 máy tính có cài đặt phần mềm và được nối mạng, gồm cả 06 phòng thực hành máy tính dùng chung, 99 máy chiếu projectors (Khoa XDĐ được trang bị riêng 05 máy tính để bàn, 01 máy laptop, 03 máy in, 01 máy phôi-tô) dùng cho văn phòng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

Hệ thống CNTT của Học viện hoạt động ổn định, an toàn (Học viện sử dụng 02 hệ đường truyền internet Leased Line do FPT cung cấp có tốc độ 6Mbps truyền đi

quốc tế, 300Mbps truyền trong nước phục vụ công tác quản lý và 04 kênh FTTH do FPT và VNPT cung cấp có tốc độ 100Mbps/kênh) để hỗ trợ các hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH; có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu như hệ thống tường lửa (2 thiết bị Palo alto PA-500) cho hệ thống mạng LAN, phần mềm diệt virus bản quyền cho các máy chủ, chia VLAN mạng nội bộ, phân vùng wifi kèm đặt mật khẩu truy cập...

Công tác tin học hoá các hoạt động quản lý của Học viện đã bước đầu được chú trọng, như sử dụng 06 phần mềm quản lý các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Học viện. Ngoài ra, Học viện còn sử dụng Microsoft Teams để giảng dạy, KTĐG và quản lý việc dạy học trực tuyến (có Quy định về công tác tổ chức kì thi HP theo hình thức trực tuyến dành cho SV ĐH chính qui tập trung gồm 12 trang; Hướng dẫn coi thi trực tuyến trên phần mềm Teams gồm 04 trang và Hướng dẫn thi trực tuyến trên phần mềm Teams gồm 04 trang).

Hệ thống CNTT của Học viện/Khoa được định kì sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật thông qua việc kí kết các hợp đồng kinh tế hạ tầng mạng, cung cấp bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống CNTT hàng năm để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và NCKH. Trong thời gian Đoàn chuyên gia ĐGN làm việc, tốc độ wifi tại phòng làm việc của Đoàn ổn định, đáp ứng yêu cầu công việc.

Học viện/Khoa đã lấy ý kiến phản hồi của NH về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của hệ thống CNTT. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của NH về hệ thống CNTT tăng từ 71,1% năm 2020 đến 92,3% năm 2021.

2. Điểm tồn tại

Chưa có phần mềm quản lý tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến (việc quản lý, giám sát đánh giá online chưa thực sự hiệu quả); chưa có phòng studio để sản xuất học liệu e-learning riêng (đang dùng chung với phòng thực hành nghề).

Chưa có phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác KĐCLGD; việc số hóa minh chứng/văn bản còn hạn chế.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần phát triển phần mềm quản lý giảng dạy trực tuyến để quản lý, giám sát tương tác giữa dạy và học, KTĐG trực tuyến; trang bị phòng studio để sản xuất học liệu e-learning.

Tăng cường tin học hóa (ứng dụng CNTT) trong quản lý và đào tạo, đặc biệt hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể (Single Sign on) để việc sử dụng, quản lý được thuận tiện.

Cần phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định; tăng cường việc số hóa minh chứng/văn bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

5. Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Điểm mạnh

Học viện áp dụng qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe theo Nghị định 80/2017/NĐ-CP (chưa có qui định riêng); có các qui định, nội qui về an ninh, an toàn, trật tự, phòng chống cháy nổ được bố trí trong khuôn viên, giảng đường, phòng thực hành, ... để toàn thể CB, GV, NV, NH biết và thực hiện; Học viện có kí túc xá (độc lập), khu thể thao, căng-in (xã hội hóa), trạm y tế (04 phòng, có phòng lưu bệnh nhân trong vòng 12 giờ) rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ, tiện dụng; cảnh quan môi trường thoáng đãng (5,6ha), xanh, sạch, đẹp: khuôn viên Học viện thiết kế như công viên với 497 cây xanh các loại (360 cây bóng mát, 137 cây cảnh), 241 chậu cảnh, 04 bể cảnh và khoảng 2.576m² thảm cỏ xanh.

Các qui định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện như môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, công tác đảm bảo an toàn cho NH, vệ sinh an toàn thực phẩm; phối hợp với Cảnh sát PCCC tập huấn cho CB, GV và NH về kiến thức, pháp luật PCCC; thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục những sơ hở, thiếu sót về PCCC, triển khai các hoạt động liên quan đến phòng chống cháy nổ trong khuôn viên Học viện. Để việc di chuyển và sinh hoạt thuận lợi cho mọi đối tượng, Học viện có hệ thống lối đi thân thiện, có độ dốc ít dành cho người khuyết tật.

Học viện đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV và NH định kì về môi trường, sức khỏe và an toàn với tỉ lệ hài lòng khá cao (kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy có 85,4% NV, 85,7 GV và 96,2 SV hài lòng về môi trường tâm lí, xã hội; 91,2 SV hài lòng về môi trường cảnh quan sư phạm).

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa cụ thể hóa qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn; chưa có phân loại rác thải ban đầu (thùng đựng rác thải tái chế, thùng đựng rác thải hữu cơ, thùng đựng chai/lọ thủy tinh, thùng đựng pin)

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần cụ thể hóa Nghị định 80/2017/NĐ-CP và Thông tư 38/2019/TT-BLĐTBXH thành qui định riêng của Học viện về tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

Cần trang bị dụng cụ (thùng đựng) để phân loại rác thải ban đầu để giảm tải cho các bãi rác/nhà máy xử lí, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng), phòng học (90 phòng) và phòng học trực tuyến (01), phòng thực hành tin học (06), phòng lab học tiếng (03), phòng chức năng và phòng làm việc dùng chung cho GS, phó GS, GV cơ hữu (60); hệ thống CNTT, Kí túc xá, thư viện, căng-tin, khu thể thao phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; thư viện số và thư viện điện tử có đủ tài liệu học tập. Công tác tin học hoá việc quản lí trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng. Tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát sự hài lòng về mức độ phù hợp của CSVC, chất lượng phục vụ, về môi trường, sức khỏe và an toàn đạt cao.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) của Học viện còn ít. Việc hợp tác, liên kết với các thư viện của CSGD khác và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng; phần mềm quản lí thư viện Kipos chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; đang sử dụng nhiều tài liệu nội bộ (chưa xuất bản). Chưa có phòng thực hành nghiệp vụ sư phạm riêng, chưa có phòng thực hành dạy học trực tuyến riêng. Chưa có phần mềm quản lí tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến, việc sản xuất học liệu e-learning còn hạn chế; chưa có phần mềm quản lí minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class). Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường ĐH khác và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu số; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho phần mềm quản lí thư viện Kipos; rà soát ĐCHP thường xuyên hơn để bổ sung, cập nhật tài liệu học tập; tăng số máy khử từ. Trang bị phòng thực hành PPGD riêng với thiết bị phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ giảng dạy; phòng thực hành dạy học trực tuyến. Phân tích kết quả khảo sát sự hài lòng của GV, NH về mức độ phù hợp của phòng thực hành một cách hiệu quả hơn. Đầu tư phần mềm quản lí tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; phát triển phần mềm quản lí minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

1. Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ. Cụ thể, Trung tâm KT&ĐBCLĐT chủ trì công việc xây dựng quy trình, hệ thống phiếu khảo sát và làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị tổ chức khảo sát các đối tượng có liên quan về chất lượng đào tạo của Học viện; chủ trì, phối hợp với các Khoa và đơn vị chức năng nghiên cứu, đổi mới, xây dựng đánh giá và cập nhật CTĐT (Số 4237/QĐ-HVBCCTT ngày 30/9/2019). Ban QLĐT phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCLĐT và các khoa, đơn vị liên quan xây dựng, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung CTĐT, bồi dưỡng; nghiên cứu đề xuất xây dựng các CTĐT, bồi dưỡng mới các ngành và chuyên ngành đào tạo, các CTĐT tiên tiến; nghiên cứu xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng (Số 4227/QĐ-HVBCCTT ngày 30/9/2019). Các Khoa trong Học viện thực hiện nhiệm vụ xây dựng CTĐT, bồi dưỡng của ngành, chuyên ngành được Học viện giao nhiệm vụ.

Hiện nay, Học viện đang thực hiện các loại khảo sát: khảo sát giờ giảng bằng hình thức trực tuyến trước khi kết thúc HP; khảo sát HP bằng hình thức trực tuyến sau khi thi kết thúc HP; khảo sát cựu SV bằng hình thức gửi qua email; khảo sát NTD bằng bản cứng gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email; khảo sát đội ngũ CB, NV bằng phát phiếu trực tiếp, email hoặc gửi link.

Tất cả các kết quả khảo sát đều được Trung tâm KT&ĐBCLĐT tổng hợp, phân tích và báo cáo Giám đốc Học viện, Chủ tịch Hội đồng trường để xử lý. Các kết quả khảo sát liên quan đến CTĐT được gửi đến các đơn vị liên quan sử dụng cho phát triển CTDH.

2. Điểm tồn tại

Quy định về chức năng nhiệm vụ của các Khoa chưa rõ sự tham gia của các Khoa trong thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ.

Qua phỏng vấn cho thấy, nhiệm vụ chủ trì trong việc xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT đang còn chưa được phân định rõ giữa Trung tâm KT&ĐBCLĐT và Ban QLĐT.

Qua phỏng vấn cho thấy, Học viện chưa có quy chế phối hợp trong các hoạt động khảo sát, chia sẻ và sử dụng các dữ liệu sau khảo sát trong hoạt động xây dựng CTDH nói riêng và trong các hoạt động của Học viện nói chung.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần bổ sung nhiệm vụ của các Khoa trong thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ trong Quy định về chức năng nhiệm vụ của các Khoa.

Nên quy định rõ trong nhiệm vụ của Ban QLĐT là chủ trì trong việc xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT.

Học viện nên xem xét ban hành Quy chế phối hợp của các đơn vị trong các hoạt động khảo sát, sử dụng các số liệu sau khảo sát cho các hoạt động của Học viện, đặc biệt là hoạt động phát triển CTDH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT. Quy trình mới nhất được ban hành theo quyết định số 2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020. Theo đó, quy trình xây dựng CTĐT gồm 12 bước, quy trình đánh giá cập nhật CTĐT gồm 10 bước.

Hàng năm, Học viện đều thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Từ năm 2018 đến nay, Học viện đã tiến hành rà soát các thuật ngữ sử dụng trong quy trình thiết kế phát triển CTDH, các bước trong quy trình xây dựng CTĐT và quy trình đánh giá cập nhật CTĐT. Hiện nay, Học viện đang tiến hành rà soát Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT ban hành theo Quyết định số 2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020.

Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT đã được cải tiến. Cụ thể, Quyết định số 2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020 đã được cải tiến từ quy trình ban hành theo Quyết định số 2244/QĐ-HVBCCTT ngày 23/5/2018 trong đó: quy trình xây dựng CTĐT gồm 12 bước so với 9 bước ở quy trình ban hành năm 2018; quy trình đánh giá cập nhật CTĐT có 10 bước so với 6 bước của quy trình ban hành năm 2018. Quy trình ban hành năm 2020 bổ sung, làm rõ thêm các biểu mẫu trong quy trình xây dựng như mẫu ĐCHP, mẫu đối sánh CTĐT so với quy trình ban hành năm 2018.

2. Điểm tồn tại

Hoạt động cải tiến quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT chưa xuất phát từ khảo sát đầy đủ các BLQ đến phát triển CTDH.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Ban QLĐT nên chủ trì trong việc lấy ý kiến các BLQ thông qua đa dạng các hình thức khác nhau như thông qua các cuộc họp, các khảo sát để có thông tin làm căn cứ cho việc rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh

Quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá kết quả hoạt động của NH, các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR được thể hiện một phần ở các văn bản Học viện ban hành. Cụ thể, trước năm 2018, việc thực hiện rà soát và đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo quy định đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ (Số 3307/QĐ-HVBCTT ngày 12/9/2014), quy định về công tác xây dựng ngân hàng đề thi (Ban hành ngày 30/11/2015). Từ năm 2018, Học viện đã ban hành quy định về công tác khảo thí (Số 2989/QĐ-HVBCTT-KT ngày 01/9/2017), quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT (Số 2244/QĐ-HVBCTT ngày 23/5/2018), hướng dẫn thiết kế PPDH và KTĐG đáp ứng CĐR (Số 2647/HD-HVBCTT ngày 09/7/2020; số 2663/HD-HVBCTT ngày 09/7/2020), quy định về công tác tổ chức kỳ thi HP theo hình thức trực tuyến dành cho SV hệ ĐH chính quy tập trung (Số 1182/QĐ-HVBCTT ngày 16/3/2022). Trong hướng dẫn 2647 có quy định ma trận thể hiện sự tương thích giữa CĐR và phương pháp KTĐG, đảm bảo các phương pháp KTĐG trong CTDH hướng tới đạt CĐR.

Hàng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của SV thể hiện trong CTĐT và thực tế dạy và học. Các kết quả khảo sát đánh giá được thể hiện trong các hồ sơ tổng hợp dự giờ của GV Khoa XĐĐ, các biên bản biên bản họp Khoa XĐĐ, báo cáo tổng kết các mặt công tác từ năm 2017 đến năm 2020 của Học viện.

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy thuận tiện trong quá trình triển khai thực hiện.

Chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa kết quả khảo sát SV về giờ giảng, khảo sát HP trong việc sử dụng để rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học để thuận tiện trong quá trình triển khai và thực hiện.

Học viện, Khoa XDD xem xét việc tổng hợp, phân tích dữ liệu từ kết quả khảo sát SV về giờ giảng, việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

4. Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn 2016 - 2021, GV của Khoa XDD đã có 41 đề tài NCKH các cấp, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài cấp Bộ và 39 đề tài cấp cơ sở; công bố 18 bài trên các tạp chí quốc tế, 127 bài báo trên các tạp chí trong nước; có 05 báo cáo tại hội thảo khoa học quốc tế, 42 báo cáo tại hội thảo khoa học trong nước; biên soạn và xuất bản 04 giáo trình, 18 sách chuyên khảo. Các đề tài NCKH đều liên quan đến việc dạy và học.

Trong tổng số đề tài NCKH của GV và SV ngành XDD&CQNN, có 24 đề tài đã được chuyển tải thành nội dung giảng dạy của nhiều HP trong CTDH và được sử dụng làm tài liệu tham khảo. Kết quả NCKH các đề tài các cấp góp phần cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập, là nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ GV, SV làm khóa luận tốt nghiệp và NCKH.

2. Điểm tồn tại

Số lượng các đề tài NCKH liên quan đến phát triển CTĐT, đổi mới PPDH, áp dụng các công nghệ dạy học mới vào trong hoạt động giảng dạy còn hạn chế.

Việc cải tiến hoạt động dạy và học trên cơ sở kết quả của các đề tài NCKH chưa thực sự rõ nét.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có chính sách để GV, SV tham gia các hoạt động NCKH trong lĩnh vực khoa học giáo dục, phát triển CTĐT, đổi mới PPDH, áp dụng các công nghệ dạy học hiện đại để nâng cao chất lượng dạy và học.

Học viện nên có hướng dẫn cho cải tiến hoạt động dạy và học trên cơ sở kết quả của các đề tài NCKH, đặc biệt là cải tiến trong tổ chức đào tạo, PPGD, áp dụng các thành tựu của khoa học công nghệ trong dạy học.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

5. Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Điểm mạnh

Quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện ở Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo được ban hành theo quyết định số 3801/QĐ-HVBCTT ngày 31/8/2019.

Học viện thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Cụ thể, khảo sát SV cuối khóa về mức độ hài lòng về CSVC, hệ thống thiết bị, phòng thực hành về trang thiết bị tin học từ năm 2018-2021 cho thấy điểm số trung bình luôn cao hơn 3,8 điểm. Kết quả đánh giá phản hồi của SV về đội ngũ CB phục vụ khá cao và tăng theo từng năm: năm 2020 tỉ lệ hài lòng là 78,7%, năm 2021 tỉ lệ hài lòng là 91,2%. Học viện cũng thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ qua các hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo học viện và các phòng/ban chức năng.

Đối với Khoa XDD, tỉ lệ hài lòng của SV về dịch vụ hỗ trợ đào tạo và việc làm từ năm 2018-2021 lần lượt là: 83,9%; 85,2%; 87,7%; 97,7%, tỉ lệ hài lòng của SV về đội ngũ CB hỗ trợ từ năm 2018-2021 lần lượt là 84%; 82,1%; 92,1%; 99,3%.

Trong giai đoạn đánh giá, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đã được cải tiến: trang bị hệ thống điều hòa tại 100% các phòng học năm 2018; nâng cấp mạng internet do Công ty cổ phần viễn thông FPT thực hiện năm 2019; triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn diện thư viện.

2. Điểm tồn tại

Văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nằm rải rác ở các văn bản khác nhau, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện.

Học viện chưa có tổng hợp một cách hệ thống về kết quả đánh giá chất lượng dịch vụ của hệ thống CNTT để đưa ra phương án cải tiến. Tại thời điểm đánh giá cho thấy một số giảng đường không truy cập được wifi như B6, B7, B8. Khu vực giảng đường gần Thư viện truy cập được wifi nhưng tốc độ thấp (tốc độ tải xuống/tải lên chỉ 10Mbps).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên ban hành quy định riêng về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để đảm bảo thuận lợi trong quá trình triển khai, trong đó quy định rõ cơ chế chia sẻ, sử dụng các dữ liệu khảo sát thu thập được để tiến hành cải tiến các dịch vụ hỗ trợ.

Học viện nên xem xét cải tiến tốt hơn chất lượng dịch vụ của hệ thống CNTT để đảm bảo SV truy cập internet được liên tục và ổn định đảm bảo nhu cầu học tập, nghiên cứu.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

6. Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình khảo sát, công cụ cho khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ, các đơn vị phòng ban và các khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo theo Quyết định số 3901/QĐ-HVBCTT ngày 31/8/2019; Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo theo Quyết định số 612/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2020.

Bộ công cụ khảo sát cho các đối tượng và nội dung khảo sát khác nhau theo mô hình đánh giá thang Likert 5 mức; phương pháp xử lý dữ liệu khảo sát bằng thống kê toán học nên có độ tin cậy và chính xác.

2. Điểm tồn tại

Cơ chế phản hồi của các BLQ chưa được thiết lập một cách có hệ thống. Chưa rõ chức năng của một số đơn vị trong việc thu thập, phân tích, chia sẻ, sử dụng dữ liệu phản hồi của một số đơn vị như Ban Tổ chức - CB, Phòng CTCT&HTSV, ... Việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị còn có hiện tượng giao theo năng lực của CB hiện tại chứ không phải đòi hỏi chức năng nhiệm vụ theo vị trí việc làm của đơn vị dẫn đến không có đơn vị chủ trì rõ ràng như việc phát triển CTĐT và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ cho phát triển CTĐT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần đánh giá lại cơ chế phản hồi của các BLQ trên cơ sở thu thập thông tin từ các đơn vị trong Học viện, thông qua các hội thảo chuyên đề. Trên cơ sở đó để tiến hành cải tiến cơ chế phản hồi các BLQ để sử dụng tốt các dữ liệu phản hồi thu

thập được cho việc phát triển CTĐT nói riêng cũng như chỉ đạo các hoạt động của Học viện nói chung.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ. Hiện nay, Học viện đang thực hiện các loại khảo sát: khảo sát giờ giảng, khảo sát HP, khảo sát cựu SV, khảo sát NTD, khảo sát đội ngũ CB, NV. Tất cả các kết quả khảo sát đều được xử lí.

Học viện đã ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT và thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình này.

Hàng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của SV thể hiện trong CTĐT và thực tế dạy và học.

Trong tổng số đề tài 41 đề tài NCKH các cấp có 24 đề tài đã được chuyển tải thành nội dung giảng dạy của nhiều HP trong CTDH và được sử dụng làm tài liệu tham khảo.

Quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện ở Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo. Học viện thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Đối với khoa XĐĐ, tỉ lệ hài lòng của SV về dịch vụ hỗ trợ đào tạo và việc làm từ năm 2018-2021 lần lượt là: 83,9%; 85,2%; 87,7%; 97,7%, tỉ lệ hài lòng của SV về đội ngũ CB hỗ trợ từ năm 20018-2021 lần lượt là 84%; 82,1%; 92,1%; 99,3%.

Trong giai đoạn đánh giá, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đã được cải tiến: trang bị hệ thống điều hòa tại 100% các phòng học năm 2018; nâng cấp mạng internet do Công ty cổ phần viễn thông FPT thực hiện năm 2019; triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn diện thư viện.

Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình khảo sát, công cụ cho khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ, các đơn vị phòng ban và các khoa là đơn vị phối hợp thực hiện.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Hoạt động cải tiến Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT chưa xuất phát từ khảo sát đầy đủ các BLQ đến phát triển CTDH.

Học viện chưa ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá KQHT thuận tiện trong quá trình triển khai thực hiện.

Chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa kết quả khảo sát SV về giờ giảng, khảo sát HP trong việc sử dụng đề rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Tại thời điểm đánh giá cho thấy một số giảng đường không truy cập được wifi như B6, B7, B8. Khu vực giảng đường gần Thư viện truy cập được wifi nhưng tốc độ thấp (tốc độ tải xuống/tải lên chỉ 10Mbps).

Cơ chế phản hồi của các BLQ chưa được thiết lập một cách có hệ thống. Việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị còn có hiện tượng giao theo năng lực của CB hiện tại chứ không phải đòi hỏi chức năng nhiệm vụ theo vị trí việc làm của đơn vị dẫn đến không có đơn vị chủ trì rõ ràng như việc phát triển CTĐT và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ cho phát triển CTĐT.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Ban QLĐT nên chủ trì trong việc lấy ý kiến các BLQ thông qua đa dạng các hình thức khác nhau như thông qua các cuộc họp, các khảo sát để có thông tin làm căn cứ cho việc rà soát, cải tiến Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT.

Học viện cần ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá KQHT để thuận tiện trong quá trình triển khai và thực hiện.

Học viện, Khoa XDD xem xét việc tổng hợp, phân tích dữ liệu từ kết quả khảo sát SV về giờ giảng, khảo sát HP cho rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Học viện nên xem xét cải tiến tốt hơn chất lượng dịch vụ của hệ thống CNTT để đảm bảo SV truy cập internet được liên tục và ổn định đảm bảo nhu cầu học tập, nghiên cứu.

Học viện cần đánh giá lại cơ chế phản hồi của các BLQ trên cơ sở thu thập thông tin từ các đơn vị trong Học viện, thông qua các hội thảo chuyên đề. Trên cơ sở đó để tiến hành cải tiến cơ chế phản hồi các BLQ để sử dụng tốt các dữ liệu phản hồi thu thập được cho việc phát triển CTĐT nói riêng cũng như chỉ đạo các hoạt động của Học viện nói chung.

XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

1. Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Điểm mạnh

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành học được Học viện giao cho Ban QLĐT là đơn vị chủ trì thực hiện (Số 4227/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2019), Khoa XDĐ là đơn vị phối hợp (Số 4201/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2019). Việc quản lý KQHT, theo dõi số SV thôi học và tốt nghiệp được thực hiện qua phần mềm QLĐT. Cuối mỗi học kỳ, Ban QLĐT đều thống kê và có quyết định danh sách các SV thuộc diện cảnh báo học vụ để gửi về Khoa. Công tác xét tốt nghiệp được Học viện tổ chức chặt chẽ, đúng quy chế. Mỗi năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp 02 lần. Danh sách SV thôi học và tốt nghiệp được xác lập, cập nhật hằng năm và đều được gửi đến các khoa để theo dõi. Khảo sát thực tế nhận thấy, Học viện lưu trữ đầy đủ quyết định cho SV thôi học, nghỉ học có thời hạn và tốt nghiệp. Kết quả thống kê của Học viện cho thấy, tỷ lệ SV thôi học của các khóa tuyển sinh năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 tương ứng là 9,3%, 16,0%, 16,3%, 14,6%, 0,0% (trung bình là 11,24%); tỷ lệ SVTN đúng hạn của các khóa từ 2013-2017 đến khóa 2017-2021 khá cao và tương ứng là 93,5%, 97,2%, 96,2%, 92,5%, 76,2% (trung bình 91,1%). Không có SV nào tốt nghiệp trước hạn.

Tình hình SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn đã được Khoa/Học viện đánh giá, phân tích thông qua các cuộc họp chuyên đề về đào tạo hoặc tổng kết học kỳ/năm học (Biên bản họp khoa ngày 10/6/2019). Khoa đã có một số cuộc họp thảo luận về tình trạng thôi học, chậm tốt nghiệp của SV và nhận thấy, tỷ lệ SVTN đúng hạn thấp là do SV không đạt CĐR về tin học và ngoại ngữ và còn nợ một số HP; SV thôi học chủ yếu ở năm thứ hai với nhiều lí do khác nhau như đi du học, chuyển trường, hoàn cảnh gia đình hoặc KQHT kém. CVHT là đầu mối gặp gỡ SV có KQHT kém để tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất biện pháp giúp đỡ (tư vấn tâm lí, trao đổi trực tiếp với gia đình, ...).

Khoa đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SVTN đúng hạn của ngành học giữa các khóa, đối sánh với SV của 06 ngành khác như Ngành Quảng cáo, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng, ... trong Học viện để cải tiến chất lượng.

2. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV thôi học mặc dù không quá cao nhưng không có xu hướng giảm và dao động khoảng 15%. Hiệu quả của việc đối sánh tỷ lệ SV thôi học và tỷ lệ SVTN của ngành học với SV các ngành khác trong Học viện và với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước chưa hiệu quả như số liệu đối sánh còn ít, chưa khai thác hết giá trị của những số liệu thống kê do Ban QLĐT xác lập.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần quan tâm hơn đến công tác hướng nghiệp thông qua công tác truyền thông tuyển sinh, thông qua các hoạt động giới thiệu sâu về ngành học cho SV ngay từ năm thứ nhất (mời các nhà lãnh đạo quản lý, các nhà khoa học đến giao lưu với NH, ...) để khơi dậy và hun đúc lòng yêu nghề cho SV. Các CVHT cần gần gũi và sâu sát hơn với SV để nắm bắt kịp thời hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng của SV. Số liệu thống kê cần được chi tiết hơn như có bao nhiêu SV thôi học do tự bỏ học, bao nhiêu bị buộc thôi học vì học lực yếu và bị kỉ luật, bao nhiêu chuyển trường, đi du học, bỏ học để đi làm, ...

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Điểm mạnh

Ban QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý KQHT, tổ chức xét tốt nghiệp và quản lý hồ sơ cấp bằng tốt nghiệp của SV. Quy chế đào tạo và phần mềm QLĐT là công cụ chính để giám sát, thống kê tình hình tốt nghiệp và xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo. Theo quy chế đào tạo của Học viện thì thời gian đào tạo chuẩn của ngành học là 04 năm, thời gian tối đa là 06 năm. Kết quả thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa 2013-2017 đến khóa 2017-2021 khá nhỏ và tương ứng là 4,0 năm, 4,1 năm, 4,1 năm, 4,0 năm và 4,0 năm (bình quân là 4,04 năm).

Khảo sát thực tế nhận thấy, kết quả xét tốt nghiệp đều được gửi đến Khoa để thông báo đến các lớp SV và SV có thể truy cập thông tin qua tài khoản cá nhân được cấp. Đoàn thanh niên, CVHT và ban cán sự lớp đều có các cuộc họp định kỳ hằng tháng để nắm bắt tình hình học tập của SV để tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp, hỗ trợ mọi mặt khi SV có nhu cầu (Biên bản họp lớp ngày 15/12/2020). Khoa đã họp phân tích nguyên nhân tình trạng chậm tốt nghiệp và đề xuất giải pháp khắc phục (Biên bản họp Khoa ngày 19/10/2021). Nguyên nhân chủ yếu của việc tốt nghiệp chậm là SV chưa đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học hoặc còn nợ một số HP chuyên môn. Một số giải pháp Học viện/Khoa đã thực hiện để nâng cao tỉ lệ SVTN đúng hạn là: Giám sát chặt chẽ KQHT của SV và thông báo kịp thời để SV có kế hoạch học trả nợ những HP chưa đạt, thông báo những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp kèm lí do cụ thể, tổ chức các lớp học bổ sung/ôn tập cho SV có nhu cầu học trả nợ hoặc cải thiện điểm (Số 3748/QĐ-HVBCTT ngày 21/9/2020 về việc mở lớp bồi dưỡng CĐR Tiếng Anh trình độ B2). Từ năm 2020, Học viện đã điều chỉnh CĐR ngoại ngữ từ B2 xuống

B1 để phù hợp với chất lượng thực tế của SV. Hoạt động CVHT được đẩy mạnh như hằng tháng Khoa đều có cuộc họp giữa CVHT với ban cán sự các lớp, cuộc họp phản ánh tình hình SV do Ban QLĐT chủ trì.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa SV đã được đối sánh với SV các khóa tương ứng của một số ngành trong Học viện như ngành Xuất bản, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị. Kết quả đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV thuộc ngành học tương đương với SV ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, thấp hơn ngành Kinh tế chính trị. Kết quả tốt nghiệp cũng đã được đối sánh với SV cùng ngành của Trường ĐH Nội vụ. Minh chứng và phỏng vấn cho thấy, Học viện/Khoa đã có những cuộc họp trao đổi thảo luận, đánh giá về tình hình tốt nghiệp của SV và hiệu quả của những giải pháp đã thực hiện để tăng số SVTN đúng hạn.

2. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực sự tích cực tìm kiếm thông tin để đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành học với SV cùng ngành của một số trường ĐH trong nước trên địa bàn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Sau học kỳ II của năm thứ ba, Ban QLĐT nên thông kê danh sách những SV còn nợ các HP để thông báo cho SV biết, chủ động lập kế hoạch học trả nợ. Khoa/CVHT cần giám sát chặt chẽ hơn KQHT của SV, gần gũi, quan tâm đối với những SV có KQHT kém để có giải pháp/tư vấn giúp đỡ kịp thời. Cần nâng cao hiệu quả hoạt động đối sánh tình hình tốt nghiệp trước và đúng hạn của SV với SV của tất cả các CTĐT trong Học viện và với SV cùng ngành của nhiều trường ĐH khác trong nước.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT là đơn vị chủ trì việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp (Số 4237/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2019). Theo đó, Trung tâm có nhiệm vụ cụ thể là xây dựng cơ sở dữ liệu SVTN, khảo sát thông kê việc làm của SV sau tốt nghiệp và lập báo cáo kết quả khảo sát hằng năm. Trước năm 2020, Khoa trực tiếp thực hiện khảo sát và lập báo cáo kết quả chuyển về Trung tâm KT&ĐBCLĐT. Kể từ năm 2020 trở lại đây thì nhiệm vụ này được chuyển cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT thực hiện. Hình thức khảo sát được thực hiện là gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu điều tra. Hồ sơ minh chứng cho thấy, Học viện có khá đầy đủ dữ

liệu khảo sát về tình trạng SVTN hằng năm và hằng năm đều có báo cáo gửi Bộ GD&ĐT theo đúng quy định (báo cáo ngày 25/01/2022). Tình hình việc làm của SV còn được công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (mục ba công khai). Kết quả thống kê tình trạng việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp của các khóa tốt nghiệp vào các năm 2017, 2018, 2019, 2020 như sau: Trung bình tỉ lệ SV phản hồi là 88,2%, trung bình tỉ lệ SV có việc làm là 81,2%, trung bình tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo là 26,5% và có việc làm liên quan đến ngành đào tạo là 17,5%, trung bình tỉ lệ làm việc trong khu vực Nhà nước là 24,3% và tự tạo việc làm là 17,5%.

Đoàn ĐGN đã khảo sát độc lập đối với 35 SVTN năm 2020 và năm 2021. Trong số phản hồi 93,3 % đã có việc làm, làm việc phù hợp với ngành đào tạo là 71,4%, làm việc trong khu vực nhà nước là 64,3 làm việc trong khu vực có yếu tố nước ngoài là 14,3 %, tự khởi nghiệp 7,2%, thu nhập bình quân từ 07 triệu đồng/tháng trở lên chiếm 25,3%.

Khoa đã thực hiện đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành học sau tốt nghiệp (tốt nghiệp các năm 2019, 2020 với SV ngành Lịch sử Đảng của Học viện và thấy rằng SVTN năm 2020 của ngành học với tỉ lệ SV có việc làm và có việc làm đúng ngành cao hơn SV ngành Lịch sử Đảng. Tình hình việc làm của SV khóa 37 cũng đã được đối sánh với SV cùng ngành, cùng khóa của Trường ĐH Nội vụ.

Khảo sát thực tế cho thấy, Khoa đã có một số buổi họp, tọa đàm tư vấn hướng nghiệp cho SV (biên bản họp ngày 28/8/2020) để phân tích nguyên nhân tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành thấp và đề xuất một số giải pháp khắc phục. Trên thực tế, một số giải pháp đã được thực hiện như mở rộng các cơ sở hợp tác trong việc gửi SV đến thực tập thực tế (Biên bản ghi nhớ ngày 09/04/2018 với Trường Chính trị Tỉnh Ninh Bình), tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng mềm cho SV (do Đoàn thanh niên Học viện chủ trì), thu thập thông tin tuyển dụng để công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (chuyên mục SV khởi nghiệp), tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho SV, ... Công tác hướng nghiệp đã được triển khai ngay từ năm thứ nhất để SV hiểu rõ về ngành nghề đào tạo, tạo động lực học tập tốt hơn.

2. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành và làm việc có liên quan đến ngành đào tạo còn thấp. Khoa chưa thường niên đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành học với SV các ngành khác của Học viện và số lượng đối sánh với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước còn khá ít. Khoa chưa có những phân tích sâu sắc về tình trạng việc làm của SV nên những biện pháp nâng cao tỉ lệ SV có việc làm và nâng cao tỉ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành đào tạo còn ít và chưa thật sự hiệu quả. Hoạt động

hướng nghiệp chưa nhiều, số cơ quan có kí văn bản hợp tác để gửi SV đi thực tập còn ít (mới có 05 đơn vị).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần tăng cường phát triển mối quan hệ hợp tác với các cơ quan trong lĩnh vực đào tạo và NCKH, chú trọng phát triển cả về quy mô lẫn phạm vi (không chỉ trên địa bàn Hà Nội như hiện nay). Sau khi có kết quả khảo sát, Học viện/Khoa cần nghiên cứu và phân tích dữ liệu kĩ càng để tìm biện pháp cải tiến. Cần rà soát, hoàn thiện hướng dẫn về hoạt động đối sánh, so chuẩn trong công tác ĐBCL, trong đó có đối sánh về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp. Cần tìm hiểu căn nguyên dẫn đến tỉ lệ SV có việc làm đúng và có liên quan đến ngành đào tạo không cao để có giải pháp điều chỉnh chỉ tiêu hoặc đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

4. Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Ban Quản lí khoa học là đơn vị chịu trách nhiệm quản lí hoạt động NCKH của SV và các Khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Việc quản lí và tổ chức hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy chế Quản lí hoạt động khoa học của Học viện (Số 881/QĐ-HVBCTT ngày 25/9/2011; số 6531/QĐ-HVBCTT ngày 26/12/2018), Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ (Số 5061/QĐ-HVBCTT ngày 27/12/2017) và theo thông tư 19/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Khảo sát thực tế cho thấy, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được xác định gồm chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài/dự án NCKH SV, thực hiện triển khai các tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học.

Theo quy định của Học viện, mỗi lớp SV năm thứ hai và năm thứ ba được đề xuất 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện. Việc giao cho SV thực hiện các đề tài NCKH SV cấp Học viện được thực hiện theo một quy trình tương đối chặt chẽ nhưng vẫn khuyến khích được SV tham gia thực hiện từ khâu thông báo đăng kí, phê duyệt cho đến khâu nghiệm thu thanh lí đề tài. SV được đăng kí làm chủ nhiệm đề tài phải là SV từ năm thứ hai trở đi, có ít nhất một học kỳ đạt học lực loại khá trở lên, có GV hướng dẫn. Tiêu chuẩn và quyền lợi của GV hướng dẫn cũng được quy định rõ ràng và có quy định giám sát tiến độ thực hiện (Biên bản kiểm tra tiến độ NCKH của SV ngày 16/7/2020). Ban Quản lí khoa học lưu trữ khá đầy đủ các quyết định phê duyệt đề tài

NCKH SV cấp Học viện, hồ sơ các đề tài đã được nghiệm thu và thanh lí. Hằng năm, Học viện đều xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của SV (Số 5877/KH-HVBC TT ngày 28/12/2020). Ngoài ra, Học viện còn chi kinh phí cho hoạt động hội nghị, hội thảo khoa học do SV tổ chức và hằng năm đều tổ chức Hội nghị Khoa học SV cấp Học viện.

Kết quả thống kê của Khoa cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, SV của ngành học đã chủ trì thực hiện 07 đề tài NCKH SV cấp cơ sở với sự tham gia của 30 SV. Tổng kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV toàn Học viện tăng từ 140 triệu đồng năm 2016 lên 638 triệu đồng năm 2019. Năm 2020, Học viện đã dự trù cấp 979 triệu đồng cho hoạt động NCKH của SV (trung bình chi 5 triệu đồng/đề tài). Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đã chi khoảng 20 triệu cho hoạt động NCKH của SV thuộc ngành đào tạo.

Minh chứng cho thấy, Khoa đã đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV cùng ngành của Trường ĐH Nội vụ và với SV của các ngành học khác của Học viện.

2. Điểm tồn tại

Quy định về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV chưa đa dạng (mới chỉ quan tâm đến việc chủ trì/tham gia đề tài NCKH SV, tham gia các hội nghị hội thảo) và quy định mỗi lớp SV từ năm thứ hai trở lên được đăng kí 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện là hơi ít. Chi thưởng cho SV có thành tích xuất sắc trong NCKH ở mức 500.000VNĐ là thấp nên khó khuyến khích được SV tích cực tham gia (Số 1366/QĐ-HVBC TT ngày 11/3/2021). Khoa chưa định kỳ đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV nhiều ngành khác trong Học viện và đối sánh với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong cả nước.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên có hướng dẫn chi tiết hơn về số lượng và các loại hình NCKH của SV như ngoài các loại hình đã quy định nên bổ sung thêm các loại hình khác như tham gia các đề tài NCKH của GV, thực hiện các dự án, công bố kết quả nghiên cứu, tham gia các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, tham dự các cuộc thi NCKH SV các cấp, ... Nên điều chỉnh quy định về số lượng đề tài NCKH SV hằng năm theo hướng mở rộng và tăng mức thưởng với những đề tài có kết quả xuất sắc để khuyến khích được các lớp, các ngành có phong trào NCKH tốt. Định kỳ nên tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp trong SV ở cấp Khoa/Học viện. Cần quan tâm hơn đến hoạt động đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV các ngành đào tạo khác của Học viện và với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước làm cơ sở cho những cải tiến để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

5. Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Điểm mạnh

Trung tâm KT&ĐBCLĐT được thành lập vào năm 2012 có nhiệm vụ chủ trì thực hiện hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ và các ban/khoa là đơn vị phối hợp thực hiện (Số 4237/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2019). Để khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo (Số 3901/QĐ-HVBCTT ngày 31/8/2019). Theo đó, có 05 loại khảo sát là: Khảo sát ý kiến của các BLQ về CTĐT; khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy HP; khảo sát GV, NV và SV năm cuối, cựu SV, NTD về chất lượng đào tạo, khảo sát tình trạng việc làm của SVTN. Phương pháp khảo sát tương đối đa dạng gồm khảo sát online qua phần mềm QLĐT, Google form, gửi phiếu khảo sát qua email, gửi phiếu khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại. Kết quả mỗi đợt khảo sát đều được tổng hợp báo cáo lãnh đạo Học viện và gửi đến các đơn vị có liên quan để nghiên cứu xây dựng biện pháp cải tiến chất lượng. Ngoài việc khảo sát qua phiếu hỏi, Học viện còn thường niên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV để lắng nghe và giải quyết kịp thời những đề xuất của SV (Số 1559/TB-HVBCTT ngày 29/03/2021 thông báo về kết luận của Giám đốc Học viện tại buổi đối thoại với SV).

Minh chứng cho thấy, Học viện đã khảo sát sự hài lòng của SV về nội dung của CTĐT, về PPGD và phương pháp KTĐG, về hoạt động hỗ trợ NH; khảo sát cựu NH về CTĐT, về hoạt động hỗ trợ đào tạo và tư vấn hỗ trợ việc làm; khảo sát sự hài lòng của GV về các chính sách và CSVC phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH của GV; khảo sát sự hài lòng của NTD về nội dung CTĐT.

Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập và đối sánh sau mỗi đợt khảo sát như: Mức độ hài lòng của SV về PPGD trong các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 tương ứng là 80,0%, 83,0%, 79,8%, 88,1%, 96,5%; hài lòng về hoạt động hỗ trợ đào tạo là 82,5%, 83,6%, 85,2%, 87,7%, 97,7%; mức độ hài lòng của cựu NH khảo sát năm 2020, 2021 về hoạt động tư vấn hỗ trợ việc làm là 75,0% và 63,6%; mức độ hài lòng của GV về CSVC phục vụ đào tạo và NCKH trong các năm 2019, 2020, 2021 là 85,6%, 72,0%, 76,1%. Nhìn chung, mức độ hài lòng của SV về các lĩnh vực khảo sát có xu hướng tăng dần thể hiện Học viện đã có nhiều cải tiến để nâng cao chất lượng.

2. Điểm tồn tại

Hồ sơ minh chứng chưa thể hiện rõ việc Khoa đã phân tích kỹ càng kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, chưa thường niên đối sánh kết quả khảo sát với các CTĐT khác ở trong và ngoài Học viện để xây dựng các biện pháp cải tiến chất lượng. Khoa chưa thường niên khảo sát mức độ hài lòng của NTD, của GV đối với chất lượng SVTN. Hằng năm chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ để có những đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương pháp khảo sát.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trung tâm KT&ĐBCLĐT cần cập nhật điều chỉnh bộ phiếu khảo sát để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong mỗi năm học như bổ sung phần nêu các điểm hạn chế lớn của CTĐT trong phiếu khảo sát SV năm cuối. Cần đa dạng hình thức khảo sát mức độ hài lòng của NTD và của GV về chất lượng SV sau tốt nghiệp (như ngoài các hình thức đã thực hiện cần tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo); và khảo sát theo khóa SVTN để có thêm cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT. Học viện/Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả tác động của hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ đến việc nâng cao chất lượng SVTN (như đánh giá độ tin cậy của kết quả khảo sát, đánh giá hiệu quả của phương pháp khảo sát, đánh giá tính hợp lý và khoa học của các phiếu khảo sát, đánh giá sự hợp lý của thời điểm tiến hành khảo sát trong năm, đánh giá mức độ cải tiến sau mỗi lần khảo sát, ...).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Tỷ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và cập nhật hằng năm. Tỉ lệ SVTN đúng hạn khá cao, trung bình đạt 91,1%. Kết quả thống kê tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình đã được Học viện/Khoa phân tích, đối sánh với các CTĐT khác trong Học viện để cải tiến chất lượng. Công tác hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp giúp SV tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp được quan tâm thông qua kết nối với các cơ sở ngoài Học viện để gửi SV đi tham quan/thực tập, tìm kiếm và cập nhật thông tin tuyển dụng để thông báo cho SV. Hoạt động khảo sát việc làm và sự hài lòng của cựu NH được thực hiện khá tốt. Công tác NCKH của SV được quan tâm thông qua việc ban hành chính sách khuyến khích và cấp kinh phí để thực hiện đề tài NCKH SV cấp cơ sở. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ được triển khai định kỳ hằng năm, có cải tiến về quy trình, phương thức khảo sát, công cụ khảo sát và kết quả khảo sát đã được Khoa và các đơn vị sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Học viện chưa có văn bản quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê tình hình SV thôi học, SVTN của các CTĐT theo khóa học. Tỷ lệ SV thôi học còn cao, trung bình là 11,2%. Tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo còn thấp (trung bình là 26,5%). Công tác đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SVTN đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình trạng việc làm của SV, kết quả NCKH của SV với SV cùng ngành của các trường ĐH khác còn hạn chế.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Trong thời gian tới, Học viện cần ban hành quy định về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo. Khoa cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp để giảm số SV thôi học và tăng tỷ lệ SV có việc làm đúng và gần với ngành đào tạo. Đổi mới chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH như tăng số lượng đề tài và tăng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực SVTN để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của NTD, GV, cựu NH về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội của SV sau tốt nghiệp làm cơ sở triển khai đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

Phần III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Đoàn ĐGN đã bỏ phiếu thống nhất kết quả đánh giá mức đạt của CTĐT ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước:

- Số tiêu chí đạt mức 4 trở lên: 44 tiêu chí, đạt 88,00%;
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu: 11 tiêu chuẩn, đạt 100%;
- Đã có 28 khóa NH tốt nghiệp.

Chiếu theo khoản 1 (*Đã có ít nhất một khóa NH tốt nghiệp tại thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá*) và khoản 4 (*chương trình đào tạo có ít nhất 80% số tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu theo kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục*) Điều 23 của Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 19/11/2013 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về qui trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp thì CTĐT ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2017 - 2022 đủ điều kiện xét công nhận đạt đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Kiến nghị

Đề nghị Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường ĐH Vinh tiến hành các thủ tục tiếp theo để xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cho CTĐT ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KĐCLGD**

TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

TS. Trần Đình Quang

PGS. TS. Bùi Duy Cam

Phần IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Xây dựng Đảng

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

Phụ lục 4. Lịch trình đánh giá ngoài

Phụ lục 5. Công văn phản hồi của CSGD có chương trình đào tạo được đánh giá về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài

Phụ lục 1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền - Khoa Xây dựng Đảng

1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục.

Sứ mệnh “NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.”

Tầm nhìn của HVBC&TT đến năm 2050: “trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới... Học viện phấn đấu trở thành:

Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông

Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.

Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.

Các giá trị cốt lõi mà HVBC&TT cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Công hiến.*

Triết lí giáo dục của HVBC&TT theo triết lí giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Học để làm việc, làm người, làm CB. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”.

Tính đến tháng 3/2022, Học viện có tổng số 386 CB GV, NV, trong đó có 28 Phó Giáo sư, 103 Tiến sĩ, 205 Thạc sĩ, 35 cử nhân số lượng SV trình độ đại học hệ chính quy của Học viện là 7557; số lượng nghiên cứu sinh là 129 và học viên cao học là 1134 học viên. Học viện có 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 12 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trong 5 năm (2017-2022) Học viện đã nghiệm thu 6 đề tài cấp Nhà nước, 19 đề tài cấp Bộ, 119 đề tài cấp cơ sở trọng điểm, 562 đề tài cấp cơ sở, và 159 đề tài NCKH của SV.

Về hợp tác quốc tế, Học viện đã ký kết văn bản ghi nhớ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, có thể kể đến như: Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh), Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo), Khoa Khoa học chính trị - Đại học Thammasat - Bangkok (Thái Lan), Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc) và Viện Thông tin văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào.

Đảm bảo chất lượng, Từ năm 2015, Học viện đã thực hiện tự đánh giá chất lượng CSGD theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được ban hành theo Thông tư số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007. Đến năm 2018, Học viện thực hiện đánh giá đồng cấp và đạt chứng nhận kiểm định chất lượng CSGD. Cuối năm 2019, Học viện thành lập Hội đồng tự đánh giá và triển khai thực hiện tự đánh giá CTĐT đào tạo các ngành Triết học, Xã hội học, Quan hệ công chúng và Quan hệ quốc tế.

2. Giới thiệu về Khoa Xây dựng Đảng

Khoa Xây dựng Đảng thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thành lập ngày 05 tháng 9 năm 1975 (được tách ra từ khoa Lịch sử Đảng). Trải qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển, ban đầu giảng dạy môn Xây dựng Đảng cho các lớp học trong trường, mở các lớp bồi dưỡng nghị quyết, tập huấn công tác đảng; đến năm 1991 là cơ sở đầu tiên trong cả nước mở mã ngành đào tạo đại học Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước. Năm 2020, Khoa bắt đầu đào tạo thạc sĩ; năm 2017, đào tạo trình độ tiến sĩ.

Hiện nay, Khoa có 2 tổ bộ môn gồm: Tổ bộ môn Lý luận và nghiệp vụ xây dựng Đảng; Tổ bộ môn Lý luận và nghiệp vụ xây dựng chính quyền nhà nước. Đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu của Khoa thực hiện CTĐT gồm có 15 người: 03 PGS, TS, GVCC; 04 TS, GVCC; 04 TS, GVC và 04 ThS (trong đó có 01 giảng viên đang học NCS). Bên cạnh đó, Khoa còn có một đội ngũ cộng tác viên với gần 100 giáo sư, giảng viên cao cấp, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ nhiều kinh nghiệm đang công tác tại các học viện, trường đại học, các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Hội đồng Lý luận Trung ương, ... làm giảng viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng và hướng dẫn, chấm luận văn thạc sĩ, tiến sĩ cho các chương trình đào tạo đại học và sau đại học ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

Một số hoạt động chính của Khoa về công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Về công tác đào tạo

Khoa Xây dựng Đảng bắt đầu đào tạo môn học Xây dựng Đảng từ năm 1977, đến năm 1991 bắt đầu mở mã ngành đào tạo cử nhân Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước hệ tập trung và vừa làm vừa học. Đến nay, Khoa đã đào tạo trên 10.000 sinh viên đại học ngành XDD&CQNN (trong đó có hàng trăm cử nhân cho nước CHDCND Lào) và

tham gia đào tạo hàng chục nghìn sinh viên các chuyên ngành khác; Khoa đang quản lý và trực tiếp tổ chức giảng dạy 33 môn học chuyên ngành đối với các lớp đại học ngành XDD&CQNN; Khoa đảm nhiệm giảng dạy xây dựng Đảng cho 40 chuyên ngành đào tạo đại học của Học viện.

Hiện nay, số lượng sinh viên đang theo học các ngành và chuyên ngành của Khoa đạt 198 sinh viên (trong đó có 13 sinh viên nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và 185 sinh viên Việt Nam). Kết quả học tập của sinh viên trong Khoa ngày càng được nâng cao, số lượng sinh viên tốt nghiệp loại Khá, Giỏi năm sau đều cao hơn năm trước.

Về công tác nghiên cứu khoa học

Khoa Xây dựng Đảng luôn xác định nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên phải đi đôi với việc tăng cường năng lực NCKH. NCKH góp phần tích lũy, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực và chất lượng giảng dạy, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Vì thế, hoạt động NCKH của Khoa luôn diễn ra hết sức sôi động và đạt được nhiều thành tích quan trọng.

Hoạt động NCKH của Khoa ngày càng được đề cao và phát triển mạnh thông qua số lượng ngày một tăng các công trình nghiên cứu. Trong vòng 5 năm trở lại đây (2017-2021), khoa đã và đang thực hiện được 41 đề tài khoa học các cấp (01 đề tài khoa học cấp Nhà nước, 01 đề tài khoa học cấp Bộ; 39 đề tài khoa học cấp cơ sở), 06 đề tài khoa học sinh viên, công bố hơn 200 công trình nghiên cứu bao gồm cả sách, tham luận khoa học, bài báo khoa học trong nước và quốc tế (trong đó có 05 bài báo quốc tế uy tín nằm trong danh mục ISI, SCOPUS và một số bài báo quốc tế uy tín ngoài danh mục ISI, SCOPUS).

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả Tự đánh giá chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành XDD&CQNN do Khoa XDD quản lí. Khoa và Học viện đã thực hiện TĐG theo thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT và công văn 2085/QLCL-KĐCLGD của Bộ GD&ĐT.

1. Quá trình thực hiện TĐG từ tháng 11/2021 đến tháng 4/2022. Nội dung chính của Báo cáo TĐG CTĐT XDD thực hiện theo 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CDR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung và phương pháp tiếp cận trong dạy-học; tiêu chuẩn 5 về đánh giá KQHT của NH; tiêu chuẩn 6 và 7 hướng đến việc TĐG về đội ngũ CB GV, nghiên cứu viên và đội ngũ NV; tiêu chuẩn 8 mô tả công tác tuyển sinh và hỗ trợ NH; tiêu chuẩn 9 tập trung đánh giá CSVC, trang thiết bị và môi trường học thuật; tiêu chuẩn 10 mô tả các qui trình nâng cao chất lượng CTĐT; tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra.

2. Mục đích, qui trình, phương pháp và công cụ TĐG CTĐT

Mục tiêu của việc TĐG: thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình về các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện. Trên cơ sở các kết quả đánh giá, Học viện/Khoa nhận dạng những điểm mạnh để phát huy, điểm yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp và lập kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng đào tạo; thực hiện mục tiêu đào tạo nhân lực ngành XDD&CQNN chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Báo cáo TĐG còn là cơ sở cho công tác ĐGN CTĐT, hướng tới mục tiêu kiểm định chất lượng CTĐT, khẳng định mong muốn và cam kết của Học viện với NH, với xã hội, với thị trường lao động. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, Học viện đã trình bày hiện trạng các điều kiện ĐBCL, chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, ... cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Phạm vi TĐG bao gồm toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ khác cho CTĐT ngành XDD&CQNN giai đoạn 2017-2022.

Công cụ TĐG là bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT qui định tại Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT cùng các công văn Số 1669/QLCL-KĐCLGD và Số 2085 và 774/QLCL-KĐCLGD của Giáo dục ĐH của Bộ GD&ĐT.

Hội đồng TĐG được thành lập theo Quyết định số 6874/QĐ-HVBCTT ngày 01/12/2021, với 23 thành viên. Hội đồng có Ban thư kí gồm 17 thành viên và 6 nhóm công tác chuyên trách.

Qui trình TĐG: thực hiện theo các bước như hướng dẫn tại công văn số 2085 và 774/QLCL-KĐCLGD của Bộ GD&ĐT. Đối với mỗi tiêu chí, nội dung đánh giá bao gồm: phần mô tả thực trạng phân tích, giải thích, so sánh nêu ra những nhận định đánh giá, chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu; từ đó, lên kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế để cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; cuối cùng là phần TĐG theo từng tiêu chí.

Sự tham gia của các BLQ: Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo TĐG chất lượng CTĐT do Học viện tổ chức, Hội đồng TĐG đã lên kế hoạch chi tiết, tiến hành họp Hội đồng phổ biến kế hoạch và phân công trách nhiệm theo những phần việc như: Thu thập thông tin, xác định cỡ mẫu khảo sát từ tổng số SV năm cuối, cựu SV, NTD, GV, chuyên gia; thực hiện điều tra khảo sát; viết phiếu đánh giá tiêu chí; viết dự thảo báo cáo TĐG; hoàn thiện dự thảo báo cáo; lưu giữ hồ sơ, minh chứng...

Báo cáo TĐG do Ban thư kí mà chủ yếu là các CB, GV của Khoa XDĐ triển khai thực hiện với sự hỗ trợ cung cấp minh chứng từ các đơn vị chức năng của Học viện. Từng nhóm tiến hành họp và phân công nhiệm vụ nghiên cứu các tiêu chuẩn, tiêu chí, văn bản hướng dẫn; xác định minh chứng cần có; phân tích minh chứng để từ đó xác định cách viết Báo cáo và tiến hành viết báo cáo. Báo cáo TĐG có sự tham gia đánh giá, đóng góp ý kiến của các phòng ban chức năng, các nhóm SV và cựu SV, các doanh nghiệp và tổ chức sử dụng lao động.

Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch, biện pháp khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh; định hướng trọng tâm phát triển và cải tiến chất lượng CTĐT trong giai đoạn tiếp theo.

3. Kết quả TĐG có thể tóm tắt như sau:

- Số tiêu chí đạt từ mức 4 trở lên: 50 (100%);
 - + Số tiêu chí đạt mức 2: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 3: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 4: 3
 - + Số tiêu chí đạt mức 5: 47
 - + Số tiêu chí đạt mức 6: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 7: 0
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá từ mức đạt trở lên: 11;
- Số tiêu chuẩn có mức đánh giá trung bình đạt từ mức 4 trở lên: 11 (100%);
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt (mức 4 trở lên): 100% (50 tiêu chí);
- Điểm trung bình chung: 4,94.

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 145/QĐ-KDCLV

Nghệ An, ngày 25 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
- TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Căn cứ Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 3980-CV/HVBCTT ngày 22/8/2022 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc phân bổ danh sách đoàn đánh giá ngoài CTĐT;

Theo đề nghị của Trường phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Danh sách kèm theo).

Điều 2. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài có trách nhiệm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được nêu trong “*Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo*” ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh và hưởng các quyền lợi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

Điều 3. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phòng chức năng, các ông, bà có tên tại Điều 1, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ll*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục QLCL-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh (để b/c);
- Lưu: HC-DV, ĐGCN. *ll*

GIÁM ĐỐC



Trần Đình Quang



**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

*(Kèm theo Quyết định số: 513/QĐ-KĐCLV ngày 25 tháng 8 năm 2022
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Số thẻ/Chứng chỉ kiểm định viên	Chức vụ trong Đoàn
I	Chuyên gia		
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	2017.01.244	Trưởng đoàn
2	TS. Phan Hùng Thư	2017.01.323	Thư ký
3	TS. Trần Đình Quang	2017.01.313	Thành viên thường trực
4	PGS.TS. Nguyễn Thái An	2016.01.137	Thành viên
5	PGS.TS. Phạm Văn Quyết	2016.01.201	Thành viên
6	PGS.TS. Phan Văn Hiếu	2014.02.071	Thành viên
7	TS. Lê Huy Tùng	2014.1.052	Thành viên
II	Giám sát		
8	ThS. Võ Công Dũng		Giám sát viên

Án định danh sách gồm 08 người. ll

Phụ lục 4. Lịch trình Đánh giá ngoài**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH****ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI 04 CTĐT CỦA
HỌC VIỆN BÁO CHÍ TUYÊN TRUYỀN****KẾ HOẠCH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

- 1. Chủ nghĩa xã hội khoa học**
- 2. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**
- 3. Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước**
- 4. Kinh tế chính trị**

Thời gian: *từ ngày 07/10/2022 đến ngày 11/10/2022*Địa điểm: *Học viện Báo chí tuyên truyền**Số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội*

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc			
		CNXHKH	LSĐCSVN	XDD&CQ NN	KTCT
Ngày làm việc thứ nhất (Thứ Sáu, ngày 07 tháng 10 năm 2022)					
8:00 - 8:30	Họp đoàn, Trưởng đoàn phân công nhiệm vụ cho các thành viên	Đoàn ĐGN <i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i>			
8:30 – 10:30	Đoàn làm việc nội bộ				
10:30 - 12:00	Khai mạc Khảo sát chính thức <i>(Có chương trình chi tiết kèm theo)</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá; - Các Hội đồng Tự đánh giá; - Cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá <i>(do Nhà trường điều động)</i>. <p style="text-align: center;"><i>(Hội trường)</i></p>			
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>				
13:30 -14:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp,	Đoàn ĐGN <i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i> <i>(Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)</i>			

	Quản trị, Thư viện, CNTT...				
14:00 - 17:00	Quan sát thực tế văn phòng bộ môn; phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và phòng tư liệu các khoa phụ trách 04 CTĐT.	Nhóm 1			
	Quan sát thực tế thư viện, y tế, phòng làm việc các phòng, ban chức năng liên quan, khuôn viên nhà trường và cơ sở vật chất khác.	Nhóm 2			
17:00 - 17:30	- Đoàn làm việc nội bộ; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
Ngày làm việc thứ hai (Thứ Bảy, ngày 08 tháng 10 năm 2022)					
8:00 – 11:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)			
11:00 – 12:00	Đoàn làm việc nội bộ (Họp đoàn)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa				
		CNXHKH	LSĐCSVN	XDD&CQ NN	KTCT
13:30 - 14:30	Phỏng vấn nhóm Phụ trách chuyên môn (Trưởng/ phó Khoa, trưởng/ phó Bộ môn phụ trách chuyên môn CTĐT được đánh giá)	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
14:30 -14:45	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
14:45 - 15:45	Phỏng vấn nhóm Cán bộ hỗ trợ và cán bộ Đoàn thể của cả 04 CTĐT	Phòng PV 04			
15:45 - 16:00	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
16:00 - 17:00	Phỏng vấn nhóm Giảng viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
17:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			

Ngày làm việc thứ ba (Chủ Nhật ngày 09 tháng 10 năm 2022)					
8:00 - 9:00	Phỏng vấn nhóm Nhà sử dụng lao động theo từng CTĐT	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
9:00 - 9:15	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
9:15 - 10:15	Phỏng vấn nhóm Cựu sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
10:15 - 10:30	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
10:30 - 11:30	Phỏng vấn nhóm Sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
8:00 - 12:00	<i>Phỏng vấn qua điện thoại tình hình SV tốt nghiệp năm 2020 và 2021</i>	<i>Các phòng PV có lắp điện thoại</i>			
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>				
13:30 - 16:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) <i>(Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)</i>			
16:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ (Hợp đoàn)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
Ngày làm việc thứ 4 (Thứ 2, ngày 10 tháng 10 năm 2022)					
8:00 - 10:00	Các thành viên trình bày báo cáo kết quả đánh giá theo công việc được phân công	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
	Thảo luận về những điểm cần làm rõ trong kết quả đánh giá của các thành viên				
10:00 - 11:30	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện và Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chuyên gia ĐGN; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá; - Hội đồng tự đánh giá. (Phòng họp)			
11:30 - 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Phòng làm việc của Đoàn			
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>				
13:30 - 15:30	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên chuẩn bị slide báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá các tiêu chuẩn được phân công; - Trưởng đoàn tổng hợp báo 	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			

	cáo kết quả đánh giá sơ bộ; - Thư kí tổng hợp Dự thảo Biên bản kết thúc đợt khảo sát chính thức.	
15:30 - 17:00	Các thành viên hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá theo Phụ lục 14, 15.	
17:00 - 17:30	- Đoàn làm việc nội bộ; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn (<i>nếu có nhu cầu</i>)	
<i>Ngày làm việc thứ năm (Thứ Ba ngày 11 tháng 10 năm 2022)</i>		
8:00 - 8:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN <i>(Phòng làm việc của Đoàn)</i>
8:30 - 11:30	Bế mạc đợt khảo sát chính thức (<i>có chương trình chi tiết kèm theo</i>)	- Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài; - Đại diện lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;
11:30 - 12:00	Kí biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức giữa Đoàn ĐGN, Học viện BCTT và Trung tâm KĐCLGD-Trường ĐHV.	- Các Hội đồng Tự đánh giá; - Đại diện các đơn vị trong Học viện; - Đại diện cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá. <i>(Hội trường)</i>

-Hết-

Phụ lục 5.

Công văn phản hồi của CSGD có CTĐT được đánh giá về dự thảo báo cáo ĐGN

